



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ NÔNG LÂM PHÚ THỌ

Địa chỉ: Số 217 Đường Đào Giã - Xã Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ
Email: pcem1973@gmail.com
Website: www.pcem.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2026

Phú Thọ, tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	2
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	3
1. Thông tin chung.....	3
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	3
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự.....	5
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo	7
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	10
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	12
1. Đặt vấn đề.....	12
2. Tổng quan chung	12
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	13
2.2. Mục đích.....	13
2.3. Yêu cầu.....	13
2.4. Phương pháp.....	13
2.5. Các bước tiến hành.....	14
3. Tự đánh giá	14
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	14
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	21
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	116
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	118
PHỤ LỤC	
1. Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	
2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	
3. Bảng mã minh chứng.	

CÁC TỪ VIẾT TẮT

GV	Giảng viên
XD	Xây dựng
KTX	Ký túc xá
CBGV	Cán bộ giảng viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CBVC	Cán bộ viên chức
VHXX	Văn hóa xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CTĐT	Chương trình đào tạo
HSSV	Học sinh sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
TCHC	Tổ chức - Hành chính
TCKT	Tài chính - Kế toán
KĐCL	Kiểm định chất lượng
CNTT	Công nghệ thông tin
NCKH	Nghiên cứu khoa học
KBNN	Kho bạc nhà nước
CTMT	Chương trình mục tiêu
GVCN	Giảng viên chủ nhiệm
PPDH	Phương pháp dạy học
MH/MĐ	Môn học/Mô đun
AT VSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
CT HSSV	Công tác học sinh sinh viên
LĐ-TBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
ĐT & HTQT	Đào tạo và Hợp tác quốc tế
TS & GTVL	Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
NN & MT	Nông nghiệp và Môi trường
KT & KĐCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
VHVN, TDTT	Văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ.
- Tên tiếng Anh: Phu Tho College for Electro -Mechanics and Agroforestry
- Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Địa chỉ trường: Số 217, đường Đào Giã, xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (02106)589 629.
- Email: pcem1973@gmail.com.
- Website: <https://www.pcema.edu.vn>.
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: 1973.
 - + Năm đổi tên trường thành trường cao đẳng nghề: 2007.
 - + Năm đổi tên trường thành trường cao đẳng: 2017.
- Loại hình trường: Công lập ☒ ; Tư thực ☐

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT

2.1. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ tiền thân là Trường Công nhân Cơ điện I được thành lập theo Quyết định số 352/LTTP-TCLĐ ngày 31/7/1973 của Bộ trưởng Bộ Lương thực - Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT). Trường đóng trên địa bàn xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Với nhiệm vụ chính ban đầu là đào tạo công nhân kỹ thuật bậc 2/7, cung cấp nguồn thợ sửa chữa cho các nhà máy chè trong khu vực. Quy mô đào tạo ban đầu là 150 học sinh/năm, với 7 nghề: Tiện, Nguội, Gò, Hàn, Rèn, Sửa chữa điện xí nghiệp, Sửa chữa ô tô.

Tại Công văn số 1826/BNN-TCCB ngày 21/7/2005 Bộ NN & PTNT đã có đề nghị Bộ LĐTBXH quy hoạch Trường Công nhân Cơ điện I vào mạng lưới các trường dạy nghề trọng điểm để tập trung đầu tư, phát triển thành trường dạy nghề chất lượng cao vào năm 2010.

Đến năm 2007, Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH đã có Quyết định số 73/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/01/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ trên cơ sở nâng cấp Trường Công nhân Cơ điện I.

Tháng 4/2009 Nhà trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ trực thuộc Bộ NN & PTNT theo Quyết định số 454/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/04/2009 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH.

Theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ là 1 trong 45 trường được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng cao thuộc Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020.

Ngày 20/06/2017 Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH ban hành Quyết định số 906/QĐ-LĐTBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ thành Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ trực thuộc Bộ NN & PTNT.

Ngày 31/12/2025 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3670/QĐ-BGDĐT thành lập trường Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông Lâm Phú Thọ trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng Cao đẳng Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ vào Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ.

Trải qua trên 53 năm xây dựng và phát triển, cho đến nay Nhà trường đã đào tạo hàng chục nghìn lao động kỹ thuật lành nghề cho ngành NN & MT nói riêng, toàn xã hội nói chung.

2.2. THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ NN & PTNT, Tổng cục GDNN và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể CBGV và HSSV, Nhà trường đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tập thể Nhà trường liên tục được công nhận danh hiệu tiên tiến xuất sắc của Bộ; được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Trung ương tặng nhiều phần thưởng cao quý:

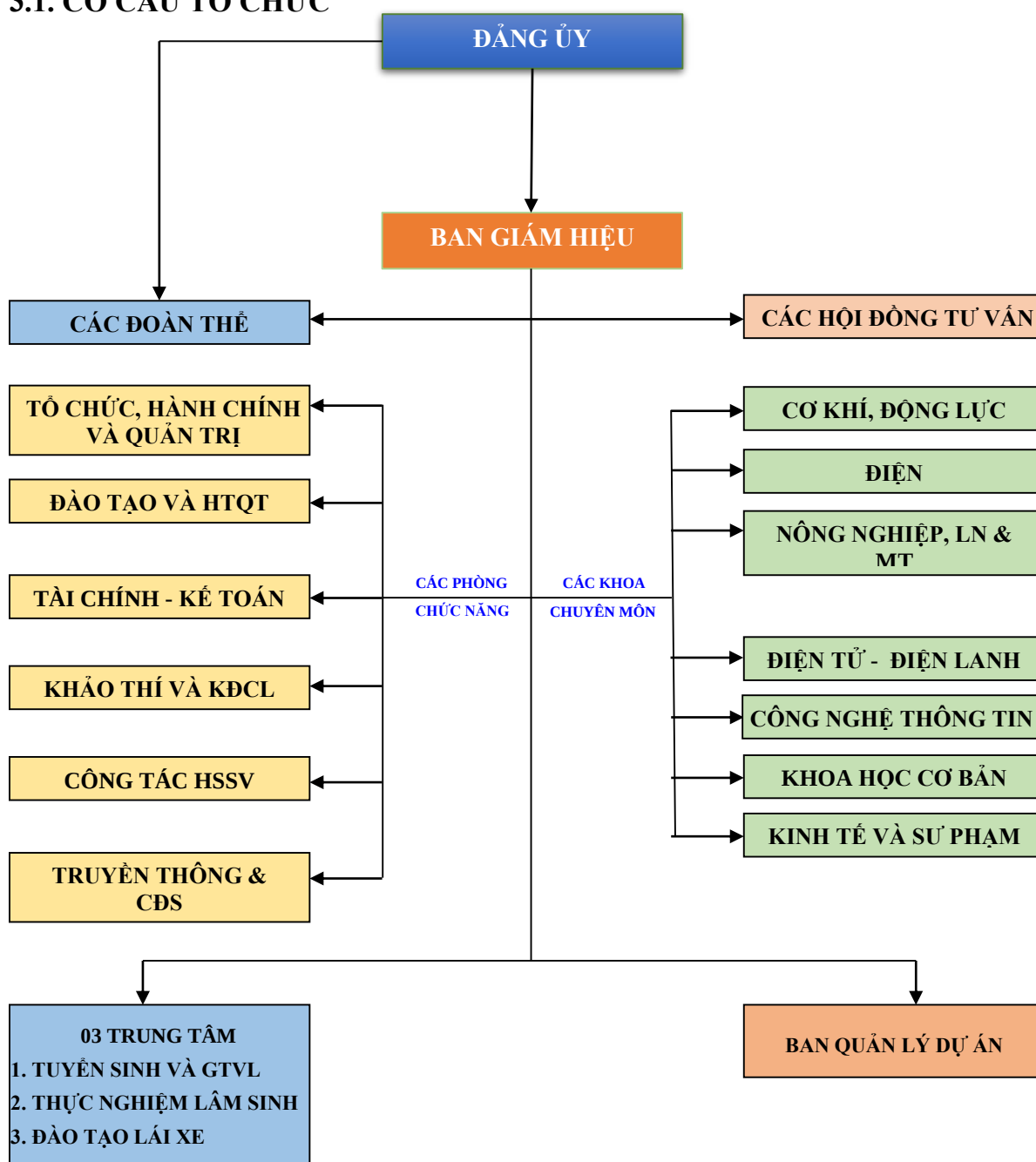
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1983; 2023
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1998;
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2008;
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2013;
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ NN & PTNT các năm: 1997, 2001, 2010, 2018; 2024.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ LĐ-TBXH năm 2008;
- Cờ dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh khối các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp 3 năm (2004 - 2007) của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Nhiều năm liên được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Trung ương đoàn Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Danh hiệu Nhà giáo: 06 Nhà giáo ưu tú; 01 Nhà giáo nhân dân; 08 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 04 Nhà giáo được trao tặng giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi;
- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của các Bộ ngành Trung ương và tỉnh Phú Thọ.
- Nhà giáo dạy giỏi cấp Toàn quốc: 01 giải Nhất; 02 giải Nhì; 06 giải Ba;
- Thiết bị dạy nghề cấp Toàn quốc: 02 giải Nhất; 04 giải Nhì; 02 giải Ba;
- Học sinh giỏi các cấp: 01 học sinh đạt huy chương đồng ASEAN; nhiều lượt học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi nghề cấp Toàn quốc, cấp Bộ và cấp Tỉnh;
- Đảng bộ và các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên các năm đều được công nhận trong sạch vững mạnh.

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã triển khai một số giải pháp để tiếp tục duy trì các hoạt động dạy học, đặc biệt là đảm bảo tiến độ đào tạo như: chuyển đổi số trong lĩnh vực quản trị, điều hành; triển khai dạy học trực

tuyển, đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông; tuyển sinh, giới thiệu việc làm... Chính vì vậy, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng trong năm 2020, Nhà trường vẫn đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: có 03 nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh (02 giải nhất, 01 giải nhì); Có 05 nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN cấp Bộ (01 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba); 02 học sinh được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tại hội thi kỹ năng nghề toàn quốc; 04 tập thể nhận Bằng khen của Bộ trưởng; 03 cá nhân nhận Bằng khen của Bộ trưởng và Công đoàn ngành; 01 cá nhân nhận được Bằng khen tuyên dương về “Cán bộ, công chức trẻ tiêu biểu 2020” lần thứ VII của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC



3.2. DANH SÁCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA TRƯỜNG

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Trần Thị Thúy Lan	1969	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Lê Đức Vũ	1965	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
	Lê Đức Minh	1982	Tiến sĩ	P.Hiệu trưởng
	Nguyễn Xuân Lối	1968	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
	Phạm Quang Tuấn	1974	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
	Mai Trường Sơn	1974	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Trần Thị Thúy Lan	1969	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Quản lý đào tạo	Nguyễn Văn Hải	1980	Tiến sĩ	Bí thư
Chi bộ Tổng hợp	Nguyễn Chí Kiên	1973	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Truyền thông, CT HSSV	Nguyễn Ngọc Thành	1980	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ Điện	Nguyễn Quốc Chiến	1974	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Cơ khí, Động lực	Trương Đình Luân	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ KHCB, Kinh tế	Nguyễn Chúc Vụ	1970	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ NN, LN, MT	Kiều Văn Hùng	1976	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ ĐTLX, TNLS	Nguyễn Hữu Chính	1978	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Điện tử, CNTT	Nguyễn Đăng Thọ	1973	Kỹ sư	Bí thư
Công đoàn	Mai Trường Sơn	1974	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Huy Tiến	1990	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC&QT	Ngô Lan Hương	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và HTQT	Nguyễn Văn Hải	1980	Tiến sĩ	P.Trưởng phòng
Phòng KT&KĐCL	Bùi Trung Hiếu	1986	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Ngọc Thành	1980	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Nguyễn Thanh Tú	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Truyền thông & CDS	Nguyễn Thanh Hải	1975	Cử nhân	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Cơ khí, Động lực	Trương Đình Luân	1979	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện	Nguyễn Văn Đào	1975	Thạc sĩ	P.Trưởng khoa
Khoa Điện tử - Điện lạnh	Nguyễn Đăng Thọ	1973	Kỹ sư	P.Trưởng khoa
Khoa NN, LN&MT	Kiều Văn Hùng	1976	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Trương Thùy Dương	1983	Thạc sĩ	P.Trưởng khoa
Khoa Kinh tế & SP	Nguyễn Thị Hoa	1984	Thạc sĩ	P.Trưởng khoa
Khoa CNTT	Nguyễn Hữu Đông	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc				
Trung tâm TS>VL	Nguyễn Hải Duy	1985	Thạc sĩ	P. Giám đốc
Trung tâm Thực nghiệm LS	Đỗ Văn Mão	1975	Thạc sĩ	Giám đốc

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Trung tâm Đào tạo lái xe	Nguyễn Hữu Chính	1978	Thạc sĩ	Giám đốc

3.3. CÁN BỘ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
1. Tổng số CBGV, nhân viên	199	199	199
2. Tổng số GV cơ hữu theo trình độ đào tạo	159	159	159
2.1. Viên chức	146	146	146
- Tiến sĩ	3	3	3
- Thạc sĩ	79	79	79
- Đại học	64	64	64
- Cao đẳng	0	0	0
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
2.2. Hợp đồng	13	13	13
- Tiến sĩ	0	0	0
- Thạc sĩ	1	1	1
- Đại học	11	11	11
- Cao đẳng	1	1	1
- Trung cấp			
- Trình độ khác			
3. Tổng số GV dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số GV của trường			

4. NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO

(Theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động GDNN số 28/2026/GCNDKHD-GDNNGDTX ngày 05/5/2026 của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên).

TT	Tên ngành/ngành o	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
I	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	40

TT	Tên ngành/ngành o	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
		5340302	Trung cấp	120
II	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Tin học văn phòng	6480203	Cao đẳng	45
		5480203	Trung cấp	85
2	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng	20
		5480209	Trung cấp	55
III	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	85
		5510216	Trung cấp	305
IV	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Kỹ thuật máy nông nghiệp	6520102	Cao đẳng	30
		5520102	Trung cấp	30
2	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng	20
		5520121	Trung cấp	20
3	Hàn	6520123	Cao đẳng	35
		5520123	Trung cấp	145
V	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	35
		5520205	Trung cấp	35
2	Điện tử dân dụng	6520224	Cao đẳng	20

TT	Tên ngành/ngành o	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
		5520224	Trung cấp	35
3	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng	55
		5520225	Trung cấp	125
4	Điện dân dụng	6520226	Cao đẳng	35
		5520226	Trung cấp	35
5	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	90
		5520227	Trung cấp	335
6	Cơ điện nông thôn	6520262	Cao đẳng	35
		5520262	Trung cấp	35
VI	Nhóm ngành, nghề Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống			
1	Công nghệ chế biến chè	6540124	Cao đẳng	20
		5540124	Trung cấp	65
VII	Nhóm ngành, nghề Nông nghiệp			
1	Bảo vệ thực vật	6620116	Cao đẳng	30
		5620116	Trung cấp	90
2	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	6620117	Cao đẳng	15
		5620117	Trung cấp	30
3	Khuyến nông lâm	5620122	Trung cấp	65
4	Kỹ thuật rau, hoa công nghệ cao	6620125	Cao đẳng	20
		5620125	Trung cấp	65

TT	Tên ngành/ngành o	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
	Nhóm ngành, nghề Lâm nghiệp			
1	Lâm sinh	6620202	Cao đẳng	20
VIII	Nhóm ngành, nghề Thú y			
1	Thú y	6640101	Cao đẳng	15
		5640101	Trung cấp	130
I	Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật			
1	Kỹ thuật điêu khắc gỗ	5210101	Trung cấp	70

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
1. Diện tích hạng mục công trình (m²) CƠ SỞ 1			
- Khu hiệu bộ	1.698	1.698	1.698
- Phòng học lý thuyết	3.475.40	3.475.40	3.475.40
- Xưởng thực hành	6093	14.064	14.064
- Khu phục vụ	22.653	22.653	22.653
+ Thư viện	1.834	1.834	1.834
+ Ký túc xá	3.969	3.969	3.969
+ Nhà ăn	1.093	1.093	1.093
+ Trạm y tế	32	32	32
+ Khu thể thao	15725	15725	15725
- Nhà thể chất	1.590	1.590	1.590
2. Diện tích hạng mục công trình (m²) CƠ SỞ II			
- Khu hiệu bộ	1927	1927	1927
- Phòng học lý thuyết	4050	4050	4050
- Xưởng thực hành	8324	8324	8324
- Khu phục vụ			
+ Thư viện	209	209	209
+ Ký túc xá	2902	2902	2902
+ Nhà ăn	271	271	271

+ Trạm y tế	25	25	25
+ Khu thể thao	4941	4941	4941
- Nhà thể chất	747	747	747
3. Diện tích hạng mục công trình (m²) CƠ SỞ III			
- Nhà điều hành	217	217	217
- Phòng học lý thuyết	1453	1453	1453
- Sân tập lái xe	14000	14000	14000
- Khu phục vụ	0	0	0
+ Ký túc xá	787	787	787
+ Nhà ăn	150	150	150
+ Nhà để xe sân tập lái xe	568	568	568
+ Nhà chờ học sinh cấp 4	120	120	120
4. Diện tích hạng mục công trình (m²) CƠ SỞ IV			
- Nhà điều hành	355	355	355
- Nhà làm việc cấp 4	102	102	102
5. Tổng số đầu sách	10.000	10.000	10.000
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành</i>	5000	5000	5000
6. Tổng số máy tính	305	355	355
- Dùng cho văn phòng	80	80	80
- Dùng cho học sinh học tập	225	275	275
7. Tổng nguồn kinh phí	81.525	92.478	83.184
7.1. Nguồn NSNN	65.889	76.861	38.891
7.2. Tổng thu học phí	15.001	14.924	43.493
7.3. Nguồn khác	635	693	800
7.4. Tổng kinh phí quyết toán	81.525	92.478	83.184

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Ngày nay, xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống – xã hội, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực, mỗi ngành/ngành mà ngay cả đối với mỗi cơ sở GDNN. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở GDNN ngày càng trở nên quyết liệt hơn, gay gắt hơn và lợi thế sẽ thuộc về cơ sở có chất lượng cao.

Chính vì vậy, chất lượng đào tạo đã và đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Đối với Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ, kiểm định chất lượng GDNN có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài, giúp Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một trong những cơ sở GDNN có thương hiệu về đào tạo được xã hội biết đến và thừa nhận.

Ý thức được vấn đề đó, Nhà trường đã tiến hành thực hiện tự đánh giá nhằm kiểm nghiệm lại mọi hoạt động đào tạo diễn ra trong trường một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở đó chỉ ra được những điểm mạnh, xác định rõ các tồn tại để xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu GDNN đã đề ra.

1.2. VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng, cụ thể:

- Đối với xã hội, tự đánh giá chất lượng GDNN là sự bảo đảm trước xã hội về chất lượng sản phẩm của cơ sở GDNN, là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của người học. Thông qua hoạt động kiểm định, Nhà trường sẽ chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.

- Đối với người học, bảo đảm chất lượng GDNN là mục đích cung cấp các dịch vụ cho người học nhằm đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các CTĐT. Vì thế, đánh giá chất lượng GDNN sẽ bảo đảm độ tin cậy đối với cơ sở GDNN hay một CTĐT mà người học đang theo học để có thể yên tâm vì nhu cầu học tập được đáp ứng một cách tốt nhất.

- Đối với các cơ sở GDNN, tự đánh giá giúp cho cơ sở GDNN có điều kiện kiểm nghiệm lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một cơ sở GDNN có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, được xã hội biết đến và thừa nhận.

- Đối với cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm chất lượng GDNN được coi là một công cụ đánh giá một cách khách quan về cơ sở GDNN, phát hiện những nhân tố mới

trong số các cơ sở GDNN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo sẽ thúc đẩy các cơ sở GDNN khác cải tiến nâng cao chất lượng.

- Đối với người sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp từ các cơ sở GDNN hoặc CTĐT đã được KĐCL giúp họ yên tâm hơn về chất lượng đào tạo.

- Đối với Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ, hoạt động tự đánh giá chất lượng không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Từ kết quả tự đánh giá, lãnh đạo Nhà trường cùng toàn thể CBVC sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ đáp ứng chất lượng các hoạt động, cũng như các hạn chế, tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề của thị trường lao động.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. CĂN CỨ TỰ ĐÁNH GIÁ

- Căn cứ Luật GDNN số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;
- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường.

2.2. MỤC ĐÍCH

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBGV, nhân viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, qua đó huy động tất cả các đơn vị và cá nhân cùng tham gia thực hiện công tác tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa vào hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số tự đánh giá chất lượng.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được. Đồng thời phát hiện và khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt hoặc cần cải thiện. Từ đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu.

2.3. YẾU CẦU

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng đã ban hành theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.
- Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn.
- Trung thực, khách quan, minh bạch và công khai trong quá trình tự đánh giá chất lượng so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

2.4. PHƯƠNG PHÁP

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL.

- Thảo luận, đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

2.5. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Căn cứ vào kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường thực hiện theo các trình tự sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN);

- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá của Nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;

- Thu thập thông tin và hồ sơ minh chứng để chứng minh;

- Xử lý phân tích mức độ mà Nhà trường đã đạt theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá;

- Công bố công khai kết quả tự đánh giá trong nội bộ Nhà trường và cấp có thẩm quyền.

3. TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CS GDNN

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100 điểm	98 điểm
1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10 điểm	10 điểm
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	2 điểm	2 điểm
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng,	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.		
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	2 điểm	2 điểm
1.4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	2 điểm	2 điểm
1.5	Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.	2 điểm	2 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	16 điểm	16 điểm
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	2 điểm	2 điểm
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	2 điểm	2 điểm
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	2 điểm	2 điểm
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	2 điểm	2 điểm
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm
2.8	Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	2 điểm	2 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	14 điểm	12 điểm
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	2 điểm	2 điểm
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2 điểm	2 điểm
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.	2 điểm	0 điểm
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2 điểm	2 điểm
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	2 điểm	2 điểm
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2 điểm	2 điểm
4	Tiêu chí 4 - Chương trình đào tạo, giáo trình	14 điểm	14 điểm
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	2 điểm	2 điểm
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	2 điểm	2 điểm
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	2 điểm	2 điểm
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
4.7	Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	16 điểm	16 điểm
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.	2 điểm	2 điểm
5.2	b) Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	2 điểm	2 điểm
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	2 điểm	2 điểm
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	2 điểm	2 điểm
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	2 điểm	2 điểm
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2 điểm	2 điểm
5.7	Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
5.8	Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	2 điểm	2 điểm
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	8 điểm	8 điểm
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	2 điểm	2 điểm
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	2 điểm	2 điểm
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	2 điểm	2 điểm
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	2 điểm	2 điểm
7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10 điểm	10 điểm
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	2 điểm	2 điểm
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2 điểm	2 điểm
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực	2 điểm	2 điểm
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
8	Tiêu chí 8 - Giám sát, đánh giá chất lượng	12 điểm	12 điểm
8.1	Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	2 điểm	2 điểm
8.2	Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	2 điểm	2 điểm
8.3	Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm
8.4	Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
8.5	Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2 điểm	2 điểm
8.6	Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2 điểm	2 điểm

3.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Sứ mệnh, mục tiêu của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ được xác định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-CĐNLPT ngày 25/02/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ và chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 là “Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực cơ điện, tự động hóa, chế biến nông sản kết hợp với NCKH, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ. Góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành NN & MT, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước”. Trong đó mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2026 - 2030 “mục tiêu phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao hàng đầu tại khu vực trung du và miền núi phía Bắc, phấn đấu đạt trình độ tương đương các nước trong nhóm ASEAN-4 và từng bước hội nhập quốc tế. Nhà trường hướng tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp uy tín trong hệ thống quốc gia với hệ thống quản trị hiện đại, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, có năng lực tự chủ cao và vận hành bền vững,. Thông qua các nỗ lực này, trường cam kết cung ứng nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, nhằm đáp ứng hiệu quả các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ, khu vực và cả nước.”.

Quyết định số 5964/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: Ban Giám hiệu, 06 phòng chức năng, 07 khoa và 03 trung tâm. Hoạt động của Nhà trường có sự lãnh chỉ đạo của BCH Đảng bộ và sự tham gia của các tổ chức đoàn thể đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả.

Trong tổ chức và quản lý, Nhà trường thực hiện theo Luật GDNN năm 2014; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và nhiều văn bản pháp quy khác.

Cấp ủy Đảng luôn thể hiện rõ được vai trò lãnh đạo, có phân công nhiệm vụ cụ thể, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, định kỳ; quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề đã tạo niềm tin cho CBVC, người lao động.

Bên cạnh đó, việc thường xuyên rà soát và xây dựng một số quy chế nội bộ giúp cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động thống nhất, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và định hướng đào tạo nguồn nhân lực của Ngành Nông nghiệp & MT, tỉnh Phú Thọ, vì vậy Trường là một trong những đơn vị dẫn đầu trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của ngành, đáp ứng cung cấp số lượng, chất lượng nhân lực trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và khu vực phụ cận.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được phân công rõ ràng, phù hợp với ngành nghề đào tạo và quy mô phát triển; Việc tinh, gọn các phòng chức năng, tăng cường các đơn vị chuyên môn trực tiếp và chú trọng các hoạt động dịch vụ kết hợp đào tạo nâng cao tính linh hoạt và khả năng tự chủ của các đơn vị.

Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, thực hiện tự đánh giá nội bộ hàng năm theo quy định. Những tồn tại được chỉ ra trong quá trình tự đánh giá đã được cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

** Những tồn tại:* Không có.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục rà soát mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn và từng giai đoạn phát triển.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát và cải tiến phương pháp và công cụ kiểm tra, giám sát.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	10 điểm
Tiêu chuẩn 1.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.5	2 điểm

Tiêu chuẩn 1.1: *Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.*

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ (trước năm 2026 là Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ) là cơ sở GDNN công lập trực thuộc Bộ NN&MT, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường được quy định cụ thể tại Quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT; Quyết định số 5964/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ NN&MT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ. Thực hiện Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động trong đó chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định của Bộ NN & MT. Mục tiêu, sứ mạng của trường được xác định cụ thể trong Quy chế tổ chức, hoạt động và Chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn và được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của ngành NN & MT, cũng như xu hướng phát triển trong tương lai. ***(1.1.01 - Các quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.1.02- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.1.03-Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; 1.1.04 -Đề án sáp nhập trường).***

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 nêu rõ:

- Sứ mạng: là cơ sở GDNN công lập, thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực cơ điện, tự động hóa, chế biến nông sản kết hợp với NCKH, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ. Góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước.

- Tầm nhìn : Phần đầu trong giai đoạn 2021 - 2025 trở thành trường cao đẳng chất lượng cao; tiếp cận trình độ các nước Asean-4 trước năm 2030 và các nước G-20 trước năm 2045; là cơ sở giáo dục có uy tín trong hệ thống GDNN, có hệ thống quản trị thông minh, có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành NN & PTNT, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước.

- Mục tiêu chung : Đổi mới căn bản toàn diện, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhằm phát huy cao độ trí tuệ, năng lực của đội ngũ CBGV, phát triển toàn diện người học. Xây dựng nhà trường thành trường cao đẳng chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN và quốc tế; là cơ sở đào tạo có uy tín trong hệ thống GDNN có thương hiệu đào tạo trong nước và ngoài nước với hệ thống quản trị thông minh, có năng lực tự chủ và

hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành NN & PTNT, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Mục tiêu cụ thể định hướng năm 2050: Là một trong các trường cao đẳng chất lượng cao hàng đầu trong cả nước, tiệm cận trình độ các nước G-20 trước năm 2045, với môi trường làm việc xanh, mô hình quản trị sáng tạo, thông minh. Trường có đủ năng lực đào tạo nghề theo chuẩn nhóm ASEAN-4 và các nước G-20. Phát triển thương hiệu trong khu vực và quốc tế, có uy tín về chất lượng đào tạo và NCKH ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN trên các lĩnh vực.

(1.1.03-Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050)

Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ cũng nêu rõ:

Điều 4. Mục tiêu và sứ mạng

1. Mục tiêu

Phát triển Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ đến năm 2030 trở thành trường cao đẳng chất lượng cao hàng đầu khu vực trung du và miền núi phía Bắc; tiếp cận trình độ khu vực ASEAN-4 và từng bước hội nhập quốc tế.

Xây dựng nhà trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam với hệ thống quản trị hiện đại, chuyển đổi số toàn diện, năng lực tự chủ cao và hoạt động hiệu quả, bền vững.

Góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển ngành Nông nghiệp, Môi trường; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ, khu vực trung du miền núi phía Bắc và Việt Nam.

2. Sứ mạng

Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp trình độ, có trách nhiệm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao trong các lĩnh vực: cơ điện, nông nghiệp, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, chế biến nông sản - thực phẩm, phát triển nông thôn và các ngành nghề theo nhu cầu xã hội.

Nhà trường thực hiện:

- Đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá kỹ năng nghề theo chuẩn quốc gia và tiếp cận chuẩn khu vực ASEAN-4;
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học – công nghệ vào giảng dạy và sản xuất;
- Cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn kỹ thuật và các dịch vụ công trong lĩnh vực chuyên môn;
- Xây dựng môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, kỷ cương và hội nhập.

Thông qua đó, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững ngành Nông nghiệp và Môi trường, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và hằng năm của Trường; tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề và sơ cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp và quy định của pháp luật;
3. Tổ chức đào tạo thường xuyên theo quy định của pháp luật;
4. Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của Trường theo quy định của pháp luật;
5. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của pháp luật;
6. Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học; đảm bảo môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với gia đình người học, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
7. Công bố công khai mục tiêu, chương trình đào tạo; điều kiện để bảo đảm chất lượng dạy và học; mức học phí và miễn, giảm học phí; kết quả kiểm định chất lượng đào tạo; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo.
8. Tổ chức giảng dạy, học tập theo mục tiêu, chương trình đào tạo; cấp bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp cho người học theo quy định của pháp luật.
9. Liên kết hoạt động đào tạo trong nước; liên kết hoạt động đào tạo với nước ngoài theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và pháp luật có liên quan; liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
10. Tổ chức tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho người học học tập, thực hành và thực tập tại doanh nghiệp thông qua hợp đồng với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm cho người học.
11. Tổ chức giảng dạy kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp, trung học nghề theo quy định của pháp luật; phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp.
12. Tổ chức cho giảng viên thực tập sản xuất tại doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn để cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề; tổ chức cho nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội.
13. Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật.
14. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, kỹ năng mềm, pháp luật có liên quan của nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

15. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về giáo dục nghề nghiệp để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo; ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào hoạt động đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định.

16. Có cơ chế để người học, nhà giáo và xã hội tham gia đánh giá chất lượng đào tạo.

17. Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế theo phân công của Bộ và quy định của pháp luật.

18. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đánh giá kỹ năng nghề; phối hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý tổ chức, bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, viên chức, người lao động; thực hiện cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định và theo chương trình, kế hoạch của Bộ.

20. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

(1.1.02- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ)

Từ dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của ngành NN & MT và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên ... mà Nhà trường đã tập hợp, nghiên cứu và những thông báo tuyển dụng được gửi tới Trung tâm TS & GTVL của doanh nghiệp trong những năm gần đây có thể khẳng định được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành. Các ngành nghề đào tạo của trường đều có thể cung ứng nhân lực cho ngành Nông nghiệp & nông thôn cũng như các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. **(1.1.05-Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực; 1.1.06 - Thông báo tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; 1.1.07-Giấy chứng nhận đăng ký HD GDNN).**

Cụ thể như sau:

* **Chiến lược phát triển công nghiệp:** Theo định hướng tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 và các chiến lược, quy hoạch ngành được cụ thể hóa trong giai đoạn gần đây như Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 07/02/2024, Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023, nhu cầu nhân lực công nghiệp Việt Nam được dự báo tăng nhanh cả về quy mô và chất lượng, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng và công nghiệp số. Quá trình công nghiệp hóa gắn với chuyển đổi số, tự động hóa và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu đang làm thay đổi căn bản cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động giản đơn, tăng mạnh lao động kỹ thuật, kỹ sư và chuyên gia công nghệ

Một số ngành trọng điểm đã có dự báo nhu cầu nhân lực cụ thể: ngành công nghiệp bán dẫn cần khoảng 50.000 nhân lực trình độ đại học trở lên vào năm 2030 và có thể lên tới trên 100.000 người vào giai đoạn sau; ngành điện lực và năng lượng theo Quy hoạch điện VIII cần bổ sung hàng trăm nghìn lao động kỹ thuật, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, lưới điện thông minh và vận hành hệ thống số hóa. Đồng thời, theo các dự báo của cơ quan quản lý lao động, mỗi năm khu vực công nghiệp - xây dựng cần bổ sung khoảng 1,5 - 2 triệu lao động, trong đó nhu cầu lao động qua đào tạo, có kỹ năng nghề chiếm tỷ trọng ngày càng lớn.

Trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 ở mức cao và yêu cầu nâng cao năng suất lao động, chiến lược phát triển công nghiệp xác định rõ xu hướng chuyển dịch từ “lao động phổ thông giá rẻ” sang “lao động kỹ năng cao”. Trọng tâm là phát triển các nhóm nhân lực chủ chốt như: kỹ sư, công nhân kỹ thuật bậc cao, chuyên gia công nghệ, nhân lực nghiên cứu - phát triển (R&D), nhân lực số và nhân lực quản trị sản xuất hiện đại. Đồng thời, nhu cầu đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động hiện hữu gia tăng mạnh nhằm thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ và mô hình sản xuất.

** Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 xác định phát triển nền nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, hiệu quả và bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống người dân. Trong bối cảnh đó, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn gia tăng mạnh cả về quy mô và chất lượng; dự báo đến năm 2030, lao động khu vực nông thôn vẫn chiếm khoảng 55-60% tổng lao động xã hội, trong khi tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 20%, kéo theo yêu cầu nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%. Việc phát triển nhân lực được triển khai đồng bộ thông qua Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, cùng với hệ thống tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và cập nhật tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, trong đó đặt mục tiêu đào tạo nghề cho khoảng 1-1,5 triệu lao động nông thôn mỗi năm, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Song song với đó, định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp theo Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/10/2019 và Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 đã làm gia tăng mạnh nhu cầu nhân lực kỹ thuật và nhân lực chất lượng cao. Ngành nông nghiệp được định hướng phát triển theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến sâu, logistics và thị trường tiêu thụ, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và tự động hóa. Dự báo đến năm 2030, lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp cần đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho khoảng 3 - 4 triệu lao động; trong đó nhu cầu lớn tập trung vào lao động kỹ thuật vận hành thiết bị, công nghệ chế biến, bảo quản hiện đại, logistics nông sản và cơ khí nông nghiệp. Đồng thời, mục tiêu cơ giới hóa đạt khoảng 70-90% ở

các khâu sản xuất chủ lực tiếp tục làm gia tăng nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực cơ khí, tự động hóa và vận hành thiết bị thông minh.

(1.1.05-Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực)

Các định hướng và mục tiêu được nhà trường hiện thực hóa thông qua kết quả cụ thể: Quy mô đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 đều ổn định ở mức khoảng 2000 HSSV hệ trung cấp, cao đẳng/năm; trên 80% người học có việc làm sau tốt nghiệp; Trường duy trì hợp tác thường xuyên với khoảng 50 doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan đến các ngành nghề đào tạo của trường để tổ chức đào tạo, thực tập và tuyển dụng ***(1.1.06 - Thông báo tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; 1.1.08 – Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025)***

Mục tiêu, sứ mạng của trường trong từng giai đoạn cụ thể được công bố công khai tới toàn thể CBVC, người lao động thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động gửi tới các đơn vị, trong Hội nghị CBVC hằng năm và trên trang thông tin điện tử Nhà trường tại địa chỉ <https://www.pcem.edu.vn>. ***(1.1.09-Thống kê các hình thức công bố mục tiêu, sứ mạng của trường - website <http://pcem.edu.vn>).***

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp về nội dung “Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. ***(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.1.08 – Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025)***

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

**** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1 tiêu chí 1: 2 điểm.***

Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm và các tổ chức đoàn thể. Quy chế được rà soát, cập nhật kịp thời khi có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức sau sáp nhập, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản trị Nhà trường trong giai đoạn mới. ***(1.1.01 - Các quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.1.02 - Quy***

chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.1.04 - Đề án sáp nhập trường).

Quy chế tổ chức và hoạt động quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, bảo đảm không chồng chéo, phù hợp với chức năng quản lý và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp, khảo thí và bảo đảm chất lượng, công tác học sinh sinh viên, tài chính, quản trị và các hoạt động phục vụ đào tạo. Sau khi sáp nhập, Nhà trường đã thực hiện kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đồng thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị để phù hợp với quy mô đào tạo, cơ cấu ngành nghề và định hướng phát triển của Trường. *(1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.2.01 - Quyết định chức năng, nhiệm vụ các Khoa).*

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường hiện nay bao gồm Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, trung tâm, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội đồng tư vấn theo quy định. Việc bố trí các đơn vị chuyên môn bảo đảm phù hợp với các ngành, nghề đào tạo được cấp phép, đáp ứng yêu cầu quản lý khoảng 2.000 HSSV trình độ cao đẳng, trung cấp hằng năm và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên theo nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động, các quyết định phân công nhiệm vụ và các hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học, tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện. *(1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.2.01 - Quyết định chức năng, nhiệm vụ các Khoa).*

Quy chế tổ chức và hoạt động Trường nêu rõ:

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường

Điều 8. Hiệu trưởng

Điều 9. Phó Hiệu trưởng

Điều 10. Các phòng chức năng

1. Các phòng chức năng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu của Trường.

2. Phòng chức năng có Trưởng phòng và các Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm theo quy định.

3. Trưởng phòng, Phó trưởng phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất, đạo đức tốt;

b) Có ít nhất 02 năm làm công tác quản lý hoặc giảng dạy và có năng lực quản lý;

c) Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của phòng. Riêng Trưởng phòng Đào tạo phải có trình độ Thạc sỹ trở lên;

d) Có đủ sức khỏe;

đ) Trưởng phòng, Phó trưởng phòng bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức.

4. Trưởng phòng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này và theo phân công của Hiệu trưởng;

5. Phó trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, số lượng Phó trưởng phòng tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy mô đào tạo của trường.

6. Nhiệm kỳ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu tiên của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm.

Điều 11. Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế

Điều 12. Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị

Điều 13. Phòng Tài chính, Kế toán

Điều 14. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

Điều 15: Phòng Công tác Học sinh, sinh viên

Điều 16: Phòng Truyền thông và Chuyển đổi số

Điều 17. Các Khoa

1. Chức năng

Các Khoa là đơn vị thuộc Trường, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác đào tạo trong các ngành, nghề, chương trình đào tạo được giao phụ trách; bảo đảm chất lượng chuyên môn, phát triển đội ngũ và nâng cao hiệu quả đào tạo theo định hướng phát triển của Nhà trường và quy định của pháp luật.

Khoa có chức năng:

- Tham mưu chiến lược phát triển ngành, nghề đào tạo; chương trình đào tạo và các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao.

- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Quản lý đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động và người học thuộc phạm vi khoa theo phân cấp.

2. Nhiệm vụ

2.1. Theo chức năng tham mưu chiến lược phát triển ngành, nghề và chương trình đào tạo, Khoa chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đề xuất chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, nghề đào tạo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và nhu cầu xã hội.

- Xây dựng mới, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; chuẩn đầu ra; đề cương chi tiết môn học/ mô-đun bảo đảm tính khoa học, đồng bộ và tránh chồng chéo.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm chất lượng thuộc lĩnh vực chuyên môn.

2.2. Theo chức năng tổ chức thực hiện công tác đào tạo, Khoa chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện giảng dạy, học tập theo thời khóa biểu và các hoạt động giáo dục theo kế hoạch chung của Nhà trường.

- Quản lý giờ giảng, chất lượng giảng dạy của nhà giáo thuộc Khoa.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học; bảo đảm thực hiện đúng quy chế và chuẩn đầu ra đã công bố.

2.3. Theo chức năng tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác đào tạo, Khoa chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đề xuất thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phạm vi chuyên môn.

- Biên soạn, chỉnh lý giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo tại Khoa theo quy định.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo; tăng cường gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh thuộc các ngành nghề đào tạo.

- Tổ chức hội thảo chuyên môn, sinh hoạt học thuật, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu.

2.4. Theo chức năng phát triển đội ngũ và bảo đảm điều kiện chất lượng, Khoa chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo thuộc khoa; đề xuất tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; đề xuất đầu tư, bổ sung, bảo trì, nâng cấp thiết bị.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị được giao.

2.5. Các nhiệm vụ khác:

- Quản lý cán bộ, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa theo phân cấp.

- Tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, lối sống cho viên chức và người học thuộc khoa.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng quản lý lớp học sinh, sinh viên và triển khai các hoạt động học thuật, phong trào gắn với chuyên môn.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu, tài sản thuộc phạm vi chức năng.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng giao theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan xây dựng quy mô tuyển sinh, kế hoạch mở ngành, nghề đào tạo mới theo phân công.

- Phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan lập kế hoạch, thời khóa biểu, phân công giảng viên giảng dạy;

- Phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp cho người học.

- Phối hợp với các đơn vị, cá nhân tham gia và triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo, hợp tác quốc tế.

- Phối hợp với các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, tuyển sinh.

3. Khoa có Trưởng khoa, Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm theo quy định.

4. Trưởng Khoa:

Trưởng khoa là người đứng đầu khoa, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Khoa bao gồm: công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác đào tạo trong các ngành, nghề, chương trình đào tạo được giao phụ trách; bảo đảm chất lượng chuyên môn, phát triển đội ngũ và nâng cao hiệu quả đào tạo. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành và kiểm soát chất lượng các hoạt động thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Khoa.

- Phân công nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu... của viên chức, người lao động thuộc Khoa.

- Quản lý tài sản, hồ sơ, tài liệu của Khoa theo quy định.

- Chịu trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng/ Phó Hiệu trưởng giao theo thẩm quyền

- Tham gia các Hội đồng, Ban chỉ đạo của Nhà trường theo phân công.

- Đại diện Khoa trong quan hệ công tác với các đơn vị trong và ngoài Nhà trường theo phân công, ủy quyền của Hiệu trưởng.

5. Phó trưởng khoa giúp Trưởng khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Khoa. Số lượng Phó trưởng khoa tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy mô đào tạo của Khoa, của Nhà trường.

6. Trưởng khoa, Phó trưởng khoa phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất, đạo đức tốt;

b) Có ít nhất 02 năm làm công tác quản lý đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý;

c) Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên phù hợp với ngành, nghề đào tạo tại khoa; đối với các khoa có nghề trong điểm khu vực Asean và quốc tế yêu cầu có bằng Thạc sĩ trở lên.

d) Có đủ tiêu chuẩn nhà giáo giảng dạy trình độ Cao đẳng;

đ) Có đủ sức khỏe;

e) Bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức.

7. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu tiên của Trưởng khoa, Phó trưởng khoa không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm.

Điều 18. Các Trung tâm trực thuộc

Điều 19. Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm

Điều 20. Trung tâm Đào tạo lái xe

Điều 21. Trung tâm Thực nghiệm Lâm sinh

Điều 22. Các Hội đồng tư vấn

Điều 23. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

(1.1.02- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ)

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “*Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng,*

mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TBXH về quy định hệ thống ĐBCL của cơ sở GDNN, Nhà trường thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL gồm Ban Giám hiệu và các thành viên là trưởng đơn vị, giảng viên. **(1.3.01-Quyết định thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL)**. Hệ thống ĐBCL của Nhà trường tập trung vào việc xây dựng hệ thống tài liệu, gồm: chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay chất lượng, đặc biệt là bộ quy trình ĐBCL.

- Xây dựng hệ thống ĐBCL:

+ Đối với việc xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay chất lượng: Nhà trường giao Phòng KT & KĐCL là đầu mối xây dựng, dự thảo, lấy ý kiến của các cá nhân, đơn vị liên quan, họp Ban xây dựng thống nhất và ban hành. **(1.3.02-Sổ tay/Chính sách/Mục tiêu chất lượng; 1.3.03-Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng)**.

+ Đối với xây dựng các quy trình ĐBCL: Phòng KT & KĐCL là đơn vị tham mưu đề xuất các đơn vị phụ trách xây dựng quy trình theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các quy trình bắt buộc theo Thông tư 28 thuộc các lĩnh vực: đào tạo, tuyển sinh, khảo thí, công tác HSSV (chế độ chính sách, ký túc xá,...), tài chính, tổ chức, khoa chuyên môn (trang thiết bị, cấp phát vật tư). **(1.3.04-Quyết định ban hành và các quy trình hệ thống ĐBCL)**.

- Vận hành hệ thống ĐBCL:

Để thực hiện nhiệm vụ phụ trách hệ thống ĐBCL, ngoài việc thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL để kiểm tra, đánh giá, cải tiến hệ thống, Nhà trường còn giao phòng KT & KĐCL là đơn vị phụ trách về công tác KĐCL là đơn vị thường trực xây dựng kế hoạch để các đơn vị tổ chức thực hiện tự đánh giá hằng năm, đảm bảo cho hệ thống bảo đảm chất lượng vận hành có hiệu quả.

Từ khi đưa vào vận hành hệ thống ĐBCL, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy trình quản lý chất lượng và phản hồi những điểm không phù hợp để lãnh đạo nhà trường xem xét, quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh. **(1.3.05-Thông báo rà soát các quy chế, quy định hằng năm)**.

Việc ban hành và thực hiện các nội dung của hệ thống ĐBCL đã giúp cho công tác quản lý, quản trị của trường đi vào nề nếp, được phần lớn CBVC đồng tình, ủng hộ, thể hiện qua việc thông qua báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa trung tâm; nghị quyết Hội nghị CBVC và kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên

chức, người lao động. **(1.3.06-Báo cáo hệ thống BDCL; 1.3.07-Báo cáo tổng kết hằng năm của trường; 1.3.08-Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026)**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác BDCL của Nhà trường không chỉ dừng lại ở việc xây dựng và áp dụng, mà còn đặc biệt chú trọng đến chu trình cải tiến liên tục. Hoạt động đánh giá và cải tiến hệ thống BDCL được thực hiện thường niên và trở thành một nhiệm vụ định kỳ **(1.4.01 - Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm).**

Hàng năm, trên cơ sở tổng hợp kết quả hoạt động của các đơn vị và các thông tin phản hồi, Phòng Khảo thí và KĐCL có trách nhiệm chủ trì, thực hiện việc xem xét, đánh giá toàn diện sự vận hành của hệ thống BDCL. Kết quả của quá trình này được tổng hợp thành Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng theo đúng mẫu quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH. Việc này cho thấy hệ thống BDCL đang vận hành hiệu quả, gắn liền với thực tiễn và luôn hướng tới sự cải tiến **(1.4.02 – Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm).**

Thông qua hoạt động đánh giá định kỳ, nhiều quy trình, công cụ đã được bổ sung, chỉnh sửa để phù hợp hơn với thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành chung của Nhà trường. Dựa trên kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo, đảm bảo các vấn đề tồn tại được giải quyết một cách có kế hoạch **(1.4.03-Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm; 1.4.04-Danh sách các quy trình BDCL được cập nhật chỉnh sửa, bổ sung hằng năm; 1.4.05 - Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Như vậy, hệ thống BDCL của Trường được xây dựng với một nền tảng vững chắc, có sự tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và được vận hành, cải tiến không ngừng, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ cấu tổ chức quản trị của Nhà trường được xây dựng và hoàn thiện theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị.

Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường. Hội đồng trường thực hiện chức năng quyết nghị về phương hướng, chiến lược phát triển, ban hành các quy chế, quy định quan trọng, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và hoạt động của Ban Giám hiệu, đảm bảo Nhà trường phát triển đúng định hướng đã đề ra (**1.5.01- Quyết định thành lập Hội đồng trường; 1.5.02- Quy chế hoạt động của Hội đồng trường; 1.5.03 – Các biên bản họp/báo cáo/nghị quyết của Hội đồng trường**).

Tổ chức Đảng mà hạt nhân là Đảng ủy Nhà trường giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động. Đảng ủy thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thông qua các chủ trương, định hướng lớn, đặc biệt là trong việc xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường. Các Nghị quyết của Đảng ủy là cơ sở chính trị quan trọng để Hội đồng trường và Ban Giám hiệu cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình hành động (**1.5.04 - Quyết định thành lập Đảng bộ Trường; 1.5.05 - Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ Trường; 1.5.06 - Quyết định thành lập các chi bộ trực thuộc kèm theo danh sách đảng viên; 1.5.07 - Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2023, 2024, 2025; 1.5.08 - Kết quả xếp loại chi bộ, Đảng bộ năm 2023, 2024, 2025**).

Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hội đồng tư vấn (Hội đồng Khoa học, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng...) được thành lập theo quy định, hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò tập hợp, đại diện cho quyền lợi của cán bộ, nhà giáo, người lao động, người học, đồng thời tham mưu tích cực cho Ban Giám hiệu trong các lĩnh vực chuyên môn (**1.5.09 - Quyết định thành lập các tổ chức xã hội đoàn thể; 1.5.10 - Điều lệ hoạt động của các tổ chức xã hội đoàn thể; 1.5.11 - Các kế hoạch hoạt động của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.5.12 - Danh hiệu thi đua đạt được của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.5.13 - Báo cáo hàng năm về các hoạt động của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm 2023-2024, 2024-**

2025, 2025-2026; **1.5.14** – Các quyết định thành lập Hội đồng tư vấn năm 2024, 2025, 2026/ Các biên bản họp Hội đồng tư vấn năm 2024, 2025, 2026).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Hội đồng trường, tổ chức Đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hội đồng trường, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể và các hội đồng tư vấn của Nhà trường được thành lập đầy đủ theo quy định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò tham mưu, tư vấn, giám sát và quyết nghị các vấn đề quan trọng, góp phần thực hiện hiệu quả sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 1: 2 điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

Mở đầu: Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trọng tâm, quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới việc đạt được mục tiêu đào tạo. Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo để tổ chức thực hiện.

Các hoạt động của trường trong những năm vừa qua được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, linh hoạt, phát huy được tính tích cực, chủ động của người học, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện. Nhà trường luôn chú trọng cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cho người học; bổ sung và cập nhật chương trình, giáo trình và đổi mới PPDH đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

Trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, khoa học, phù hợp với các điều kiện thực tế; đề cao việc ứng dụng CNTT trong quản lý giám sát, đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính khách quan, đánh giá đúng năng lực học tập của HSSV, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học/mô đun đào tạo. Đồng thời cũng có những chính sách khuyến khích CBVC nghiên cứu khoa học. Chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất. Hầu hết HSSV của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các doanh nghiệp.

Công tác tuyển sinh, quản lý, dạy và học được Nhà trường thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế.

*** Những điểm mạnh:**

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh, quản lý quá trình dạy học, kết quả học tập giúp cho công tác quản lý, tra cứu điểm của người học được thuận tiện.

- Kế hoạch, tiến độ đào tạo khoa học, cụ thể cho từng lớp, từng khóa học theo học kỳ, năm học đúng quy định, phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo.

- Việc thực hiện quy chế tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐ-TBXH, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyển sinh và thí sinh.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung CTĐT đã phê duyệt; có sự phối hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

- Phương pháp đào tạo tích hợp, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm của người học.

- Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù môn học, ngành nghề và mục tiêu đào tạo. Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

- Tổ chức đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tăng cường đổi mới công tác tư vấn hướng nghiệp, quảng bá hình ảnh, hoạt động các ngành/ngành và mở rộng địa bàn tuyển sinh.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16 điểm
Tiêu chuẩn 2.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.7	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.8	2 điểm

Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được đặc biệt quan tâm. Hoạt động tuyển sinh được tổ chức dựa trên một hệ thống văn bản được xây dựng đầy đủ, tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế.

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh trên cơ sở cụ thể hóa các quy định trong Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Văn bản này là cơ sở pháp lý cao nhất, quy định các nguyên tắc chung, đối tượng, hình thức và chính sách trong công tác tuyển sinh của Trường (**2.1.01-Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hằng năm**).

Trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh và triển khai Quy chế tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh được thành lập và tiến hành xây dựng Kế hoạch tuyển sinh chi tiết cho từng năm học. Kế hoạch xác định rõ chỉ tiêu cho từng ngành, nghề, thời gian, phương thức tuyển sinh và được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc xác định chỉ tiêu được căn cứ vào năng lực đào tạo thực tế của các Khoa chuyên môn và chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo sự phù hợp giữa quy mô tuyển sinh và chất lượng của các chương trình đào tạo. Công tác triển khai được thực hiện một cách công khai, minh bạch. Mọi thông tin tuyển sinh đều được thể hiện trong các Thông báo tuyển sinh và được công bố rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử, fanpage của Trường và các phương tiện truyền thông khác, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin chính xác và đầy đủ (**2.1.02-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.1.03-Kế hoạch tuyển sinh hằng năm; 2.1.04- Các thông báo tuyển sinh hằng năm; 2.1.05- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm**).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026**)

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh một cách nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng, khách quan và hiệu quả.

Quy trình tuyển sinh được thực hiện chặt chẽ dưới sự điều hành của Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký. Công tác tiếp nhận hồ sơ được tổ chức linh hoạt qua nhiều hình thức (trực tiếp, trực tuyến, qua bưu điện). Căn cứ vào chỉ tiêu và các tiêu chí đã

công bố, Hội đồng tuyển sinh họp, xét duyệt và quyết định điểm chuẩn, danh sách thí sinh trúng tuyển. Toàn bộ quy trình xét tuyển đều được ghi nhận bằng biên bản, đảm bảo tính minh bạch và khách quan (**2.1.02-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.1.05- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm; 2.2.01 - Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.2.02 - Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.2.03 - Quyết định phê duyệt danh sách HSSV trúng tuyển hằng năm, 2.2.04 - Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026**).

Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, Nhà trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng đầu vào thông qua việc tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp, cung cấp đầy đủ thông tin về ngành, nghề đào tạo, điều kiện học tập, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp; đồng thời phối hợp với các trường THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX và doanh nghiệp để thực hiện công tác phân luồng, tư vấn tuyển sinh phù hợp với nhu cầu học tập và năng lực của người học. (**2.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh hằng năm**)

Công tác tuyển sinh của Trường luôn được kiểm tra, giám sát. Sau mỗi mùa tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm. Hoạt động này được thể hiện qua các Biên bản kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh, trong đó phân tích những mặt làm được, những khó khăn, vướng mắc và đề ra giải pháp khắc phục cho các năm tiếp theo. Việc duy trì hoạt động này cho thấy một cơ chế giám sát và cải tiến đang được vận hành. Kết quả của quá trình tuyển sinh và hoạt động kiểm tra, đánh giá được tổng hợp đầy đủ trong các Báo cáo công tác tuyển sinh để gửi tới cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định. Đến nay, Nhà trường không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác tuyển sinh, khẳng định quy trình được thực hiện nghiêm túc, công bằng và đúng quy chế (**2.2.05 - Hồ sơ kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm; 2.2.06 - Báo cáo công tác tuyển sinh hằng năm; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026**.)

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thống nhất và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động dạy và học, Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống quy chế, quy định về đào tạo, làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức, triển khai và đánh giá toàn bộ quá trình đào tạo.

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trên cơ sở các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng thời

cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của Trường. Các quy chế quy định đầy đủ về tổ chức lớp học, xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức kiểm tra, thi, điều kiện dự thi, đánh giá kết quả học tập, điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và được áp dụng thống nhất đối với tất cả các ngành, nghề, trình độ đào tạo của Nhà trường. **(2.3.01 - Quyết định ban hành Quy chế đào tạo; 2.3.02 - Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp).**

Căn cứ các quy chế đã ban hành, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và kế hoạch đào tạo từng năm học, tổ chức đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo phương thức niên chế. Chương trình đào tạo được thiết kế theo chuẩn đầu ra, bảo đảm cân đối giữa kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ, trách nhiệm của người học. Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết theo từng học kỳ, khóa học, công khai đến nhà giáo và HSSV, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và quản lý đào tạo. **(2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Nhà trường triển khai đa dạng hình thức, phương thức và phương pháp đào tạo phù hợp với mục tiêu của từng chương trình đào tạo. Ngoài hình thức đào tạo chính quy tập trung, Nhà trường còn tổ chức đào tạo liên thông, vừa làm vừa học; tăng cường cho HSSV thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. Nhà giáo áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, kết hợp linh hoạt giữa thuyết trình, hướng dẫn, thảo luận nhóm, học theo dự án, giải quyết tình huống, mô phỏng nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm phát huy năng lực của người học. Việc tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy chế, bảo đảm chất lượng và tiến độ đào tạo. **(2.3.04 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.05 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.06 - Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 2.3.07 - Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.08 - Hồ sơ thi tốt nghiệp các đợt năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.10- Thời khoá biểu; 2.3.11- Chương trình đào tạo năm 2023).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “*Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.*” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm chương trình đào tạo được triển khai đúng tiến độ, đúng mục tiêu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo.

Căn cứ chương trình đào tạo đã được ban hành, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, lớp học, học kỳ và năm học. Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng môn học, mô-đun, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập, thời gian kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun và được phổ biến đến các khoa, bộ môn, nhà giáo và HSSV trước khi triển khai thực hiện. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và hình thức tổ chức đào tạo của từng ngành, nghề. (2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.06 - Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.10- Thời khoá biểu; 2.3.11- Chương trình đào tạo năm 2023).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các khoa chuyên môn và nhà giáo triển khai giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, việc thực hiện thời khóa biểu, tiến độ giảng dạy và kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi nhằm bảo đảm hoàn thành chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên đã góp phần nâng cao tính chủ động của các đơn vị và bảo đảm chất lượng đào tạo. (2.3.04 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.05 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.06 - Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo được tổng hợp, đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học. Qua đánh giá cho thấy các đơn vị cơ bản thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, bảo đảm tiến độ giảng dạy, hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định và tạo điều kiện để người học đạt được mục tiêu học tập của từng chương trình đào tạo. (2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến môn học, mô-đun, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học thực hiện được mục tiêu học tập.” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, bảo đảm thực hiện đầy đủ khối lượng kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề đào tạo. Việc tổ chức giảng dạy được thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và quy chế đào tạo; nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được triển khai thống nhất theo chương trình đào tạo và đề cương môn học, mô đun đã ban hành. (2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.10- Thời khoá biểu; 2.3.04 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.05 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.11- Chương trình đào tạo năm 2023).

Trường liên kết chặt chẽ với các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc tổ chức, hướng dẫn cho HSSV thực hành, thực tập, trải nghiệm các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động, nhằm đáp ứng thực tế yêu cầu thị trường lao động. Để thực hiện yêu cầu của chương trình, đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường luôn có sự phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trong quá trình tổ chức đào tạo. HSSV được thực tập, thực hành tại các doanh nghiệp với trình độ đào tạo cao đẳng thời gian từ 3 đến 4 tháng, trình độ trung cấp từ 1 đến 2 tháng, liên thông trình độ cao đẳng từ 2 đến 3 tháng tùy theo từng ngành. Trung tâm TS & GTVL là đơn vị đầu mối giúp Trường trong việc tìm kiếm, liên hệ với các doanh nghiệp. Trong quá trình đưa học sinh đi thực tập, trải nghiệm, Trường Tổ chức cho HSSV đi tham quan thực tế, thực tập tại cơ sở, doanh nghiệp. Để có thể phối hợp tốt với cơ sở thực tập trong công tác quản lý HSSV đi thực tập tại cơ sở, trong quá trình thực hiện Trường đều có giấy giới thiệu thực tập; quyết định cử HSSV đi thực tập, quyết định cử giáo viên hướng dẫn và theo dõi quá trình thực tập và yêu cầu HSSV đi thực tập phải thực hiện đúng kế hoạch, đề cương thực tập tại doanh nghiệp đã được Nhà trường phê duyệt. Trong quá trình thực tập, giáo viên hướng dẫn thường xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực tập, thực hành tại cơ sở và báo cáo tình hình thực hiện của HSSV với Khoa. Kết thúc quá trình thực tập HSSV phải làm báo cáo kết quả thực tập của mình về khoa quản lý (có nhận xét của cơ sở thực tập và báo cáo đánh giá của giáo viên hướng dẫn. Nhà trường đảm bảo 100% HSSV thực hành, thực tập tại doanh nghiệp trước khi tốt nghiệp (2.5.01 - Hồ sơ hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp; 2.5.02 - Kế hoạch và hồ sơ tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp của HSSV hằng năm; 1.1.08 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 2.5.03- Các quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo).

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, HSSV và doanh nghiệp về nội dung “Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao

động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.1.08 – Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới phương thức tổ chức đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Trong những năm qua, Nhà trường từng bước đầu tư hạ tầng công nghệ, triển khai các phần mềm quản lý và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập. Trong công tác quản lý, Nhà trường đã triển khai và vận hành hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, đáp ứng yêu cầu quản lý người học, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, kết quả học tập, xét tốt nghiệp và báo cáo thống kê. Việc ứng dụng phần mềm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm khối lượng công việc hành chính, tăng tính chính xác và kịp thời trong khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành. (2.6.01 - Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường).

Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường từng bước số hóa giáo trình, tài liệu giảng dạy, xây dựng hệ thống học liệu điện tử và thư viện số phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà giáo tích cực xây dựng bài giảng điện tử, video hướng dẫn thực hành nghề, ứng dụng các phần mềm chuyên ngành vào giảng dạy; đồng thời khuyến khích nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Đến nay trên 80% các ngành/ngành đào tạo của Trường trình ở độ trung cấp, cao đẳng có ít nhất 50% MH/MĐ chuyên môn nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng. Cụ thể các phần mềm mô phỏng, phần mềm hỗ trợ bài giảng, ứng dụng:

- Đối với nghề Công nghệ ô tô, nghề Cơ điện nông thôn: Hệ thống đào tạo phanh ABS, Hệ thống đào tạo hệ thống diesel Common rail, Hệ thống đào tạo phun xăng điện tử trên ô tô, Hệ thống điều hòa không khí điều chỉnh tự động, Chẩn đoán động cơ Hybrid trong ô tô; phần mềm hỗ trợ bài giảng điện tử: Solidworks, Autocad, Powerpoint, Media Player, VLC Media Player ...

- Đối với nghề Điện công nghiệp, Điện dân dụng: Phòng mô phỏng thực hành ảo; các ứng dụng/phần mềm Autocad, Cade - Simu, ETS; Simatic S7 - 200, S7 - 300; Zen Omron, Logo soft, Festo Fluidsim, Multisim, Solvelectric, Powerpoint, Media Player, VLC Media Player, ...

- *Nghề Điện tử công nghiệp*: Autocad, Cade - Simu, ETS; Simatic S7 - 200, S7 - 300; Zen Omron, Logo Soft, Festo Fluidsim, Powerpoint, VLC Media Player,...

- *Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí*: NI Multisim, Circuit Simulator, Melsoft GX Deverlop (FX Training) - PLC, Powerpoint, Media Player...

- *Đối với nghề Hàn*: Phòng thực hành hàn ảo; các ứng dụng/phần mềm Solidword, Autocad, Powerpoint, Media Player, VLC Media Player,...

- *Đối với nghề Công nghệ chế biến chè*: Phòng thí nghiệm; các ứng dụng khác Powerpoint, Media Player, VLC Media Player,...

(2.6.02 - Hệ thống thư viện số và học liệu điện tử của Nhà trường; 2.6.03 - Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập; 2.6.04 - Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; 2.6.05- Danh sách môn học, mô đun có ứng dụng phần mềm theo từng nghề đào tạo)

Để nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số, hằng năm Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn hoặc cử cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường khai thác hiệu quả các nền tảng số như Microsoft Teams, Google Meet, Zoom và các kênh thông tin điện tử để hỗ trợ hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật và kết nối giữa Nhà trường, nhà giáo và người học. Website và các trang mạng xã hội của Trường được duy trì, cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tuyển sinh và hỗ trợ người học. **(2.6.06 - Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo; 2.6.07- Website chính thức của Trường; 2.6.08 - Hệ thống các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo) phục vụ đào tạo và truyền thông).**

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “*Trường có hệ thống thông tin quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển của Nhà trường.*” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng khả năng tiếp cận học liệu của người học và từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là một trong những giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả quản lý và kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch năm học và kế hoạch bảo đảm chất lượng, Nhà trường ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; đồng thời thành lập các đoàn, ban kiểm tra nội bộ để tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, hồ sơ chuyên môn của nhà giáo, việc thực hiện quy chế chuyên môn, quy chế đào tạo, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và các hoạt động chuyên môn khác theo đúng kế hoạch đã phê duyệt. Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, định kỳ và đột xuất, bảo đảm khách quan, đúng quy định và góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà giáo trong thực hiện nhiệm vụ. (2.7.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hằng năm; 2.7.02 - Các quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra nội bộ; 2.3.05 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Kết quả kiểm tra, giám sát được tổng hợp, phân tích và thông báo đến các đơn vị, nhà giáo để kịp thời chấn chỉnh những nội dung còn tồn tại, đồng thời phát huy những mặt tích cực trong công tác giảng dạy và quản lý đào tạo. Trên cơ sở các kết luận kiểm tra, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị tổ chức họp chuyên môn, họp giao ban để phân tích nguyên nhân, đề xuất các giải pháp khắc phục và điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với thực tế. Các nội dung điều chỉnh được triển khai kịp thời và được theo dõi trong các đợt kiểm tra tiếp theo, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo của Nhà trường. (2.7.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hằng năm; 2.7.04 - Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung về việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.4.05 - Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025; 2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo, vừa đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học, vừa cung cấp thông tin phản hồi để cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, hệ thống kiểm tra, đánh giá được xây dựng thống nhất, bảo đảm tính khoa học, khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện thống nhất trong toàn trường thông qua Quy chế đào tạo, Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, trong đó quy định đầy đủ về hình thức, phương pháp, quy trình tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của người học. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy chế công tác HSSV trên cơ sở cụ thể hóa Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. Để cụ thể hóa việc thực hiện các quy chế, Nhà trường xây dựng và ban hành các quy trình liên quan đến công tác thi, kiểm tra, gồm quy trình biên soạn đề thi, tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun, tổ chức thi tốt nghiệp, tổ chức học lại và thi lại. Các hình thức, phương pháp đánh giá của từng môn học, mô đun được quy định trong đề cương chi tiết và được thiết kế phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và đặc thù của từng ngành, nghề đào tạo. **(2.3.01 - Quyết định ban hành Quy chế đào tạo; 2.3.02 - Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; 2.8.01 - Các quy trình liên quan đến thi, kiểm tra của Trường; 2.8.02 - Quy chế HSSV; 2.3.11- Chương trình đào tạo năm 2023).**

Để bảo đảm tính chính xác, khách quan và công bằng trong đánh giá, Nhà trường xây dựng, cập nhật và quản lý hệ thống câu hỏi, ngân hàng đề thi đối với các môn học, mô đun; thực hiện nghiêm túc quy trình ra đề, duyệt đề, sao in, bảo mật đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định. Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện bằng nhiều hình thức như kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp và đánh giá kết quả thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, bảo đảm đánh giá đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm của người học theo chuẩn đầu ra. **(2.8.03 - Hệ thống câu hỏi, đề thi các môn học, mô đun; 2.3.07 - Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.3.08 - Hồ sơ thi tốt nghiệp các đợt năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.5.02 - Kế hoạch và hồ sơ tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp của HSSV hằng năm).**

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được thực hiện theo Quy chế công tác HSSV, bảo đảm công khai, dân chủ và đúng quy định. Kết quả rèn luyện được xem xét thông qua quá trình tự đánh giá của người học, đánh giá của tập thể lớp, giáo viên chủ nhiệm và Hội đồng xét kết quả học tập, rèn luyện; là một trong những căn cứ để xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện toàn khóa của người học. **(2.8.02 - Quy chế HSSV; 2.8.04 – Hồ sơ hợp xét kết quả học tập, rèn luyện của HSSV).**

Hằng năm, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo & HTQT và các khoa chuyên môn tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả các hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá thông qua kết quả học tập, kết quả rèn luyện của HSSV, kết quả kiểm tra nội bộ, ý kiến phản hồi của nhà giáo, HSSV. Trên cơ sở đó, Nhà trường thực hiện điều chỉnh, bổ sung ngân hàng đề thi, hoàn thiện hình thức, phương pháp đánh giá đối với các môn học, mô đun nhằm nâng cao độ chính xác, tính khách

quan, công bằng của công tác kiểm tra, đánh giá, đồng thời định hướng người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động. (2.8.05 - Hồ sơ rà soát, đánh giá và cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá hằng năm; 1.4.05 - Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025; 2.7.04 - Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đã thiết lập và vận hành hiệu quả một hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học, được chuẩn hóa từ quy chế chung đến các quy trình thực hiện chi tiết, đảm bảo tính phù hợp, chính xác, công bằng và khách quan. Hệ thống này luôn được rà soát và cải tiến một cách có hệ thống, dựa trên dữ liệu và minh chứng cụ thể, qua đó không chỉ đánh giá đúng năng lực người học mà còn góp phần tích cực vào việc định hướng và nâng cao chất lượng đào tạo chung.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, Tiêu chí 2: 2 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu:

Nhà trường xác định đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là nguồn lực quý giá nhất, là nhân tố quyết định đến chất lượng và sự phát triển bền vững của Nhà trường. Do đó, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ luôn được quan tâm toàn diện, từ việc ban hành và thực thi các quy trình quản lý khoa học, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, đến việc xây dựng các cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho toàn thể đội ngũ không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực. Nhà trường đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, nơi mỗi cá nhân được tôn trọng, được tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực và cống hiến cho sự nghiệp chung.

*** Những điểm mạnh:**

- Hệ thống quản lý đội ngũ được quy trình hóa, bài bản: Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quy trình quản lý nhân sự khép kín, từ tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo đến đánh giá, và có cơ chế cải tiến liên tục hằng năm thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng chung.

- Chất lượng đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn và có trình độ chuyên môn cao: 100% nhà giáo đạt chuẩn nghiệp vụ, có tỷ lệ trình độ sau đại học cao (trên 50% Thạc sĩ), đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được chú trọng và thực thi hiệu quả: Nhà trường có chính sách rõ ràng và triển khai hiệu quả việc khuyến khích, tạo điều kiện cho toàn thể đội ngũ (nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức) học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là hoạt động thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ mới.
- Việc tuân thủ quy định chuyên môn được giám sát chặt chẽ: Hoạt động giảng dạy của nhà giáo luôn bám sát chương trình đào tạo và các quy định liên quan, được giám sát và đánh giá thường xuyên, đảm bảo tính thống nhất và chất lượng trong toàn trường.

** Những tồn tại:* Mặc dù đội ngũ nhà giáo cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giảng dạy, tuy nhiên do quy mô tuyển sinh của một số ngành, nghề tăng trong khi số lượng nhà giáo chưa được bổ sung kịp thời nên tỷ lệ HSSV quy đổi trên một nhà giáo của một số ngành, nghề còn vượt mức quy định

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nâng cao tỷ lệ nhà giáo có trình độ Tiến sĩ: Xây dựng chính sách hỗ trợ đặc biệt và lộ trình cụ thể để khuyến khích, cử các nhà giáo có năng lực đi làm nghiên cứu sinh, đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn.
- Tăng cường năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế: Tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành và tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia các hội thảo, khóa học ngắn hạn ở nước ngoài.
- Số hóa công tác quản lý nhân sự: Nâng cấp phần mềm quản lý nhân sự, tích hợp các modul về theo dõi quá trình phát triển cá nhân, đánh giá năng lực và quản lý đào tạo, bồi dưỡng.
- Mở rộng mạng lưới chuyên gia thỉnh giảng: Tăng cường mời các chuyên gia đầu ngành từ các doanh nghiệp lớn, các viện nghiên cứu tham gia sâu hơn vào quá trình giảng dạy và hướng dẫn dự án cho HSSV.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhà giáo đối với các ngành, nghề có tỷ lệ HSSV/nhà giáo vượt quy định

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14 điểm
Tiêu chuẩn 3.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.3	0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.7	2 điểm

Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, các hoạt động tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ được quản lý thống nhất thông qua hệ thống quy trình thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường.

Căn cứ các quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn hiện hành, Nhà trường đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Các quy trình quy định rõ trình tự thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân và được áp dụng thống nhất trong toàn trường, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý đội ngũ. **(3.1.01 - Hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá đội ngũ).**

Hằng năm, căn cứ chiến lược phát triển Nhà trường, quy mô tuyển sinh, cơ cấu ngành, nghề đào tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực, các đơn vị triển khai thực hiện các quy trình đã ban hành trong công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Việc áp dụng thống nhất các quy trình đã góp phần chuẩn hóa công tác quản lý nhân sự, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo và quản trị Nhà trường. **(3.1.01 - Hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá đội ngũ; 3.1.02 – Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm).**

Để bảo đảm các quy trình luôn phù hợp với quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn, Nhà trường hằng năm tổ chức rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện thông qua hoạt động của hệ thống bảo đảm chất lượng, công tác kiểm tra nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường thực hiện cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy trình khi cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phát triển đội ngũ. **(1.4.02 - Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL hằng năm; 1.4.03 - Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm; 1.4.04 - Danh sách các quy trình BĐCL được cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung hằng năm; 1.4.05 - Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “*Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến*”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là trách nhiệm của đơn vị sử dụng lao động, đồng thời là giải pháp quan trọng nhằm tạo động lực để đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ các quy định của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động như: tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng lương, nghỉ phép, thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác theo quy định. Các chế độ được thực hiện công khai, đúng đối tượng, đúng thời gian, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức và người lao động. **(3.2.01 - Hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm).**

Hàng năm, căn cứ quy hoạch phát triển đội ngũ, nhu cầu đào tạo của từng đơn vị và yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ theo quy định, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, năng lực quản lý, chuyển đổi số, ngoại ngữ, tin học và cập nhật công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. **(3.2.02 - Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm).**

Việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo động lực để nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động phát huy năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới. **(3.2.01 - Hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm; 3.2.02 - Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm; 3.2.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; 3.2.04- Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “*Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định chất lượng đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định hàng đầu đến chất lượng đào tạo. Vì vậy, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ luôn được quan tâm nhằm bảo đảm đội ngũ vừa đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, vừa đạt chuẩn và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực nghề nghiệp. 100% nhà giáo có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và được bố trí giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo. Nhiều nhà giáo còn có các chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ và thường xuyên được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng, thực tế tại doanh nghiệp nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập. (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo toàn trường; 3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo của Nhà trường; 3.2.02 - Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm).

Về số lượng và cơ cấu, Nhà trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo làm cơ sở cho việc phân công giảng dạy, quản lý lao động và sử dụng hiệu quả đội ngũ. Hàng năm, căn cứ quy mô tuyển sinh, chương trình đào tạo và khối lượng giảng dạy của từng ngành, nghề, Nhà trường thực hiện phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn, năng lực của từng nhà giáo và thường xuyên rà soát khối lượng giảng dạy để bảo đảm thực hiện đúng quy định. (3.3.03 - Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo; 3.3.04 - Thống kê khối lượng giảng dạy của nhà giáo hằng năm).

Trên cơ sở thống kê quy mô người học và số lượng nhà giáo theo từng ngành, nghề, Nhà trường hằng năm thực hiện tính toán tỷ lệ nhà giáo quy đổi trên người học theo quy định. Kết quả cho thấy phần lớn các ngành, nghề đào tạo đều bảo đảm tỷ lệ nhà giáo/người học theo quy định. Tuy nhiên, một số ngành, nghề có quy mô tuyển sinh tăng nhanh trong những năm gần đây trong khi việc tuyển dụng nhà giáo gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tỷ lệ nhà giáo trên người học của các nghề này còn vượt mức quy định.

Đây là nội dung Nhà trường chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chuẩn. Để khắc phục, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung đội ngũ nhà giáo theo từng năm, đồng thời tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có nhằm từng bước bảo đảm tỷ lệ nhà giáo/người học theo quy định. (2.2.04 - Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 3.3.05 - Bảng quy đổi tỷ lệ nhà giáo/người học; 3.1.02 - Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm).

Trường tự đánh giá **không đạt** yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định việc nhà giáo thực hiện đúng chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra và các quy định về tổ chức đào tạo là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, việc tổ chức giảng dạy được thực hiện thống nhất theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy chế đào tạo và các quy định nội bộ của Nhà trường.

Căn cứ chương trình đào tạo đã được phê duyệt, nhà giáo xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo án, đề cương chi tiết môn học, mô đun và tổ chức giảng dạy đúng mục tiêu, nội dung, thời lượng theo chương trình đào tạo. Trong quá trình giảng dạy, nhà giáo thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ chuyên môn, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quản lý lớp học và các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo. (2.3.01 - Quyết định ban hành Quy chế đào tạo; 2.3.02 - Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; 2.3.04 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo, tiến độ giảng dạy, hồ sơ chuyên môn và việc chấp hành các quy định về tổ chức đào tạo thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ, dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn và sinh hoạt chuyên môn tại các khoa. Kết quả kiểm tra cho thấy đa số nhà giáo thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo, giảng dạy đúng tiến độ, đúng nội dung, bảo đảm chất lượng và thực hiện đầy đủ các quy định chuyên môn. Những tồn tại được nhắc nhở, góp ý và kịp thời điều chỉnh thông qua các cuộc họp chuyên môn, họp giao ban và hoạt động cải tiến chất lượng. (2.3.05 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.7.01 - Các quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra nội bộ; 2.7.02 - Kế hoạch và báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học hằng năm; 2.7.03 - Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Việc thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo đã góp phần bảo đảm tiến độ đào tạo, chất lượng giảng dạy và hoàn thành kế hoạch năm học. Qua kết quả kiểm tra, giám sát và tổng kết năm học cho thấy đội ngũ nhà giáo

cơ bản thực hiện đúng nội dung, mục tiêu chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo và chuẩn đầu ra của các ngành, nghề. (2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về nội dung “Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc học tập, tự bồi dưỡng và đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, Nhà trường đã xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách, biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nhà giáo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề và năng lực đổi mới phương pháp giảng dạy.

Về chính sách khuyến khích học tập, bồi dưỡng, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định cụ thể việc hỗ trợ kinh phí, bố trí thời gian, tạo điều kiện cho nhà giáo tham gia đào tạo sau đại học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học và chuyển đổi số theo quy hoạch phát triển đội ngũ. Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt, Nhà trường cử nhiều lượt nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài trường; đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ kinh phí theo quy định đối với viên chức được cử đi học, tạo động lực để đội ngũ yên tâm học tập, nâng cao trình độ. Nội dung này cũng được công khai, đánh giá tại Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm. (3.2.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm; 3.5.01 - Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; 3.2.02 - Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm; 3.2.03 - Hồ sơ cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; 3.5.02 - Các quyết định chi hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; 3.5.03 - Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm; 3.2.04-Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025).

Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích nhà giáo đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường, khuyến khích biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và phát huy

các sáng kiến cải tiến trong hoạt động giảng dạy. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét, công nhận các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và biểu dương, nhân rộng các giải pháp có hiệu quả, tạo động lực để đội ngũ nhà giáo không ngừng học tập, sáng tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn. **(3.5.04 - Kế hoạch và báo cáo tổng kết tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hằng năm; 3.5.05 - Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm; 2.6.03 - Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập; 2.6.04 - Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học).**

Việc thực hiện đồng bộ các chính sách và biện pháp nêu trên đã tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ nhà giáo tích cực học tập, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao năng lực chuyên môn. Nhiều nhà giáo tích cực tham gia hội giảng, nghiên cứu khoa học, xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. Kết quả thực hiện được tổng kết, đánh giá hằng năm, là cơ sở để Nhà trường tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển đội ngũ trong các năm tiếp theo. **(3.5.04 - Kế hoạch và báo cáo tổng kết tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hằng năm; 3.5.05 - Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm; 2.6.03 - Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập; 2.6.04 - Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; 3.5.03 - Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm; 2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “*Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy*”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ mới và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Vì vậy, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức làm cơ sở triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, thực tập, cập nhật kiến thức, công nghệ cho đội ngũ nhà giáo theo từng giai đoạn và từng năm học. **(3.5.01 - Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức).**

Hàng năm, căn cứ kế hoạch phát triển đội ngũ, nhu cầu đào tạo của từng ngành, nghề và yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, Nhà trường xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; đồng thời ban hành các quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, công nghệ mới, chuyển đổi số, phương pháp giảng dạy tích cực và các lớp tập huấn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp hoặc các đơn vị chuyên môn tổ chức. *(3.6.01 - Các kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; 3.6.02 - Các quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy).*

Bên cạnh hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức cho nhà giáo tham gia thực tập, trải nghiệm thực tế sản xuất nhằm cập nhật công nghệ, thiết bị, quy trình kỹ thuật và yêu cầu kỹ năng nghề của từng lĩnh vực đào tạo. Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng hoặc thực tập tại doanh nghiệp, nhà giáo đều được cấp chứng nhận, chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành khóa học theo quy định; đồng thời thực hiện báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng, thực tập và vận dụng những kiến thức, kỹ năng, công nghệ mới vào hoạt động giảng dạy, xây dựng bài giảng, hướng dẫn thực hành và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. *(3.6.03 - Kế hoạch, quyết định cử nhà giáo học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ; 3.6.04 - Chứng nhận, chứng chỉ, xác nhận bồi dưỡng; báo cáo kết quả bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo).*

Để khuyến khích đội ngũ tích cực học tập, tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ, Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ kinh phí đối với nhà giáo được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; kết quả học tập, bồi dưỡng được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại viên chức, đánh giá chuẩn nhà giáo và được báo cáo công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm. Qua đánh giá cho thấy đa số nhà giáo đều được tham gia các hoạt động bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và công nghệ mới theo kế hoạch, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu của doanh nghiệp. *(3.5.02 - Các quyết định chi hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; 3.5.03 - Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm; 3.6.05 - Báo cáo đánh giá chuẩn nhà giáo hằng năm; 2.3.09 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).*

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. *(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).*

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số

lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là lực lượng nòng cốt bảo đảm hiệu quả quản trị, tổ chức đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Vì vậy, công tác bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ luôn được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy định, bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và năng lực quản lý theo quy định hiện hành. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng chức danh quản lý được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các quyết định phân công nhiệm vụ. Trong quá trình công tác, đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện đúng chức trách được giao, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành các hoạt động của Nhà trường. **(1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 1.2.01 - Quyết định chức năng, nhiệm vụ các Khoa; 3.7.01 - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý; 3.7.02 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý).**

Đội ngũ viên chức và người lao động của Nhà trường được bố trí tại các phòng, khoa, trung tâm phù hợp với vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ và quy mô đào tạo. Đa số viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; các vị trí việc làm được phân công rõ ràng, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ người học. Việc đánh giá, xếp loại viên chức được thực hiện hằng năm theo quy định, là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. **(3.7.03 - Danh sách viên chức, người lao động theo vị trí việc làm; 3.7.04 - Hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hằng năm; 3.2.05 - Báo cáo đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm).**

Nhà trường thường xuyên quan tâm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thông qua các lớp bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, chuyển đổi số, cải cách hành chính, kỹ năng mềm và các lĩnh vực liên quan đến vị trí việc làm. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ hỗ trợ theo quy định. Kết quả bồi dưỡng được tổng hợp, đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học và là cơ sở để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ trong những năm tiếp theo. **(3.5.01 - Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; 3.2.02 - Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm; 3.7.05 - Kế hoạch, quyết định cử cán bộ quản lý, viên chức, người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; 3.7.06 - Chứng nhận, chứng chỉ, xác nhận và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, viên**

chức, người lao động; **3.5.03** - Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm).

Qua kết quả đánh giá hằng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao năng lực công tác, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng đào tạo của Nhà trường. (**3.7.04** - Hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hằng năm; **3.2.05** - Báo cáo đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm; **2.3.09** - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao; đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao; cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ”. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 3: 2 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, GIÁO TRÌNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Mở đầu:

Nhà trường xác định chương trình đào tạo (CTĐT) và giáo trình là hai yếu tố học thuật cốt lõi, định hình toàn bộ quá trình và chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quản lý khoa học, đồng bộ đối với vòng đời của CTĐT và giáo trình. Toàn bộ các khâu từ xây dựng mới, thẩm định, ban hành, cho đến rà soát, cập nhật định kỳ đều được chuẩn hóa bằng các quy trình đảm bảo chất lượng cụ thể, với sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo luôn có tính cập nhật, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra đã cam kết.

*** Những điểm mạnh:**

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng hiệu quả một hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng để quản lý toàn diện vòng đời của cả chương trình đào tạo và giáo trình, từ khâu xây dựng mới đến khâu chỉnh sửa, bổ sung.

- Quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT, giáo trình luôn có sự tham gia tích cực và thực chất của các đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu HSSV và các bên liên quan thông qua các hoạt động khảo sát, hội thảo và tham gia hội đồng thẩm định.

- 100% các ngành, nghề được cấp phép đều có CTĐT và chuẩn đầu ra (CĐR) được ban hành đầy đủ. Các CĐR này vừa tuân thủ Khung trình độ quốc gia, vừa được công bố công khai trên website, thể hiện trách nhiệm giải trình của Nhà trường.

- Nhà trường duy trì nền nếp việc rà soát, cập nhật CTĐT và giáo trình một cách định kỳ. Hoạt động này đảm bảo nội dung đào tạo luôn song hành, đáp ứng kịp thời sự thay đổi của quy định nhà nước và yêu cầu từ thị trường lao động.

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phát triển học liệu số: Đẩy mạnh việc biên soạn và đưa vào sử dụng các loại học liệu mới như bài giảng điện tử, video mô phỏng, sách điện tử (e-book) để đa dạng hóa nguồn tài nguyên học tập cho HSSV.

- Tăng cường tham khảo các chương trình quốc tế: Chủ động nghiên cứu, đối sánh các CTĐT của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới để học hỏi, cập nhật và thí điểm áp dụng các nội dung, phương pháp đào tạo hiện đại.

- Tối ưu hóa quy trình lấy ý kiến phản hồi: Ứng dụng công nghệ để rút ngắn thời gian và tăng hiệu quả của việc thu thập, phân tích ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, giúp quá trình cập nhật CTĐT và giáo trình diễn ra nhanh chóng hơn.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14 điểm
Tiêu chuẩn 4.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.7	2 điểm

Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định chương trình đào tạo là nền tảng quyết định chất lượng đào tạo, vì vậy công tác xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo được

quản lý thống nhất thông qua hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, Nhà trường đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo. Hệ thống quy trình được rà soát, cập nhật thường xuyên để phù hợp với các quy định hiện hành và yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. **(4.1.01 - Quy trình về xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo).**

Trước năm 2026:

- Cơ sở 1: Đào tạo theo giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 140/2019/ GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/12/2019; số 140a/2019/CNĐKHĐ-TCGDNN ngày 09/12/2020; số 140b/2019/CNĐKHĐ-TCGDNN ngày 12/5/2020 của Tổng cục GDNN (nay là Cục GDNN & GDTX) với 13 ngành/ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo
1.	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
		6340302	Trung cấp
2.	Tin học văn phòng	6480203	Cao đẳng
		6480203	Trung cấp
3.	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng
		6480209	Trung cấp
4.	Công nghệ Ô tô	6510216	Cao đẳng
		6510216	Trung cấp
5.	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng
		6520121	Trung cấp
6.	Hàn	6520123	Cao đẳng
		6520123	Trung cấp
7.	Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng
		6520205	Trung cấp
8.	Điện tử Dân dụng	6520224	Cao đẳng
		6520224	Trung cấp
9.	Điện tử Công nghiệp	6520225	Cao đẳng
		6520225	Trung cấp
10.	Điện Dân dụng	6520226	Cao đẳng
		6520226	Trung cấp
11.	Điện Công nghiệp	6520227	Cao đẳng

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo
		6520227	Trung cấp
12.	Cơ điện nông thôn	6520262	Cao đẳng
		6520262	Trung cấp
13.	Công nghệ Chế biến chè	6540124	Cao đẳng
		6540124	Trung cấp

- Cơ sở 2: Đào tạo theo số 72/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 12/9/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, với tổng số 14 ngành/ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
		5340302	Trung cấp
2	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
		5510216	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy nông nghiệp	6520102	Cao đẳng
		5520102	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng
		5520227	Trung cấp
5	Hàn	5520123	Trung cấp
6	Bảo vệ thực vật	6620116	Cao đẳng
		5620116	Trung cấp
7	Chăn nuôi gia súc gia cầm	6620117	Cao đẳng
		6620117	Trung cấp
8	Lâm sinh	6620202	Cao đẳng
		5620202	Trung cấp
9	Khuyến nông lâm	6620122	Trung cấp
10	Thú y	6640101	Cao đẳng
		5640101	Trung cấp

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ
11	Kỹ thuật điêu khắc gỗ	5210101	Trung cấp
12	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng
		5520225	Trung cấp
13	Kỹ thuật rau, hoa công nghệ cao	6620125	Cao đẳng
		5620125	Trung cấp
14	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	5210422	Trung cấp

Trên cơ sở các quy trình đã ban hành, hằng năm Nhà trường tổ chức xây dựng mới hoặc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo đối với các ngành, nghề đào tạo theo nhu cầu thực tế. Việc xây dựng, chỉnh sửa chương trình được thực hiện theo đúng trình tự quy định, có đầy đủ hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, biên bản hội thảo, hồ sơ thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo. Nhờ đó, 100% chương trình đào tạo đang triển khai đều được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

- Đối với cơ sở 1: CTĐT được rà soát, chỉnh sửa accs năm 2021 và 2023
- Đối với cơ sở 2: CTĐT được rà soát, chỉnh sửa accs năm 2020 và 2023
- Năm 2026, Sau khi sáp nhập, Trường đang triển khai xây dựng CTĐT theo Thông tư 01/2024.

(4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo hằng năm; 4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 - Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo).

Trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, Nhà trường luôn bảo đảm sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan nhằm nâng cao tính thực tiễn và khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Hằng năm, các khoa chuyên môn phối hợp với doanh nghiệp, chuyên gia kỹ thuật, cựu người học và các đơn vị liên quan tổ chức hội thảo, trao đổi, lấy ý kiến về chuẩn đầu ra, cơ cấu chương trình, nội dung mô-đun, môn học, thời lượng thực hành, thực tập và các kỹ năng nghề cần thiết. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và tiếp thu trong quá trình hoàn thiện chương trình đào tạo trước khi tổ chức thẩm định và ban hành. Thành phần Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được thành lập theo quy định, bảo đảm có sự tham gia của các chuyên gia, nhà giáo có kinh nghiệm và đại diện doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng, tính thực tiễn và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của chương trình đào tạo. **(4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp về nội dung “*Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo; quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.*” Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.1.08 – Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo là nền tảng để tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và bảo đảm chất lượng đào tạo. Vì vậy, đối với tất cả các ngành, nghề được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đều xây dựng, thẩm định, ban hành đầy đủ chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với chuẩn đầu ra, căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và quy định hiện hành, Nhà trường xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra cho từng ngành, nghề đào tạo. Chuẩn đầu ra được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện, quy định rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp; đồng thời làm căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra được Hiệu trưởng ban hành và công khai để nhà giáo, người học, doanh nghiệp và các bên liên quan biết, giám sát và tổ chức thực hiện. (1.1.07-Giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN; 4.2.01- Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo; 2.6.07 - Website chính thức của Trường).

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được ban hành, Nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo đối với tất cả các ngành, nghề được phép đào tạo. Chương trình đào tạo được thiết kế bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung các môn học, mô-đun, thời lượng đào tạo, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá; đồng thời đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng lao động. Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết để triển khai thống nhất trong toàn trường. (4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 - Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo).

Hàng năm, căn cứ kết quả rà soát chương trình đào tạo, yêu cầu của doanh nghiệp, sự phát triển của khoa học, công nghệ và các quy định mới của Nhà nước, Nhà trường thực hiện cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo khi cần thiết nhằm

bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và nâng cao chất lượng đào tạo. **(4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 - Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo; 4.2.01- Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp về nội dung "*Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.*" Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 – Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.1.08 – Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).**

Qua phân tích và đối chiếu, có thể khẳng định Nhà trường đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm pháp lý và học thuật trong việc ban hành CTĐT. Có sự đối khớp hoàn toàn giữa danh mục ngành, nghề được cấp phép trong các GCN và hệ thống CTĐT, CDR đã được ban hành và công khai. Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại Tiêu chuẩn 4.2, Nhà trường đã chứng minh việc ban hành đầy đủ chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo thuộc các ngành, nghề được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, Nhà trường bảo đảm chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của từng ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai để các bên liên quan biết, thực hiện và giám sát.

Chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp: Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 và Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường xây dựng chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện. Chuẩn đầu ra quy định đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, bảo đảm phù hợp với trình độ đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Việc xây dựng, rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra được thực hiện theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ xây dựng và trình tự ban hành theo quy định. **(4.3.01 - Hồ sơ xây dựng, rà soát, chỉnh sửa**

chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo; **4.2.01**- Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo).

Chuẩn đầu ra phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo: Trong quá trình xây dựng và cập nhật chuẩn đầu ra, Nhà trường luôn bám sát mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của từng ngành, nghề đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Chuẩn đầu ra được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp, tham khảo ý kiến của nhà giáo, chuyên gia và các bên liên quan; đồng thời được Hội đồng thẩm định xem xét trước khi trình Hiệu trưởng ban hành. Vì vậy, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và là cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. (**4.3.01** - Hồ sơ xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo; **1.1.08** - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Chuẩn đầu ra được công bố công khai: Sau khi được Hiệu trưởng ban hành, chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình đào tạo được Nhà trường công bố công khai trên Website chính thức của Trường và phổ biến đến các khoa chuyên môn, nhà giáo, người học ngay từ đầu khóa học để làm căn cứ tổ chức đào tạo, học tập và đánh giá kết quả học tập. Việc công khai chuẩn đầu ra cũng giúp doanh nghiệp, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin, tăng cường sự phối hợp trong quá trình đào tạo và giám sát chất lượng đào tạo. (**4.2.01**- Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo; **2.6.07** - Website chính thức của Trường).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp về nội dung "Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai." Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; **1.1.08** - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo là hoạt động thường xuyên nhằm bảo đảm chương trình đào tạo luôn phù hợp với các quy định của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương. Trên cơ sở hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng đã ban hành, hàng năm Nhà trường tổ chức rà soát các chương trình đào tạo đang triển khai; đồng thời cập nhật, điều chỉnh chương trình khi có sự thay đổi về quy định của cơ quan quản

lý nhà nước, yêu cầu của doanh nghiệp, sự phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn sản xuất. Việc rà soát, cập nhật được thực hiện theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo quy định. **(4.1.01 - Quy trình về xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo).**

Việc rà soát, đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhiều nguồn thông tin như: kết quả khảo sát doanh nghiệp, khảo sát người học đang học, khảo sát và lần vết người học sau tốt nghiệp; ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý; kết quả tổ chức đào tạo; yêu cầu của vị trí việc làm và xu hướng phát triển của ngành, nghề. Trên cơ sở các thông tin thu thập được, các khoa chuyên môn tổ chức phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung. **(1.1.07 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.1.08 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo).**

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá, Nhà trường thực hiện cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tính thực tiễn, bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ mới, điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung các môn học, mô-đun, phân bổ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, sự phát triển của ngành, nghề và nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương. Các nội dung điều chỉnh đều được thực hiện theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, hồ sơ thẩm định và quyết định ban hành trước khi đưa vào tổ chức đào tạo, bảo đảm chương trình đào tạo luôn được cập nhật kịp thời và nâng cao chất lượng. **(4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 - Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo).**

Việc định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm chương trình đào tạo của Nhà trường luôn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, kết quả khảo sát doanh nghiệp và lần vết người học sau tốt nghiệp là nguồn thông tin quan trọng để Nhà trường tiếp tục hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo, góp phần nâng cao khả năng có việc làm và năng lực thích ứng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp. **(1.1.08 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, Cựu HSSV và doanh nghiệp về nội dung "*Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.*" Kết quả khảo sát là căn cứ quan trọng để tiếp tục cải tiến chương trình đào tạo trong các năm tiếp theo. Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–**

2025, 2025–2026; **1.1.08** - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; **4.4.01** - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH và Thông tư số 01/2024/TT-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, Nhà trường đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Hệ thống quy trình được áp dụng thống nhất trong toàn trường và được rà soát, cập nhật thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp và thực tiễn đào tạo. (**4.5.01** - Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo).

Trên cơ sở các quy trình đã ban hành, hằng năm các khoa chuyên môn tổ chức xây dựng mới hoặc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đối với các môn học, mô-đun phù hợp với chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và sự phát triển của khoa học, công nghệ. Việc biên soạn, chỉnh sửa giáo trình được thực hiện đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, hồ sơ thẩm định và quyết định ban hành trước khi đưa vào sử dụng trong giảng dạy. (**4.5.02** - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa giáo trình đào tạo; **4.5.03** - Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo; **4.5.04** - Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo).

Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình luôn có sự tham gia của đội ngũ nhà giáo có chuyên môn phù hợp, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo, đại diện doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm bảo đảm giáo trình phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện trước khi Hội đồng thẩm định xem xét, trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành và đưa vào sử dụng. (**4.5.03** - Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo; **1.1.08** - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung "Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan." Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành một cơ chế quản lý giáo trình chặt chẽ, được chuẩn hóa bằng các quy trình BĐCL cụ thể. Việc quy định rõ tiêu chuẩn và thành phần tham gia biên soạn, thẩm định, có sự tham gia của các bên liên quan, đã đảm bảo mỗi giáo trình được ban hành đều có chất lượng cao, đáp ứng tốt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được ban hành, Nhà trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành đầy đủ giáo trình đối với các môn học, mô-đun của các ngành, nghề đào tạo đang được phép tổ chức đào tạo. Các giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng, bảo đảm 100% các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo đều có giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập. Danh mục giáo trình được quản lý thống nhất và sử dụng trong toàn trường. **(4.6.01 - Danh mục giáo trình các ngành, nghề đào tạo; 4.5.04 - Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo).**

Các giáo trình được biên soạn trên cơ sở chương trình đào tạo và chương trình chi tiết của từng môn học, mô-đun; cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nội dung kiến thức, kỹ năng, nội dung thực hành, bài tập, câu hỏi ôn tập và hướng dẫn học tập của từng môn học, mô-đun. Nội dung giáo trình được trình bày khoa học, logic, phù hợp với trình độ đào tạo, đặc điểm của từng ngành, nghề và phương pháp tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học, tăng cường thực hành và khả năng tự học. **(4.6.02 - Bộ giáo trình các môn học, mô-đun kèm theo quyết định ban hành; 4.2.02 - Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo).**

Trước khi ban hành, các giáo trình đều được Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá về sự phù hợp với chương trình đào tạo; tính đầy đủ, chính xác của nội dung kiến thức và kỹ năng; tính khoa học, tính cập nhật; sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tính sư phạm và khả năng áp dụng trong quá trình giảng dạy. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, nhóm biên soạn tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện giáo trình trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành và đưa vào sử dụng. Nhờ đó, các giáo trình của Nhà trường bảo đảm là tài liệu chính thức phục vụ giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. **(4.5.03 - Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo; 4.6.02 - Bộ giáo trình các môn học, mô-đun kèm theo quyết định ban hành).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung "Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học." Kết quả

khảo sát cho thấy trên **80%** ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: *Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định giáo trình là tài liệu giảng dạy cần được duy trì tính thống nhất với chương trình đào tạo. Vì vậy, cùng với việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình theo đúng quy trình đã ban hành nhằm bảo đảm nội dung giáo trình luôn phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo. Việc rà soát, cập nhật giáo trình được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường. (**4.5.01** - *Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo*).

Khi chương trình đào tạo được xây dựng mới hoặc được rà soát, điều chỉnh, các khoa chuyên môn tổ chức đánh giá mức độ phù hợp của giáo trình đang sử dụng; trên cơ sở đó thực hiện chỉnh sửa, bổ sung hoặc biên soạn mới giáo trình đối với các môn học, mô-đun có nội dung thay đổi. Quá trình rà soát, cập nhật được thực hiện theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, biên bản góp ý, hồ sơ thẩm định và quyết định ban hành giáo trình sau khi hoàn thiện. (**4.5.02** - *Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa giáo trình đào tạo*; **4.5.03** - *Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo*; **4.5.04** - *Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo*).

Việc rà soát, cập nhật giáo trình luôn gắn với kết quả rà soát chương trình đào tạo, ý kiến của nhà giáo, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm bảo đảm nội dung giáo trình phản ánh kịp thời những thay đổi của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất, sự phát triển của khoa học, công nghệ và yêu cầu của thị trường lao động. Sau khi được cập nhật và ban hành, giáo trình được sử dụng thống nhất trong toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. (**4.1.02** - *Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo*; **1.1.08** - *Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025*; **4.5.02** - *Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa giáo trình đào tạo*).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung "Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo." Trên 80% ý kiến trả lời ở mức hài lòng trở lên. (**1.1.10** - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 4: 2 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu:

Nhà trường xác định cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu là ba trụ cột nền tảng, tạo nên điều kiện vật chất cốt lõi để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Nhà trường đã đầu tư một cách bài bản, đồng bộ và có chiến lược vào việc xây dựng, quản lý và vận hành toàn bộ hệ thống này. Công tác quản lý được chuẩn hóa bằng một hệ thống quy chế, quy trình chặt chẽ, đảm bảo mọi nguồn lực được khai thác hiệu quả, an toàn và luôn hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu và sinh hoạt của cán bộ,

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng hiệu quả một hệ thống các quy chế, quy trình để quản lý một cách chuyên nghiệp và đồng bộ toàn bộ cơ sở vật chất, từ thiết bị, phòng học, xưởng thực hành đến nguyên, nhiên, vật liệu.

- Nhà trường có đầy đủ các khu chức năng từ khu hiệu bộ, giảng đường, xưởng thực hành đến khu liên hợp thể thao, ký túc xá. Các công trình được đầu tư bài bản, đáp ứng tốt yêu cầu về quy mô đào tạo và đảm bảo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp.

- Nhà trường triển khai một cách nghiêm túc và có hệ thống các biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường, từ việc huấn luyện an toàn lao động, PCCC, khám sức khỏe định kỳ. Các chính sách về bình đẳng giới và hỗ trợ người khuyết tật cũng được quan tâm thực hiện.

- Trang thiết bị đào tạo đầy đủ, hiện đại và được quản lý hiệu quả: Thiết bị đào tạo của trường đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo, thường xuyên được cập nhật, bảo trì, bảo dưỡng. Việc quản lý, bố trí thiết bị khoa học, an toàn đã tạo ra một môi trường thực hành lý tưởng, được người dạy và người học đánh giá cao.

- Thư viện được đầu tư xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, có đầy đủ các khu chức năng và nguồn học liệu phong phú. Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành đã giúp thư viện trở thành trung tâm học liệu hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung các trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đặc biệt là các thiết bị mô phỏng, tự động hóa để HSSV được tiếp cận với công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Nâng cấp và triển khai phần mềm quản lý tài sản tập trung, tích hợp mã QR code để số hóa hoàn toàn công tác kiểm kê, theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Tăng cường mua quyền truy cập các cơ sở dữ liệu, tạp chí khoa học trực tuyến trong và ngoài nước; xây dựng quan hệ đối tác với thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu để chia sẻ và làm phong phú thêm nguồn học liệu.

- Cải tạo một phần không gian thư viện hoặc các khu vực chung thành không gian mở, linh hoạt, được trang bị công nghệ, khuyến khích HSSV học tập theo nhóm, nghiên cứu và sáng tạo.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16 điểm
Tiêu chuẩn 5.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.7	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.8	2 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc ban hành và áp dụng các quy trình, công cụ quản lý cơ sở vật chất, thiết bị, xưởng thực hành, phòng học và các phòng công năng là cơ sở quan trọng để Nhà trường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ người học và các hoạt động khác. Trên cơ sở các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị theo hướng đồng bộ và thống nhất trong toàn trường.

Hệ thống quy trình bao gồm: quy trình quản lý phòng học, xưởng thực hành; quy trình đầu tư, mua sắm tài sản, thiết bị; quy trình tiếp nhận, bàn giao tài sản; quy trình cấp phát vật tư, nguyên vật liệu; quy trình kiểm kê tài sản; quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa; quy trình thanh lý tài sản và các quy trình khác có liên quan đến quản lý, khai thác cơ sở vật chất, thiết bị. Các quy trình được ban hành kèm theo hệ thống biểu mẫu thực hiện, quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở vật chất, bảo đảm việc quản lý được thực hiện thống nhất, đúng quy định

và đáp ứng yêu cầu hoạt động của Nhà trường. **(5.1.01 - Các quy trình quản lý cơ sở vật chất, thiết bị kèm theo quyết định ban hành).**

Theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, công tác quản lý cơ sở vật chất được giao cho đơn vị phụ trách quản trị chủ trì, phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện. Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, xưởng thực hành, thư viện, phòng máy tính và các phòng công năng khác được phân công quản lý cụ thể. Nhà trường ban hành văn bản giao nhiệm vụ quản lý đối với từng phòng học, phòng thực hành, xưởng thực hành và các phòng công năng; các khoa chuyên môn phân công viên chức phụ trách quản lý, đồng thời bàn giao cho nhà giáo sử dụng theo kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu. Các trang thiết bị, vật tư được quản lý thông qua hồ sơ, sổ sách theo dõi, sổ quản lý tài sản, bảng phân công quản lý tài sản và các biểu mẫu quản lý, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng công năng và đáp ứng yêu cầu đào tạo của từng ngành, nghề. **(5.1.02 - Hồ sơ, sổ sách theo dõi, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025; 5.1.03 - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.1.05 - Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành, xưởng thực hành và các phòng công năng).**

Nhà trường áp dụng các công cụ quản lý nhằm điều phối việc sử dụng phòng học, xưởng thực hành theo thời khóa biểu; theo dõi tình trạng khai thác, sử dụng cơ sở vật chất; lưu trữ hồ sơ quản lý và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Đối với các phòng học, phòng thực hành và các phòng công năng, Nhà trường ban hành nội quy sử dụng, quy định rõ trách nhiệm của đơn vị quản lý, nhà giáo và người học trong quá trình khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị, góp phần bảo đảm môi trường học tập an toàn, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu chuyên môn. **(5.1.06 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và quy định sử dụng máy móc, thiết bị).**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng cơ sở vật chất; thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định và tổng hợp kết quả trong báo cáo quản lý tài sản của Nhà trường và các khoa. Kết quả kiểm kê phản ánh đầy đủ hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị; là căn cứ để xây dựng kế hoạch bảo trì, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý và đầu tư bổ sung tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo. Hồ sơ quản lý, sổ theo dõi, hồ sơ kiểm kê và hồ sơ bảo trì được lưu trữ đầy đủ, bảo đảm tính liên tục và thống nhất trong công tác quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường. **(5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.1.07 - Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025; 5.1.08 - Hồ sơ kiểm kê tài sản năm 2023, 2024, 2025; 5.1.09 - Sổ kiểm kê, sổ theo dõi tài sản năm 2023, 2024, 2025).**

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung "Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường." Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% ý kiến đánh giá ở mức hài lòng trở lên, phản ánh hệ thống quy trình và công tác quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo và quản trị chất lượng. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quy hoạch tổng thể khuôn viên, đầu tư xây dựng các khối công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của viên chức, người lao động và người học. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất theo quy hoạch tổng thể, bảo đảm các khu chức năng được bố trí hợp lý, sử dụng đúng công năng, đáp ứng quy mô đào tạo hiện tại và định hướng phát triển trong từng giai đoạn.

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể mặt bằng trên cơ sở quỹ đất được Nhà nước giao, bảo đảm bố trí khoa học các khu hành chính, khu giảng đường, phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, xưởng thực hành, thư viện, khu giáo dục thể chất, ký túc xá, khu dịch vụ, hệ thống giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, khu cây xanh và các công trình phụ trợ khác. Quy hoạch tổng thể được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo nhiều ngành, nghề ở các trình độ khác nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư mở rộng trong tương lai. Toàn bộ hồ sơ quy hoạch, hồ sơ pháp lý về đất đai và hồ sơ hoàn công các công trình được quản lý đầy đủ, phục vụ công tác quản lý, khai thác và phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường. ***(5.2.01 - Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của Trường; 5.2.02 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5.2.03 - Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của Trường).***

Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt, Nhà trường thường xuyên cập nhật hiện trạng cơ sở vật chất để phục vụ công tác quản lý và sử dụng. Hệ thống các khối công trình được thống kê đầy đủ về quy mô, diện tích, công năng sử dụng và hiện trạng khai thác; đồng thời được theo dõi bằng hồ sơ quản lý và hình ảnh thực tế của từng hạng mục. Các khu giảng đường, phòng học, phòng học chuyên môn, xưởng thực hành, khu làm việc, ký túc xá, thư viện, nhà đa năng, khu thể thao và các công trình phụ trợ được bố trí hợp lý, bảo đảm tính liên hoàn trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học. ***(5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường).***

Nhà trường có vị trí xây dựng thuận lợi, kết nối với các tuyến giao thông chính của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người học, viên chức, người lao động và các doanh nghiệp trong quá trình phối hợp đào tạo, thực tập và tuyển dụng. Đồng thời, Nhà trường đã rà soát, thống kê khoảng cách từ khuôn viên Trường đến các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp hoặc các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nhằm bảo đảm môi trường đào tạo an toàn, ổn định và phù hợp với quy định hiện hành. Kết quả thống kê cho thấy vị trí xây dựng của Nhà trường bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các nguồn gây ô nhiễm, không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và

sinh hoạt của người học. **(5.2.06 - Bản mô tả vị trí của Trường đối với các tuyến giao thông huyết mạch; 5.2.07 - Bảng thống kê khoảng cách đến các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).**

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Nhà trường được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch tổng thể, đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt. Hệ thống cấp điện được đầu tư bảo đảm cung cấp điện ổn định cho toàn bộ các khối công trình; Nhà trường có trạm biến áp, máy phát điện dự phòng, thực hiện đầy đủ các thủ tục ký kết hợp đồng mua bán điện và thanh toán theo quy định. Việc quản lý, khai thác và sử dụng điện được thực hiện thường xuyên, định kỳ tổng hợp tình hình sử dụng điện, nước để đánh giá hiệu quả sử dụng, làm căn cứ xây dựng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả quản lý cơ sở vật chất. **(5.2.08 - Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; hồ sơ máy phát điện; hợp đồng mua bán điện; hóa đơn thanh toán tiền điện; 5.2.09 - Báo cáo công tác sử dụng điện, nước).**

Hệ thống cấp nước sạch được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng tại các khu giảng đường, phòng học, phòng thực hành, xưởng thực hành, khu ký túc xá và các công trình phụ trợ. Nhà trường quản lý hệ thống cấp nước thông qua sơ đồ mặt bằng cấp nước tổng thể, hợp đồng cung cấp nước sạch, hóa đơn thanh toán tiền nước và các biên bản đánh giá chất lượng nước. Việc theo dõi, quản lý nguồn nước được thực hiện thường xuyên nhằm bảo đảm chất lượng nước phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt của viên chức, người lao động và người học. **(5.2.10 - Mặt bằng cấp nước tổng thể; Hợp đồng cung cấp nước sạch; Hóa đơn thanh toán tiền nước; Biên bản đánh giá chất lượng nước).**

Nhà trường đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp. Hệ thống thu gom và thoát nước được đầu tư đồng bộ, bảo đảm tiêu thoát nước mưa và nước thải trong toàn bộ khuôn viên, không để xảy ra tình trạng ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo và sinh hoạt. Sơ đồ hệ thống thoát nước được quản lý đầy đủ, là căn cứ để vận hành, bảo trì và nâng cấp khi cần thiết. **(5.2.12 - Sơ đồ mặt bằng hệ thống thoát nước).**

Để duy trì môi trường học tập an toàn, sạch đẹp, Nhà trường ban hành các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; đồng thời tổ chức triển khai đến toàn thể viên chức, người lao động và người học. Công tác vệ sinh khuôn viên được thực hiện thường xuyên thông qua việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị, phân công người học tham gia vệ sinh tự quản theo khu vực, kết hợp với đội ngũ nhân viên vệ sinh môi trường thực hiện vệ sinh hằng ngày. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận nhằm bảo đảm khuôn viên, giảng đường, phòng học, xưởng thực hành và các khu vực công cộng luôn sạch sẽ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động dạy học và sinh hoạt. **(5.2.11 - Hồ sơ phân công vệ sinh tự quản HSSV năm 2023, 2024, 2025; 5.2.13 - Hợp đồng lao động nhân viên vệ sinh môi trường; 5.2.14 - Danh sách nhân viên vệ sinh; biên bản phân công công việc; kế hoạch thực hiện và kiểm tra; 5.2.17- Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ của Trường; 5.2.16 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ năm 2023, 2024, 2025).**

Song song với công tác quản lý môi trường, Nhà trường đầu tư đầy đủ hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho các khối công trình theo quy định hiện hành. Hệ thống báo cháy, chữa cháy, bình chữa cháy, họng nước chữa cháy, biển báo, lối thoát hiểm và các trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy được lắp đặt phù hợp với đặc điểm từng công trình. Hằng năm, Nhà trường phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống phòng cháy và chữa cháy; kịp thời khắc phục những tồn tại (nếu có), bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và các hoạt động khác của Nhà trường. (5.2.15 - Hồ sơ lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy các khối công trình; 5.2.16 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường thường xuyên thống kê, cập nhật số liệu về diện tích khu đất, diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, diện tích cây xanh và các hạng mục cơ sở vật chất nhằm phục vụ công tác quản lý, lập kế hoạch đầu tư, sửa chữa và phát triển cơ sở vật chất. Các số liệu được tổng hợp đầy đủ, phản ánh hiện trạng cơ sở vật chất của Nhà trường, là căn cứ để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt trong từng giai đoạn phát triển. (5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường).

Kết quả quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được tổng hợp trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và các đơn vị. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ người học và định hướng phát triển của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, khuôn viên và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến đánh giá cơ sở vật chất, cảnh quan, hệ thống điện, nước và môi trường học tập của Nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo; tỷ lệ hài lòng đạt trên 80%. Những ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích và đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm. (1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị; 1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Qua công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý và khai thác cơ sở vật chất, có thể thấy khuôn viên Nhà trường được quy hoạch phù hợp với công năng sử dụng, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững về môi trường; hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của viên chức, người lao động và người học, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có

cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đầu tư và bố trí đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất gồm khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, khu dịch vụ và các công trình phụ trợ khác phù hợp với quy mô, ngành, nghề và trình độ đào tạo đã được cấp phép. Các khu chức năng được bố trí theo quy hoạch tổng thể, bảo đảm thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ người học và các hoạt động của Nhà trường. (5.2.01 - Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của Trường; 5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường).

Khu hiệu bộ được bố trí đầy đủ phòng làm việc của Ban Giám hiệu và các phòng, khoa, trung tâm theo cơ cấu tổ chức của Nhà trường. Các phòng làm việc được trang bị bàn ghế, máy tính, hệ thống mạng nội bộ, thiết bị văn phòng và các phương tiện cần thiết, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị. (1.1.01 - Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường; 5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường).

Hệ thống phòng học lý thuyết được bố trí phù hợp với quy mô đào tạo; các phòng học bảo đảm diện tích sử dụng, ánh sáng, thông gió, hệ thống điện, quạt, máy chiếu, bảng viết, bàn ghế và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Các phòng học được sử dụng theo thời khóa biểu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của người học ở các trình độ đào tạo. (5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường; 5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị).

Các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành được đầu tư theo hướng chuyên môn hóa, phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề đào tạo. Nhà trường giao các khoa trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng theo kế hoạch đào tạo; ban hành văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành, quy định rõ trách nhiệm của đơn vị và cá nhân phụ trách. Các phòng học chuyên môn đều có nội quy sử dụng, quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy nhằm bảo đảm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, phục vụ hoạt động đào tạo và bảo đảm an toàn trong quá trình giảng dạy, học tập. (5.1.05 - Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành; 5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường).

Nhà trường bảo đảm cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của từng chương trình đào tạo thông qua việc định kỳ rà soát, đối sánh danh mục thiết bị hiện có với yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị của từng ngành, nghề đang đào tạo. Việc đối sánh được thực hiện trên cơ sở nội dung các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống thiết bị đối với hoạt động giảng dạy, thực hành, thực tập; đồng thời làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung, thay

thể và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo từng giai đoạn. Kết quả đối sánh cho thấy hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình đào tạo hiện hành. *(5.3.02 - Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo)*.

Bên cạnh hệ thống giảng đường và xưởng thực hành, Nhà trường có khu giáo dục thể chất, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, khu đỗ xe, khu vệ sinh, hệ thống cây xanh và các công trình phục vụ khác đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, rèn luyện thể chất và sinh hoạt của người học, nhà giáo và viên chức. Các hạng mục công trình được khai thác đúng công năng, thường xuyên được quản lý, duy tu, bảo dưỡng và sử dụng hiệu quả, góp phần tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện và thuận lợi. *(5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường)*.

Việc khai thác và sử dụng cơ sở vật chất luôn gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng cháy, chữa cháy. Nhà trường thường xuyên kiểm tra tình trạng sử dụng các công trình, hệ thống điện, nước, vệ sinh môi trường và các điều kiện an toàn; kịp thời sửa chữa, khắc phục các hạng mục xuống cấp nhằm bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt của người học. *(5.2.17- Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường; 5.2.16 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025)*.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học về mức độ đáp ứng của khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, thư viện, ký túc xá, khu phục vụ và các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, sinh hoạt. Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng của phòng học, phòng thực hành, cảnh quan sư phạm, hệ thống điện, nước, vệ sinh môi trường, khu giáo dục thể chất và các điều kiện hỗ trợ học tập, giảng dạy. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học đánh giá hài lòng trở lên đối với hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và đưa vào kế hoạch đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo. *(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị)*.

Như vậy, khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các công trình phục vụ sinh hoạt của Nhà trường được đầu tư tương đối đồng bộ, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo; cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình đào tạo, bảo đảm các yêu cầu về công nghệ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phục vụ hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cũng như sinh hoạt của nhà giáo và người học, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác bảo đảm môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động, tuyển sinh, đào tạo, công tác học sinh, sinh viên, công tác thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; đồng thời ban hành các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy làm căn cứ để các đơn vị triển khai thống nhất trong toàn trường. Các quy định này được phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học thông qua các hội nghị, sinh hoạt đầu năm học, tuần sinh hoạt công dân HSSV, các buổi tập huấn chuyên đề và được niêm yết tại các khu vực làm việc, học tập nhằm nâng cao ý thức chấp hành, phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn trong quá trình giảng dạy, học tập và làm việc. (1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 2.1.01 - Quy chế tuyển sinh; 2.3.01 - Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 2.3.02 - Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 2.8.01 - Quy chế tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; 5.2.17- Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ của Trường).

Để bảo đảm môi trường học tập xanh, sạch, đẹp và an toàn, Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên tại khu hiệu bộ, giảng đường, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, khuôn viên và các công trình phụ trợ. Cùng với đó, Nhà trường xây dựng và duy trì báo cáo công tác an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo định kỳ nhằm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp những tồn tại, đề xuất các giải pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trong toàn trường. Nội dung báo cáo phản ánh đầy đủ tình hình thực hiện công tác vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải, chăm sóc cảnh quan, bảo đảm an toàn lao động, công tác phòng cháy và chữa cháy cũng như việc triển khai các giải pháp cải thiện điều kiện học tập, làm việc của cán bộ, viên chức và người học. (5.4.01 - Hợp đồng thu gom rác thải; 5.4.02 - Báo cáo công tác an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường).

Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn về an ninh, trật tự. Hằng năm, công tác bảo đảm an ninh trường học được cụ thể hóa trong kế hoạch công tác học sinh, sinh viên; lực lượng bảo vệ được phân công nhiệm vụ trực 24/24 giờ, thực hiện kiểm soát người và phương tiện ra vào trường, tuần tra khuôn viên, bảo vệ tài sản và phối hợp xử lý các tình huống phát sinh. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Công an địa phương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường và bảo đảm an ninh trật tự trường học. Hằng năm, công tác an ninh trường học được tổng kết, đánh giá thông qua báo cáo chuyên đề, làm cơ sở xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và

bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. *(5.4.03 - Kế hoạch công tác học sinh, sinh viên các năm học; 5.4.04 - Bảng phân công nhiệm vụ trực bảo vệ của Trường; 5.4.05 - Các biên bản phối hợp với Công an địa phương về bảo đảm an ninh trật tự trường học; 5.4.06 - Báo cáo đánh giá công tác an ninh trường học hằng năm).*

Đối với các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn và xưởng thực hành, Nhà trường ban hành nội quy sử dụng phòng học, máy móc, thiết bị; quy định rõ trách nhiệm của đơn vị quản lý, nhà giáo và người học trong việc chấp hành các quy định về an toàn lao động, sử dụng điện, máy móc, hóa chất (nếu có), vệ sinh công nghiệp và phòng cháy, chữa cháy. Nội quy được niêm yết tại từng phòng học, phòng thực hành và được giáo viên phổ biến trước khi tổ chức giảng dạy, thực hành nhằm nâng cao ý thức chấp hành của người học, hạn chế các nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng trang thiết bị đào tạo. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy tại các đơn vị, gắn với công tác quản lý cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo. *(5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị; 5.1.05 - Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành).*

Công tác bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy được duy trì thông qua các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất. Nội dung kiểm tra tập trung vào tình trạng sử dụng hệ thống điện, nước, trang thiết bị đào tạo, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, điều kiện an toàn tại các phòng học, phòng thực hành, xưởng thực hành và khuôn viên trường. Kết quả kiểm tra được lập biên bản, tổng hợp, đánh giá và yêu cầu các đơn vị khắc phục kịp thời những tồn tại, đồng thời làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo trì, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị nhằm bảo đảm điều kiện phục vụ đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp với cơ quan y tế có thẩm quyền kiểm tra điều kiện y tế trường học, bảo đảm các yêu cầu về chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và vệ sinh học đường theo quy định. *(5.2.16 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025; 5.4.07 - Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học; 5.4.08- Báo cáo công tác y tế Trường học hằng năm).*

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và không phân biệt đối xử trong tuyển dụng, tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và công tác học sinh, sinh viên. Các quy chế của Nhà trường quy định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học; bảo đảm mọi cá nhân đều được tiếp cận bình đẳng đối với các điều kiện học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, hoàn cảnh kinh tế hoặc điều kiện cá nhân. Trong quá trình tổ chức đào tạo, Nhà trường luôn thực hiện công khai, minh bạch các quy định về tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định. Đối với người khuyết tật (nếu có), Nhà trường sẵn sàng bố trí các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, phương thức hỗ trợ và các điều kiện học tập phù hợp nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục theo quy định của pháp luật. *(1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 2.1.01 - Quy chế tuyển sinh; 2.3.01 - Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 2.3.02 - Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 2.8.01 - Quy chế tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp).*

Để không ngừng nâng cao chất lượng môi trường học tập và làm việc, hằng năm Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về các điều kiện bảo đảm môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an ninh trường học. Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thực hành, điều kiện vệ sinh môi trường, cảnh quan sư phạm, công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng cháy và chữa cháy, điều kiện chăm sóc sức khỏe cũng như các dịch vụ hỗ trợ người học. Hồ sơ khảo sát gồm phiếu khảo sát, kết quả tổng hợp, báo cáo phân tích và các đề xuất cải tiến. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đều đánh giá hài lòng đối với môi trường học tập, làm việc và các điều kiện bảo đảm an toàn của Nhà trường; các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và đưa vào báo cáo tổng kết năm học để xây dựng kế hoạch cải tiến, bổ sung cơ sở vật chất, hoàn thiện các điều kiện phục vụ đào tạo trong những năm tiếp theo. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp về bảo đảm môi trường, an toàn lao động, phòng cháy và chữa cháy, an ninh trường học và chăm sóc sức khỏe, nhiều năm qua Nhà trường luôn duy trì môi trường giáo dục an toàn, ổn định; công tác bảo đảm an ninh, trật tự được các cơ quan chức năng ghi nhận và biểu dương. Các kết quả đạt được được tổng hợp trong hồ sơ thi đua, khen thưởng, góp phần khẳng định hiệu quả công tác quản lý và xây dựng môi trường giáo dục an toàn của Nhà trường. **(5.4.09 - Các khen thưởng của Trường về công tác bảo đảm an ninh trật tự).**

Như vậy, Nhà trường đã xác định đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; xây dựng hệ thống quy chế, quy định và tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng cháy và chữa cháy, bảo đảm an ninh trường học, chăm sóc sức khỏe và thực hiện chính sách bình đẳng, không phân biệt đối xử trong toàn bộ hoạt động tuyển sinh, đào tạo và quản lý người học. Các hoạt động được thực hiện thường xuyên, có kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến hằng năm; kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đạt trên 80%, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đầu tư hệ thống thiết bị, dụng cụ đào tạo phù hợp với quy mô, ngành, nghề và trình độ đào tạo đã được cấp phép, đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình đào tạo theo mục tiêu, chuẩn đầu ra và yêu cầu của doanh nghiệp. Thiết bị đào tạo được

bố trí tại các phòng học chuyên môn, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo từng nghề; bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với nội dung các môn học, mô-đun và quy trình công nghệ của từng nghề đào tạo. Căn cứ chương trình đào tạo và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Nhà trường định kỳ rà soát, lập danh mục thiết bị hiện có và thực hiện đối sánh với yêu cầu của từng chương trình đào tạo để đánh giá mức độ đáp ứng, làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung, thay thế và nâng cấp thiết bị đào tạo hằng năm. (5.3.02 - *Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo*; 5.2.04 - *Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường*; 5.2.05 - *Hình ảnh các phòng học, phòng thực hành và hệ thống thiết bị đào tạo*).

Thiết bị đào tạo của Nhà trường được thống kê, phân loại và quản lý theo từng ngành, nghề, từng phòng học, phòng thực hành và từng đơn vị sử dụng. Danh mục thiết bị được cập nhật thường xuyên, phản ánh đầy đủ tên thiết bị, số lượng, thông số kỹ thuật, năm đưa vào sử dụng, đơn vị quản lý và tình trạng hoạt động của từng thiết bị. Đây là cơ sở để các khoa xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị phục vụ giảng dạy, đồng thời giúp Nhà trường theo dõi, đánh giá hiệu quả khai thác và sử dụng thiết bị trong toàn trường. (5.5.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo theo từng ngành, nghề*).

Để quản lý chặt chẽ quá trình khai thác và sử dụng thiết bị, Nhà trường thực hiện chế độ ghi chép, theo dõi việc sử dụng thiết bị tại các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành. Các khoa, bộ môn và người phụ trách phòng thực hành có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thời gian sử dụng, tình trạng thiết bị trước và sau khi sử dụng, các hư hỏng phát sinh và biện pháp xử lý. Việc quản lý được thực hiện thống nhất theo quy định của Nhà trường, gắn trách nhiệm của từng cá nhân và đơn vị trong việc bảo quản tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị và kéo dài tuổi thọ sử dụng. (5.5.02 - *Sổ theo dõi sử dụng thiết bị đào tạo*; 5.1.05 - *Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành*; 5.3.01 - *Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị*).

Việc bố trí thiết bị đào tạo được thực hiện theo hướng chuyên môn hóa, phù hợp với đặc điểm của từng nghề đào tạo và bảo đảm yêu cầu sư phạm trong tổ chức giảng dạy. Các thiết bị được sắp xếp theo dây chuyền công nghệ, theo quy trình thực hành của từng mô-đun, bảo đảm khoảng cách an toàn, thuận tiện cho việc thao tác, quan sát, hướng dẫn và đánh giá kết quả học tập của người học. Hệ thống biển báo, nội quy sử dụng, hướng dẫn vận hành thiết bị, quy định về an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy được niêm yết đầy đủ tại các phòng học và xưởng thực hành; đồng thời các điều kiện về chiếu sáng, thông gió, cấp điện, cấp nước và vệ sinh môi trường đều đáp ứng yêu cầu khai thác thiết bị trong quá trình đào tạo. (5.3.01 - *Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị*; 5.2.05 - *Hình ảnh các phòng học, phòng thực hành*; 5.2.06 - *Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ thiết bị đào tạo theo quy định nhằm đánh giá số lượng, hiện trạng kỹ thuật, mức độ khai thác và khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo của từng thiết bị. Công tác kiểm kê được thực hiện tại tất cả các khoa, phòng học chuyên môn và xưởng thực hành; kết quả kiểm kê được tổng hợp, phân tích, xác định các thiết bị hư hỏng, xuống cấp hoặc không còn phù hợp để làm căn cứ xây dựng

kế hoạch sửa chữa, bảo trì, thanh lý hoặc đầu tư thay thế. Hồ sơ kiểm kê được lưu trữ đầy đủ, bảo đảm phục vụ công tác quản lý tài sản và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. (5.5.03 - Hồ sơ kiểm kê thiết bị đào tạo hằng năm; 5.5.04 - Báo cáo kết quả kiểm kê thiết bị đào tạo; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025).

Trên cơ sở kết quả kiểm kê và tình trạng hoạt động của thiết bị, Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị đào tạo hằng năm nhằm bảo đảm các thiết bị luôn hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy, học tập và thực hành. Việc bảo trì, bảo dưỡng được thực hiện theo đúng quy trình quản lý thiết bị đã ban hành; các khoa chủ động rà soát, đề xuất nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng đối với từng nhóm thiết bị, gửi về đơn vị quản lý để tổng hợp, tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Sau khi hoàn thành, toàn bộ quá trình bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa đều được nghiệm thu, cập nhật vào hồ sơ quản lý thiết bị để theo dõi lâu dài, đồng thời làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung và thay thế thiết bị trong các năm tiếp theo. (5.5.05 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo; 5.5.06 - Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; 5.1.02 - Hồ sơ theo dõi, quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị đào tạo tại các khoa, bộ môn và phòng học chuyên môn nhằm bảo đảm thiết bị được sử dụng đúng mục đích, đúng công năng và phát huy hiệu quả trong quá trình giảng dạy, học tập. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc chấp hành quy định về quản lý tài sản, sử dụng thiết bị, thực hiện nội quy phòng học, phòng thực hành, công tác bảo quản sau sử dụng, tình trạng hoạt động của thiết bị, điều kiện an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy. Qua kiểm tra, các tồn tại được tổng hợp, phân tích và yêu cầu các đơn vị khắc phục kịp thời; đồng thời là căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bổ sung và thay thế thiết bị đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo. (5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.2.16 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025; 5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị).

Việc sử dụng thiết bị đào tạo luôn gắn với các yêu cầu về an toàn sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường. Người học được phổ biến nội quy, quy trình vận hành thiết bị, hướng dẫn sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động và các quy định về an toàn trước khi tham gia thực hành. Nhà giáo trực tiếp hướng dẫn, giám sát quá trình thực hành, kiểm tra tình trạng thiết bị trước và sau khi sử dụng; các thiết bị sau khi kết thúc buổi học đều được vệ sinh, bảo quản và sắp xếp đúng vị trí quy định. Nhờ đó, thiết bị đào tạo được khai thác hiệu quả, hạn chế hư hỏng, đồng thời bảo đảm an toàn cho nhà giáo và người học trong suốt quá trình đào tạo. (5.2.06 - Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường; 5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị; 5.5.02 - Sổ theo dõi sử dụng thiết bị đào tạo; 5.5.06 - Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống thiết bị đào tạo đối với hoạt động giảng dạy và học tập. Nội dung khảo sát tập trung vào số lượng, chất lượng, tính đồng bộ, mức độ hiện đại, khả năng đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, mức độ thuận tiện trong khai thác, sử dụng và tình trạng hoạt động của thiết bị tại các phòng học, phòng thực hành. Hồ sơ khảo sát gồm phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả, báo cáo phân tích và các đề xuất cải tiến. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá thiết bị đào tạo đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; các ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích và đưa vào kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bổ sung thiết bị đào tạo trong các năm tiếp theo. (**1.1.10** - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; **2.2.07** - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; **1.3.04** - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).

Như vậy, hệ thống thiết bị và dụng cụ đào tạo của Nhà trường được đầu tư tương đối đồng bộ, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo; đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo hiện hành. Công tác quản lý, khai thác, kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị được thực hiện theo quy định, có đầy đủ hồ sơ theo dõi và được duy trì thường xuyên. Thiết bị được bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu về sự phạm, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy; đồng thời được rà soát, đánh giá và cải tiến hàng năm trên cơ sở kết quả kiểm kê và khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành và áp dụng thống nhất quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động đào tạo tại các khoa chuyên môn và xưởng thực hành. Quy trình quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc lập kế hoạch nhu cầu, mua sắm, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, sử dụng, thu hồi và quản lý nguyên, nhiên, vật liệu; đồng thời quy định rõ trình tự thực hiện, hồ sơ, biểu mẫu và chế độ kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm việc sử dụng vật tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Việc quản lý và sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu được thực hiện thống nhất theo quy chế quản lý tài sản và các quy định hiện hành của Nhà trường. (**5.6.01** - Quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo; **5.1.03** - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; **1.2.01** - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ).

Căn cứ kế hoạch đào tạo của từng năm học, kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ và nhu cầu sử dụng vật tư của các môn học, mô-đun thực hành, các khoa chuyên môn xây dựng nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo gửi về các đơn vị chức năng

tổng hợp. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm, cung ứng và cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu bảo đảm đầy đủ về chủng loại, số lượng và thời gian cung cấp theo tiến độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy, thực hành, thực tập của từng ngành, nghề. **(5.6.02 - Kế hoạch mua sắm, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu hằng năm; 2.3.01 - Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp).**

Việc cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu được thực hiện theo đúng quy trình đã ban hành và căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch thực hành của từng lớp, từng mô-đun. Các khoa, bộ môn lập phiếu đề nghị cấp vật tư theo nhu cầu sử dụng; bộ phận quản lý kho thực hiện xuất kho, cấp phát theo đúng chủng loại, số lượng đã được phê duyệt và lưu đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Toàn bộ quá trình cấp phát được thực hiện công khai, đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu phục vụ đào tạo và thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát. **(5.6.03 - Phiếu đề nghị cấp vật tư, phiếu xuất kho, phiếu cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025).**

Nhà trường thực hiện quản lý chặt chẽ tình hình nhập, xuất và tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu thông qua hệ thống sổ theo dõi và hồ sơ quản lý kho. Các số liệu được cập nhật thường xuyên, phản ánh đầy đủ số lượng vật tư nhập kho, xuất sử dụng, số lượng còn tồn và tình trạng bảo quản của từng loại vật tư. Việc bố trí kho vật tư được thực hiện khoa học, phù hợp với đặc điểm của từng loại nguyên, nhiên, vật liệu; bảo đảm điều kiện bảo quản, thuận tiện cho việc cấp phát, sử dụng và kiểm kê định kỳ. **(5.6.04 - Sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu; 5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.6.05 - Hình ảnh kho vật tư, phòng thực hành và khu vực bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu).**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê kho nguyên, nhiên, vật liệu nhằm đánh giá tình hình sử dụng, đối chiếu số liệu nhập, xuất, tồn, xác định lượng vật tư còn sử dụng được, vật tư hư hỏng hoặc hết giá trị sử dụng. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, phân tích để xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung vật tư cho năm học tiếp theo, đồng thời làm căn cứ đánh giá hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại các đơn vị.; **5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.6.06 - Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu; hồ sơ thu hồi, tái sử dụng vật tư sau thực hành).**

Sau mỗi đợt thực hành, các khoa tổ chức thu hồi, phân loại và tái sử dụng các nguyên, nhiên, vật liệu còn khả năng sử dụng theo đặc thù của từng nghề đào tạo. Việc tái sử dụng được thực hiện trên cơ sở bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đào tạo, an toàn lao động và bảo vệ môi trường; góp phần tiết kiệm chi phí, hạn chế lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của Nhà trường. Hàng năm, tình hình sử dụng, thu hồi và tái sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu được tổng hợp, đánh giá trong báo cáo chuyên môn và báo cáo quản lý tài sản để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến công tác quản lý vật tư trong các năm tiếp theo. **(5.6.06 - Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu; hồ sơ thu hồi, tái sử dụng vật tư sau thực hành; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025).**

Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc quản lý, cấp phát và sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại các khoa chuyên môn, phòng học thực hành và xưởng thực hành nhằm

bảo đảm nguyên, nhiên, vật liệu được sử dụng đúng mục đích, đúng định mức, đúng đối tượng và phù hợp với tiến độ đào tạo. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc thực hiện quy trình cấp phát, quản lý nhập - xuất - tồn kho, tình hình sử dụng vật tư trong từng mô-đun thực hành, công tác bảo quản vật tư và việc thu hồi, tái sử dụng sau quá trình đào tạo. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, đồng thời điều chỉnh kế hoạch cung ứng vật tư phù hợp với nhu cầu thực tế của từng ngành, nghề đào tạo. **(5.6.04 - Sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu; 5.1.04 - Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025).**

Việc sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu luôn gắn với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Trong quá trình thực hành, nhà giáo hướng dẫn người học sử dụng vật tư đúng quy trình kỹ thuật, đúng định mức và thực hiện phân loại, thu hồi các vật tư còn khả năng sử dụng sau mỗi buổi học. Đối với các loại vật tư có thể tái sử dụng, các khoa tổ chức thu gom, bảo quản và tiếp tục sử dụng cho các nội dung thực hành phù hợp; đối với các vật tư không còn giá trị sử dụng, việc thu gom, xử lý được thực hiện theo quy định về bảo vệ môi trường và quy định của Nhà trường. Việc quản lý và sử dụng vật tư được thực hiện đồng bộ với các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy tại các phòng học và xưởng thực hành. **(5.6.06 - Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu; hồ sơ thu hồi, tái sử dụng vật tư sau thực hành; 5.2.06 - Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường; 5.3.01 - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị).**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo. Nội dung khảo sát tập trung vào tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, chất lượng vật tư, thời gian cấp phát, khả năng đáp ứng tiến độ giảng dạy, thực hành và hiệu quả của công tác quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Hồ sơ khảo sát gồm phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả, báo cáo phân tích và các kiến nghị cải tiến. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá nguyên, nhiên, vật liệu được cung ứng đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo; các ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích và đưa vào kế hoạch mua sắm, cấp phát và quản lý vật tư của năm học tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực phục vụ đào tạo. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Như vậy, Nhà trường đã ban hành và áp dụng thống nhất quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo; công tác lập kế hoạch, mua sắm, cấp phát, quản lý nhập - xuất - tồn kho, kiểm kê, bảo quản và tái sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, cung ứng đầy đủ theo kế hoạch và tiến độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện các chương trình đào tạo; đồng thời việc thu hồi, tái sử dụng vật tư được triển khai hiệu quả, góp phần tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, bảo đảm an toàn sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh môi trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đầu tư, xây dựng và tổ chức thư viện nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tự học của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Thư viện được bố trí tại vị trí thuận lợi trong khuôn viên Nhà trường, gồm đầy đủ các khu chức năng như phòng đọc điện tử, phòng đọc dành cho cán bộ, nhà giáo, phòng đọc dành cho người học và kho sách. Các khu chức năng được bố trí khoa học, bảo đảm diện tích sử dụng, ánh sáng, thông gió và các điều kiện phục vụ bạn đọc theo quy định; đáp ứng nhu cầu khai thác học liệu của người học và nhà giáo trong quá trình đào tạo. Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của thư viện; quyền và trách nhiệm của cán bộ thư viện, nhà giáo, người học trong việc quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu. Công tác phục vụ bạn đọc được thực hiện thống nhất theo quy chế; bảo đảm việc quản lý, lưu trữ, khai thác và sử dụng học liệu hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học của người học. (5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường;; 5.7.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện; 5.7.02 - Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thư viện; 5.7.03 - Hình ảnh phòng đọc điện tử, phòng đọc cán bộ, nhà giáo, phòng đọc người học và kho sách).

Thư viện được trang bị đầy đủ bàn ghế, giá sách, tủ tài liệu, máy tính kết nối mạng Internet, hệ thống tra cứu học liệu và các trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động đọc, học tập và nghiên cứu. Phòng đọc điện tử được bố trí máy tính kết nối Internet và hệ thống tra cứu tài liệu điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo và phòng đọc của người học được bố trí riêng biệt, tạo môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu và tự học. Kho sách được sắp xếp khoa học theo từng nhóm tài liệu, bảo đảm thuận tiện trong quản lý, bảo quản và khai thác sử dụng. (5.7.02 - Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thư viện; 5.7.03 - Hình ảnh phòng đọc điện tử, phòng đọc cán bộ, nhà giáo, phòng đọc người học và kho sách).

Nguồn học liệu của thư viện gồm giáo trình, sách chuyên ngành, sách tham khảo, tài liệu khoa học, tiêu chuẩn kỹ thuật, luận văn, tài liệu điện tử và các học liệu phục vụ trực tiếp cho từng ngành, nghề đào tạo. Căn cứ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và nhu cầu sử dụng của nhà giáo, người học, Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung giáo trình, sách tham khảo và các nguồn học liệu nhằm bảo đảm đầy đủ số lượng, chủng loại, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy học. (5.7.04 - Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu của thư viện; 5.7.05 - Sổ theo dõi bạn đọc; sổ theo dõi mượn, trả tài liệu; thống kê lượt sử dụng thư viện ; 5.7.06 - Kế hoạch bổ sung sách, giáo trình, học liệu hằng năm).

Thư viện thực hiện quản lý việc khai thác và sử dụng học liệu thông qua hệ thống sổ theo dõi bạn đọc, sổ theo dõi mượn, trả tài liệu và thống kê số lượt sử dụng thư viện.

Việc phục vụ bạn đọc được thực hiện thường xuyên trong thời gian làm việc của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Hằng năm, thư viện tổng hợp số liệu khai thác, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn học liệu và xây dựng báo cáo hoạt động thư viện làm căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ. (5.7.05 - Sổ theo dõi bạn đọc; sổ theo dõi mượn, trả tài liệu; thống kê lượt sử dụng thư viện; 5.7.07 - Báo cáo hoạt động thư viện hằng năm).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của thư viện đối với hoạt động đào tạo. Nội dung khảo sát tập trung vào cơ sở vật chất thư viện, phòng đọc điện tử, phòng đọc, kho sách, nguồn học liệu, chất lượng phục vụ, thời gian phục vụ, khả năng đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và nghiên cứu khoa học. Hồ sơ khảo sát gồm phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả, báo cáo phân tích và các đề xuất cải tiến. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá thư viện đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ đào tạo; các ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích để bổ sung học liệu, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động thư viện. (1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).

Như vậy, thư viện của Nhà trường được đầu tư đầy đủ các khu chức năng gồm phòng đọc điện tử, phòng đọc của cán bộ, nhà giáo, phòng đọc của người học và kho sách; bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích, công năng sử dụng và điều kiện phục vụ theo quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn học liệu được quản lý, khai thác, bổ sung thường xuyên, đáp ứng tốt yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng và phát triển nguồn học liệu bảo đảm đầy đủ, phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng ngành, nghề và trình độ đào tạo. Nguồn học liệu bao gồm giáo trình, sách chuyên ngành, sách tham khảo, tài liệu khoa học, tiêu chuẩn kỹ thuật, học liệu điện tử và các tài liệu chuyên môn phục vụ trực tiếp cho hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học. Việc quản lý, khai thác và sử dụng nguồn học liệu được thực hiện thống nhất theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện. (5.7.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện; 5.7.04 - Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu của thư viện).

Hàng năm, căn cứ chương trình đào tạo, đề cương môn học, mô-đun và nhu cầu sử dụng của các khoa chuyên môn, Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung và cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu nhằm bảo đảm nguồn học liệu luôn phù hợp với nội dung đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy. Việc bổ sung học liệu được thực hiện theo kế hoạch hằng năm, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. *(5.7.06 - Kế hoạch bổ sung sách, giáo trình, học liệu hằng năm; 5.7.04 - Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu của thư viện).*

Bên cạnh hệ thống thư viện truyền thống, Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác nguồn học liệu thông qua việc xây dựng và đưa vào sử dụng thư viện điện tử. Nhà trường thực hiện số hóa một phần nguồn học liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu học liệu điện tử, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tra cứu, tìm kiếm và khai thác tài liệu thuận tiện.

Thư viện điện tử được xây dựng với các chức năng quản lý cơ sở dữ liệu học liệu, hỗ trợ tìm kiếm, tra cứu và khai thác giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu số và các tài liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Nhà trường đồng thời ban hành hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để hỗ trợ người sử dụng tiếp cận và khai thác hiệu quả các nguồn học liệu điện tử. Thông qua hệ thống mạng Internet và mạng không dây (wifi) của Nhà trường, người sử dụng có thể truy cập, tra cứu và sử dụng học liệu điện tử phục vụ công tác chuyên môn và học tập. Việc ứng dụng thư viện điện tử góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác nguồn học liệu và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo. *(5.8.01 - Hướng dẫn khai thác và sử dụng thư viện điện tử; 5.8.02 - Chức năng của thư viện điện tử).*

Nguồn học liệu của Nhà trường được khai thác hiệu quả phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Nhà giáo sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo và học liệu điện tử để xây dựng bài giảng, cập nhật kiến thức chuyên môn, biên soạn giáo trình và thực hiện nghiên cứu khoa học; người học sử dụng nguồn học liệu để học tập, tự nghiên cứu, thực hiện bài tập lớn, đồ án, khóa luận và các hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc kết hợp giữa nguồn học liệu truyền thống và học liệu điện tử đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của nguồn học liệu và hiệu quả khai thác thư viện, thư viện điện tử. Nội dung khảo sát tập trung vào tính đầy đủ, tính cập nhật của giáo trình, tài liệu tham khảo, khả năng tra cứu, khai thác học liệu điện tử, chất lượng phục vụ của thư viện và mức độ đáp ứng đối với hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá nguồn học liệu đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo; các ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích để tiếp tục bổ sung học liệu, hoàn thiện cơ sở dữ liệu học liệu điện tử và nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện. *(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).*

Như vậy, Nhà trường có nguồn học liệu đầy đủ, phù hợp với chương trình đào tạo, được rà soát, cập nhật và bổ sung thường xuyên; đồng thời áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác thông qua hệ thống thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu học liệu điện tử. Nguồn học liệu đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, Tiêu chí 5: 2 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

Mở đầu:

Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược, có vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật công nghệ và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một cơ chế toàn diện để thúc đẩy các hoạt động này, từ việc ban hành hệ thống chính sách khuyến khích, quy trình quản lý bài bản đến việc tổ chức triển khai hiệu quả trong thực tiễn, tạo ra một môi trường học thuật năng động, khuyến khích sự sáng tạo trong toàn thể cán bộ, nhà giáo và người học.

**** Những điểm mạnh:***

- Nhà trường đã thiết lập một khung pháp lý và quy trình chặt chẽ để quản lý hoạt động NCKH, bao gồm Quy định chung về công tác NCKH, chính sách khuyến khích tài chính cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ, và bộ quy trình chi tiết cho việc triển khai, nghiệm thu và ứng dụng kết quả.
- Hoạt động NCKH được triển khai thường xuyên và có tính ứng dụng cao: Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện hiệu quả các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến. Các kết quả nghiên cứu được chú trọng ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ trực tiếp cho việc đổi mới nội dung, chương trình, chế tạo mô hình thiết bị dạy học và phục vụ cộng đồng.

**** Những tồn tại: Không***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

- Xây dựng quy chế và chính sách riêng để khuyến khích và hỗ trợ HSSV tham gia thực hiện các đề tài NCKH, tạo sân chơi để sinh viên phát huy khả năng sáng tạo.
- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các nhà giáo có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (thuộc danh mục Scopus/ISI).
- Triển khai hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8 điểm
Tiêu chuẩn 6.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.4	2 điểm

Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới hoạt động chuyên môn và góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Để tổ chức và triển khai hiệu quả hoạt động này, Nhà trường thành lập Hội đồng khoa học làm đầu mối tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học, xét duyệt, nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Nhà trường. Hội đồng khoa học hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính khách quan, khoa học trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học. **(6.1.01 - Quyết định thành lập Hội đồng khoa học).**

Nhà trường ban hành và triển khai các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua Quy chế hoạt động khoa học của Nhà trường; đồng thời thực hiện các cơ chế hỗ trợ về kinh phí, chế độ đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia nghiên cứu khoa học theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Trên cơ sở đó, hoạt động nghiên cứu khoa học được triển khai thống nhất, góp phần khuyến khích đội ngũ nhà giáo phát huy năng lực nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, cải tiến thiết bị đào tạo và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. **(1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 6.1.02 - Quy chế hoạt động khoa học của Trường)**

Hàng năm, Nhà trường ban hành thông báo đăng ký và nộp đề cương đề tài nghiên cứu khoa học để các đơn vị và cá nhân đăng ký thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực chuyên môn. Trên cơ sở đề cương đăng ký, Hội đồng khoa học tổ chức xem xét, đánh giá và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận các đề tài nghiên cứu khoa học đủ điều kiện triển khai. Việc đăng ký, xét duyệt và công nhận đề tài được thực hiện công khai, đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến phục vụ hoạt động đào tạo và quản lý của Nhà trường. **(6.1.03 - Thông báo đăng ký và**

nộp đề cương đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm; 3.5.05 - Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm).

Trong quá trình triển khai, các đề tài nghiên cứu khoa học được theo dõi, kiểm tra tiến độ và tổ chức nghiệm thu theo quy định. Kết quả nghiên cứu được Hội đồng khoa học đánh giá khách quan, làm căn cứ để ứng dụng vào hoạt động quản lý, giảng dạy, biên soạn giáo trình, cải tiến thiết bị đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài, sáng kiến có giá trị thực tiễn được khuyến khích áp dụng vào hoạt động của Nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn và chất lượng đào tạo. **(6.1.04 - Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học).**

Nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tích cực nghiên cứu khoa học, Nhà trường ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn và đưa kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn làm một trong những căn cứ để xét thi đua, khen thưởng hằng năm. Những cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến được xem xét công nhận các danh hiệu thi đua theo quy định, tạo động lực thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong toàn trường. **(6.1.05 - Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn; 3.3.03 - Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo; 6.1.06 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hằng năm; 3.5.04 - Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025).**

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý và nhà giáo về hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, điều kiện triển khai đề tài và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Trên cơ sở kết quả khảo sát và tổng kết hoạt động hằng năm, Nhà trường rà soát, điều chỉnh các quy định, chính sách và giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Như vậy, Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học, ban hành và triển khai các quy định, cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ. Hoạt động nghiên cứu khoa học được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới hoạt động chuyên môn và phục vụ cộng đồng.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà trường tổ chức triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên theo

đúng quy định. Sau khi các đề tài được Hội đồng khoa học xem xét và Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận, các chủ nhiệm đề tài tổ chức thực hiện theo nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; đồng thời chịu sự theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn của các đơn vị chức năng trong quá trình thực hiện. **(6.1.03 - Thông báo đăng ký và nộp đề cương đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm; 6.1.04 - Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; 3.5.05 - Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm).**

Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến được thực hiện tập trung vào những nội dung gắn với hoạt động đào tạo của Nhà trường như đổi mới phương pháp giảng dạy, biên soạn và hoàn thiện giáo trình, tài liệu giảng dạy, cải tiến mô hình, thiết bị đào tạo, nâng cao hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quá trình đào tạo. Sau khi hoàn thành, các đề tài được Hội đồng khoa học tổ chức nghiệm thu theo quy định, bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu. **(6.1.04 - Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học).**

Kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến được Nhà trường đưa vào khai thác, sử dụng trong hoạt động đào tạo thông qua việc ứng dụng vào giảng dạy, thực hành, thực tập, cải tiến thiết bị đào tạo, bổ sung học liệu, hoàn thiện giáo trình và nâng cao hiệu quả quản lý. Nhiều sáng kiến, giải pháp kỹ thuật được áp dụng trực tiếp tại các khoa chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. **(6.2.01 – Báo cáo ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong hoạt động đào tạo; 6.2.02 - Hình ảnh, minh chứng về việc áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến trong giảng dạy, thực hành và quản lý).**

Bên cạnh việc phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo, một số kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến của Nhà trường còn được chuyển giao, chia sẻ hoặc hỗ trợ các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trong việc giải quyết các yêu cầu thực tiễn, góp phần tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp và phục vụ cộng đồng. Thông qua các hoạt động này, đội ngũ nhà giáo có điều kiện cập nhật công nghệ, nâng cao năng lực chuyên môn, đồng thời khẳng định vai trò của Nhà trường trong việc cung cấp các giải pháp khoa học, kỹ thuật phục vụ đào tạo. **(6.2.03 - Hồ sơ xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ khoa học cấp trên giao).**

Hàng năm, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến; phân tích mức độ ứng dụng của các kết quả nghiên cứu trong hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng để làm cơ sở xây dựng phương hướng nghiên cứu khoa học trong các năm tiếp theo. Kết quả cho thấy các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến của Nhà trường đều được triển khai đúng kế hoạch, nhiều kết quả được ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động của Nhà trường. **(6.2.01 – Báo cáo ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong hoạt động đào tạo; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Hàng năm, Nhà trường cũng lấy ý kiến của cán bộ quản lý và nhà giáo về hiệu quả ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong giảng dạy, quản

lý và phục vụ cộng đồng. Các ý kiến được tổng hợp, phân tích để tiếp tục hoàn thiện định hướng nghiên cứu, lựa chọn các nội dung nghiên cứu có tính ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu thực tiễn của xã hội. (1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Như vậy, Nhà trường đã tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên; kết quả nghiên cứu được nghiệm thu, ứng dụng trực tiếp trong hoạt động đào tạo, quản lý và từng bước phục vụ cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động của Nhà trường

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học và các ấn phẩm khoa học tương đương. Việc công bố các kết quả nghiên cứu được xác định là một trong những nhiệm vụ chuyên môn quan trọng nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ, góp phần đổi mới hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy và khẳng định uy tín, vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. (6.1.02 - Quy chế hoạt động khoa học của Trường; 6.1.05 - Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn; 3.3.03 - Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo; 6.1.06 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hằng năm).

Hằng năm, cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Nhà trường có các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau phù hợp với ngành, nghề đào tạo và lĩnh vực chuyên môn. Nội dung các bài báo tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu chuyên môn và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục nghề nghiệp. Việc công bố bài báo khoa học góp phần phổ biến kết quả nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, nhà giáo. (6.3.01 - Danh mục bài báo khoa học của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hằng năm; 6.3.02 - Minh chứng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành).

Bên cạnh các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành, hằng năm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Nhà trường còn tích cực tham gia các hội thảo khoa học và có nhiều bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học, các ấn phẩm khoa học tương đương. Thông qua hoạt động này, đội ngũ cán bộ, nhà giáo có điều kiện trao đổi học thuật, cập nhật kiến thức mới, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu và tăng cường hợp tác chuyên môn với các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan. (6.3.03 - Danh mục bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học và

các ấn phẩm tương đương hằng năm; 6.3.04 - Minh chứng các bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học và các ấn phẩm tương đương).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ quản lý và nhà giáo về cơ chế hỗ trợ công bố các kết quả nghiên cứu khoa học, nhu cầu tham gia hội thảo, đăng bài trên các tạp chí chuyên ngành và các giải pháp nâng cao chất lượng công bố khoa học. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% ý kiến đánh giá hài lòng trở lên. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Như vậy, hằng năm Nhà trường đều có các bài báo của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được đăng trên các tạp chí chuyên ngành và các bài viết được công bố trong kỷ yếu hội thảo khoa học, ấn phẩm khoa học tương đương. Kết quả công bố khoa học góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ, phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật công nghệ mới, tăng cường năng lực đội ngũ nhà giáo và từng bước hội nhập với giáo dục nghề nghiệp khu vực và quốc tế. Trên cơ sở nhu cầu phát triển của Nhà trường, nhiều chương trình hợp tác với các trường, tổ chức và đối tác nước ngoài đã được thiết lập và triển khai thông qua các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực. Trong những năm qua, Nhà trường đã duy trì quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế và đối tác đến từ Đức, Đài Loan (Trung Quốc), Trung Quốc và các quốc gia, vùng lãnh thổ khác. Nội dung hợp tác tập trung vào trao đổi kinh nghiệm đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo, kết nối doanh nghiệp và triển khai các hoạt động hợp tác phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường. Các hoạt động hợp tác được thực hiện theo đúng nội dung đã ký kết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng cơ hội tiếp cận công nghệ, phương pháp đào tạo tiên tiến. **(6.4.01 - Hồ sơ hợp tác giữa Trường với các trường, tổ chức, cá nhân nước ngoài; các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế).**

Hằng năm, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm xác định hiệu quả của các chương trình đã triển khai, đồng thời làm cơ sở xây dựng kế hoạch mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác trong những năm tiếp theo. Kết quả cho thấy các chương trình hợp tác quốc tế đã góp phần tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ, bổ sung nguồn lực phục vụ đào tạo và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. **(6.4.02 - Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ quản lý và nhà giáo về hiệu quả các chương trình hợp tác quốc tế, mức độ đáp ứng của các thiết bị, học liệu được hỗ trợ, cũng như hiệu quả ứng dụng các kết quả hợp tác vào hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cán bộ quản lý và nhà giáo đánh giá hài lòng về hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt là việc hỗ trợ trang thiết bị đào tạo, trao đổi chuyên môn và nâng cao năng lực đội ngũ. Các ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở để tiếp tục duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, đồng thời hoàn thiện nội dung và nâng cao hiệu quả các chương trình hợp tác trong những năm tiếp theo. (1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 6: 2 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Mở đầu:

Công tác quản lý và hỗ trợ người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và sự phát triển toàn diện của HSSV. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quản lý đồng bộ, nhân văn và hiệu quả. Mọi hoạt động từ công khai thông tin, thực hiện chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ học tập đến tổ chức các hoạt động ngoại khóa đều được triển khai một cách bài bản, với mục tiêu cao nhất là tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, công bằng và thân thiện, nơi mỗi người học đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng của bản thân.

*** Những điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xây dựng một cơ chế công khai thông tin hiệu quả, đảm bảo người học có thể dễ dàng tiếp cận mọi thông tin cần thiết về chương trình, quy chế, chính sách thông qua nhiều kênh đa dạng như website, facebook, sổ tay HSSV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và hệ thống niêm yết tại trường.

- Mọi chế độ, chính sách của Nhà nước và của Nhà trường (học bổng khuyến khích, học bổng chính sách, chính sách nội trú, miễn giảm học phí...) đều được thực hiện một cách nghiêm túc, công khai, đúng đối tượng, đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, đặc biệt là các HSSV thuộc diện chính sách.

- Trường đã thực hiện song song và hiệu quả cả hai nhiệm vụ: động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và xây dựng một hệ thống hỗ trợ đa kênh (GVCN, hotline 24/24, hỗ trợ trực tuyến) để giúp đỡ những HSSV gặp khó khăn, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

- Trường đặc biệt chú trọng đến đời sống tinh thần và thể chất của người học thông qua việc đầu tư bài bản về cơ sở vật chất (sân bãi, khuôn viên) và tổ chức đa dạng các

hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các lớp kỹ năng mềm và hoạt động xã hội, tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, năng động.

* *Những tồn tại:* Không

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phát triển một cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng di động tích hợp, cho phép HSSV thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính, đăng ký các dịch vụ hỗ trợ, xem kết quả học tập và nhận thông báo tập trung.

- Tổ chức thường xuyên hơn các buổi hội thảo hướng nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cựu HSSV thành đạt để chia sẻ kinh nghiệm và tạo mạng lưới kết nối, hỗ trợ việc làm.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để thành lập thêm nhiều câu lạc bộ do HSSV tự quản lý, đặc biệt là các câu lạc bộ về học thuật, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	10 điểm
Tiêu chuẩn 7.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.5	2 điểm

Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ các thông tin về ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Nhà trường và các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định hiện hành. Ngay trong công tác tuyển sinh, các thông tin về ngành, nghề đào tạo, phương thức tuyển sinh, điều kiện học tập, cơ hội việc làm, chương trình đào tạo và các chính sách đối với người học được giới thiệu đầy đủ thông qua kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh, website, các phương tiện truyền thông và các ấn phẩm, tờ rơi giới thiệu của Nhà trường, giúp người học và phụ huynh dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và lựa chọn ngành, nghề phù hợp. (2.1.01 - Quy chế tuyển sinh; 2.1.03-Kế hoạch tuyển sinh hằng năm; 2.1.04- Các thông báo tuyển sinh hằng năm).

Sau khi nhập học, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhằm phổ biến đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch học tập toàn khóa, quy chế đào tạo, quy

chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Nhà trường, quyền và nghĩa vụ của người học, các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên và các quy định liên quan trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, Nhà trường biên soạn và phát hành tài liệu phục vụ Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để người học thuận tiện nghiên cứu, tra cứu và thực hiện thống nhất trong suốt quá trình học tập. **(1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 2.3.01 - Quy chế đào tạo; 2.3.02 - Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; 2.8.02- Quy chế học sinh, sinh viên; 7.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa; 7.1.02 - Hình ảnh các tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa; 7.1.03 - Hồ sơ công khai thông tin trên website, cổng thông tin điện tử và bảng tin của Nhà trường các quy chế, quy định; 7.1.04- Tài liệu sinh hoạt đầu khóa; 7.1.05- Báo cáo sinh hoạt chính trị đầu khóa).**

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường phân công giáo viên chủ nhiệm cho từng lớp ngay từ đầu mỗi năm học để trực tiếp quản lý, theo dõi và triển khai các chủ trương, quy định của Nhà trường đến người học. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ và sinh hoạt đột xuất, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên phổ biến, quán triệt các quy chế, quy định về đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy của Nhà trường, các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên, đồng thời thông tin kịp thời kế hoạch đào tạo, kế hoạch học tập từng học kỳ, thời khóa biểu, lịch kiểm tra, lịch thi và các thông báo mới của Nhà trường. Việc phổ biến được thực hiện thường xuyên trong suốt khóa học, giúp người học luôn cập nhật đầy đủ các quy định, nâng cao ý thức chấp hành nội quy, hạn chế vi phạm quy chế và chủ động thực hiện kế hoạch học tập. Đồng thời, đây cũng là kênh để giáo viên chủ nhiệm tiếp nhận ý kiến phản ánh, đề xuất của học sinh, sinh viên và chuyển đến các đơn vị chức năng giải quyết kịp thời. **(7.1.06- Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm; 7.1.07 - Biên bản sinh hoạt lớp).**

Nhà trường thường xuyên cập nhật, công khai các văn bản mới hoặc các nội dung được sửa đổi, bổ sung liên quan đến công tác đào tạo, công tác học sinh, sinh viên và các chế độ, chính sách đối với người học trên website, bảng tin và các kênh thông tin chính thức của Nhà trường. Việc công khai được thực hiện kịp thời, thống nhất giữa các đơn vị, góp phần bảo đảm tính minh bạch trong quản lý và giúp người học tiếp cận đầy đủ các thông tin cần thiết trong suốt quá trình học tập. **(1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ; 2.3.01 - Quy chế đào tạo; 2.3.02 - Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; 7.1.03 - Hồ sơ công khai thông tin trên website, cổng thông tin điện tử và bảng tin của Nhà trường;).**

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đầy đủ, rõ ràng và khả năng tiếp cận các thông tin liên quan đến ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế và các chế độ, chính sách đối với người học. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá hài lòng về việc công khai và phổ biến thông tin của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ để tiếp tục hoàn thiện nội dung, hình thức và phương thức công khai thông tin, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện công khai đầy đủ, rõ ràng và kịp thời các thông tin về ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Nhà trường và các chế độ, chính sách đối với người học bằng nhiều hình thức phù hợp. Việc công khai thông tin được duy trì thường xuyên từ giai đoạn tuyển sinh, nhập học đến toàn bộ quá trình đào tạo thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giáo viên chủ nhiệm, sinh hoạt lớp và các phương tiện thông tin của Nhà trường, góp phần bảo đảm tính minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

**** Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp:***

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác học sinh, sinh viên thông qua Quy chế công tác học sinh, sinh viên và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Quy chế học bổng khuyến khích học tập, trong đó quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình xét cấp học bổng, bảo đảm công khai, minh bạch và tạo động lực để học sinh, sinh viên phấn đấu trong học tập và rèn luyện. Quy chế được rà soát, điều chỉnh phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tế của Nhà trường. **(2.8.02- Quy chế học sinh, sinh viên; 7.2.01 - Quy chế học bổng khuyến khích học tập).**

- Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của Nhà nước. Hằng năm, Nhà trường tổ chức tiếp nhận hồ sơ, rà soát, xét duyệt và thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và các chế độ ưu đãi khác đối với học sinh, sinh viên thuộc diện được hưởng theo quy định. Việc xét duyệt được thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, công khai, minh bạch và lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách được triển khai cụ thể như sau:

+ **Học bổng khuyến khích học tập:** Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét học bổng của Nhà trường căn cứ kết quả học tập, kết quả rèn luyện và các điều kiện theo quy định để xét cấp học bổng cho học sinh, sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

+ **Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:** Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với học sinh, sinh viên thuộc diện được hưởng chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

+ **Trợ cấp xã hội và các chế độ ưu đãi khác:** Nhà trường thực hiện xét duyệt và chi trả trợ cấp xã hội, các chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách; đồng thời thực hiện xác nhận vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên, xác nhận đang học, xác nhận tạm hoãn nghĩa vụ quân sự và các thủ tục hành chính khác theo quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình học tập.

(7.2.02 - Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Công tác xét và thực hiện các chế độ, chính sách được tổ chức đúng quy trình, công khai, minh bạch. Sau mỗi học kỳ và năm học, Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách của Nhà trường tổ chức xét duyệt theo đúng quy định, trình Hiệu trưởng ban hành quyết định thực hiện đối với từng đối tượng. Việc thực hiện các chế độ, chính sách được đánh giá tại hội nghị tổng kết năm học, hội nghị viên chức, người lao động hằng năm và thông qua kết quả khảo sát người học. Điều này thể hiện sự quan tâm của Nhà trường trong việc bảo đảm quyền lợi của người học, đặc biệt là người học thuộc diện chính sách, tạo điều kiện để người học yên tâm học tập và có cơ hội lập nghiệp sau khi tốt nghiệp. *(7.2.02 - Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).*

*** Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân:**

- Nhà trường luôn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và bình đẳng. Nguyên tắc tôn trọng người học, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân được thể chế hóa trong Quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên, trong đó nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc gây mất đoàn kết trong môi trường giáo dục. *(7.2.03 - Quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên).*

- Tất cả học sinh, sinh viên đều được tôn trọng và đối xử bình đẳng trong tuyển sinh, học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập, đánh giá kết quả rèn luyện, thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, khen thưởng, kỷ luật và hưởng các chế độ, chính sách của Nhà trường. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về học tập, rèn luyện; được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các hoạt động phong trào khác; đồng thời được bảo đảm đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và của Nhà trường. Các quy chế, quy định của Nhà trường đều bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc và nguồn gốc xuất thân. (2.1.01 - Quy chế tuyển sinh; 2.3.01 - Quy chế đào tạo; 2.8.02- Quy chế học sinh, sinh viên; 7.2.01 - Quy chế học bổng khuyến khích học tập; 7.2.02 - Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh, sinh viên về việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học; việc bảo đảm quyền lợi của người học; sự bình đẳng trong học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động của Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh, sinh viên hài lòng đối với việc thực hiện các chế độ, chính sách cũng như việc bảo đảm quyền và lợi ích của người học. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích để Nhà trường tiếp tục hoàn thiện công tác học sinh, sinh viên, nâng cao chất lượng phục vụ và xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, bình đẳng, thân thiện. (1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).

Như vậy, Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học; tạo điều kiện để người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề và lập nghiệp. Đồng thời, Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, bình đẳng, tôn trọng người học, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc và nguồn gốc xuất thân,

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện chính sách khen thưởng, động viên và khuyến khích người học trên cơ sở các quy định của Quy chế công tác học sinh, sinh viên và Quy chế học bổng khuyến khích học tập. Các quy định xác định rõ đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình xét học bổng, xét khen thưởng đối với học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc

trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, các hội thi tay nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động phong trào khác. **(2.8.02- Quy chế học sinh, sinh viên; 7.2.01 - Quy chế học bổng khuyến khích học tập).**

Hàng năm, sau mỗi học kỳ và năm học, Nhà trường tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập và xét khen thưởng học sinh, sinh viên theo đúng quy định. Hội đồng xét học bổng và thi đua, khen thưởng căn cứ kết quả học tập, kết quả rèn luyện và các tiêu chuẩn quy định để xét, trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận và khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích. Việc xét khen thưởng được thực hiện công khai, khách quan, đúng đối tượng, góp phần động viên người học tiếp tục phấn đấu trong học tập và rèn luyện. **(7.3.01 - Hồ sơ xét khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 7.3.02 - Quyết định khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Bên cạnh việc khen thưởng, Nhà trường luôn quan tâm hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập. Thông qua giáo viên chủ nhiệm, các khoa chuyên môn và các phòng chức năng, Nhà trường thường xuyên theo dõi kết quả học tập, kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên để kịp thời tư vấn, hỗ trợ đối với người học có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu, người học có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nguy cơ bỏ học. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện để người học được học cải thiện, học lại, thi lại theo đúng quy chế đào tạo; hướng dẫn người học tiếp cận các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và của Nhà trường nhằm giúp người học hoàn thành chương trình đào tạo. **(2.3.01 - Quy chế đào tạo; 2.8.02- Quy chế học sinh, sinh viên; 7.2.02 - Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Nhà trường khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến, khởi nghiệp, các cuộc thi tay nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện do Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các cấp tổ chức. Những tập thể, cá nhân đạt thành tích được biểu dương, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để người học phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp. **(7.3.01 - Hồ sơ xét khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 7.3.02 - Quyết định khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Về công tác hỗ trợ người học: Nhà trường xây dựng cơ chế hỗ trợ người học đa dạng, bảo đảm học sinh, sinh viên được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập và rèn luyện:

- **Hỗ trợ trực tiếp:** Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm là lực lượng nòng cốt trong công tác quản lý, giáo dục và hỗ trợ học sinh, sinh viên. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên theo dõi tình hình học tập, rèn luyện, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của từng học sinh, sinh viên để kịp thời tư vấn, động viên và phối hợp với các đơn vị chức năng giải quyết những khó khăn phát sinh. Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị công tác giáo viên chủ nhiệm nhằm đánh giá kết quả thực hiện, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, hỗ trợ người học. Đồng thời, Nhà trường duy trì các nhóm Zalo của từng lớp để bảo đảm việc trao đổi thông tin giữa giáo viên chủ nhiệm và học sinh, sinh viên được thường xuyên, nhanh chóng và hiệu quả. **(7.1.06**

- *Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm; 7.1.07 - Biên bản sinh hoạt lớp; 7.3.03 - Thông tin các nhóm Zalo các lớp).*

- Nhà trường định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu với học sinh, **sinh viên**, tạo diễn đàn để người học trực tiếp phản ánh những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất trong quá trình học tập, rèn luyện và sinh hoạt; các ý kiến đều được Ban Giám hiệu và các đơn vị liên quan tiếp thu, giải đáp và xử lý công khai, kịp thời. *(7.3.04 - Hồ sơ hội nghị đối thoại giữa Nhà trường và học sinh, sinh viên hằng năm).*

- **Hỗ trợ thường xuyên:** Phòng Công tác học sinh, sinh viên bố trí cán bộ trực theo lịch, công khai số điện thoại liên hệ để tiếp nhận, hướng dẫn và hỗ trợ học sinh, sinh viên giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến học tập, rèn luyện, chế độ chính sách và đời sống. *(7.3.05 - Lịch trực và phân công trực của Phòng Công tác học sinh, sinh viên).*

- **Hỗ trợ trực tuyến:** Nhà trường duy trì Website, Fanpage chính thức, hòm thư góp ý và các kênh thông tin trực tuyến để tiếp nhận, giải đáp các thắc mắc, phản ánh của học sinh, sinh viên. Các ý kiến được tổng hợp, xử lý và phản hồi kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người học và hiệu quả công tác quản lý học sinh, sinh viên. *(7.3.06 - Hồ sơ tổng hợp ý kiến, phản ánh của học sinh, sinh viên qua các kênh trực tuyến).*

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của học sinh, sinh viên về việc thực hiện chính sách học bổng, khen thưởng và các hoạt động hỗ trợ người học trong quá trình học tập. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% người học hài lòng đối với các chính sách động viên, khuyến khích và hỗ trợ của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích để tiếp tục hoàn thiện công tác học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tạo động lực cho người học phấn đấu trong học tập và rèn luyện. *(2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).*

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chính sách khen thưởng, động viên và khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ kịp thời đối với người học trong quá trình học tập, tạo điều kiện để người học hoàn thành chương trình đào tạo.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, không chỉ chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng nghề

nghiệp mà còn quan tâm bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, sức khỏe, kỹ năng mềm và trách nhiệm xã hội. Vì vậy, Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Về điều kiện bảo đảm, Nhà trường đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động ngoại khóa tương đối đồng bộ. Khuôn viên trường rộng rãi, xanh, sạch, đẹp với nhiều khu vực dành cho hoạt động văn hóa, văn nghệ và rèn luyện thể chất như sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tennis, sân pickleball, phòng bóng bàn và các khu sinh hoạt tập thể, đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện và giao lưu của học sinh, sinh viên. Hệ thống sân bãi, khu thể thao và các công trình phục vụ hoạt động của người học được quy hoạch hợp lý, có diện tích đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu tổ chức thường xuyên các hoạt động giáo dục toàn diện của Nhà trường. **(5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 7.4.01 - Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường).**

Hàng năm, căn cứ kế hoạch công tác của Nhà trường và kế hoạch hoạt động của Đoàn Thanh niên, nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động xã hội, tình nguyện vì cộng đồng được xây dựng và tổ chức thường xuyên như hội diễn văn nghệ, các giải thể thao, các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, chương trình hiến máu tình nguyện, Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, các hoạt động bảo vệ môi trường, giáo dục truyền thống và nhiều hoạt động phong trào khác. Các hoạt động được tổ chức đa dạng về nội dung và hình thức, thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia, góp phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và phát triển toàn diện phẩm chất của người học. **(7.4.02 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào hằng năm; 7.4.03 - Hình ảnh học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động xã hội, thiện nguyện; 7.4.04 - Báo cáo hoạt động của Đoàn Thanh niên nhà trường).**

Hiệu quả của các hoạt động được thể hiện qua kết quả khảo sát hằng năm đối với học sinh, sinh viên và cựu học sinh, sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% người học hài lòng về điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường và các tập thể, cá nhân còn được các cấp, các ngành ghi nhận, khen thưởng về thành tích trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác Đoàn và phong trào thanh niên. **(2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 7.4.05 - Các giấy khen, bằng khen của Nhà trường và các cấp về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động xã hội và thiện nguyện).**

Nhà trường đã tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất, cơ chế tổ chức và môi trường giáo dục để học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội; qua đó góp phần phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống của người học

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện và sinh hoạt. Công tác quản lý, hỗ trợ người học được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên và các đơn vị liên quan, bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, rèn luyện, sinh hoạt và phát triển toàn diện của người học. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ được triển khai thống nhất theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và được thực hiện thường xuyên trong toàn khóa học. (1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ).

Trong quá trình đào tạo, giáo viên chủ nhiệm là lực lượng trực tiếp theo dõi, quản lý và hỗ trợ người học. Nhà trường phân công giáo viên chủ nhiệm cho từng lớp ngay từ đầu mỗi năm học; giáo viên chủ nhiệm thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện, tư tưởng của học sinh, sinh viên; phối hợp với gia đình, các khoa chuyên môn và các đơn vị chức năng để kịp thời tư vấn, hỗ trợ, giải quyết những khó khăn phát sinh trong quá trình học tập. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp và các nhóm Zalo của từng lớp, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn người học xây dựng kế hoạch học tập, phổ biến các quy định của Nhà trường, đồng thời tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của học sinh, sinh viên để phản ánh đến các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời. (7.1.06 - Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm; 7.1.07 - Biên bản sinh hoạt lớp; 7.3.03 - Thông tin các nhóm Zalo các lớp).

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định; kịp thời xét cấp học bổng khuyến khích học tập, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn hoặc đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Đồng thời, Nhà trường duy trì nhiều hình thức hỗ trợ người học như tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu với học sinh, sinh viên; bố trí cán bộ trực tại Phòng Công tác học sinh, sinh viên; duy trì Website, Fanpage, hòm thư góp ý và các kênh thông tin trực tuyến để tiếp nhận, giải đáp kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người học, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả công tác quản lý học sinh, sinh viên. (7.2.02 - Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên; 7.3.04 - Hồ sơ hội nghị đối thoại giữa Nhà trường và học sinh, sinh viên hằng năm; 7.3.05 - Lịch trực và phân công trực của Phòng Công tác học sinh, sinh viên; 7.3.06 - Hồ sơ tổng hợp ý kiến, phản ánh của học sinh, sinh viên qua các kênh trực tuyến).

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học nhằm xác định những nội dung đã thực hiện hiệu quả, những tồn tại, hạn chế và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp. Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở kết quả khảo sát người học, ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, giáo viên chủ nhiệm, các phòng, khoa chuyên môn và các bên liên quan. Nội dung rà soát tập trung vào hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập, công tác giáo viên chủ nhiệm, thực hiện chế độ, chính sách đối với người học, hoạt động tư vấn, đối thoại, công tác quản lý người học và việc giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị của học sinh, sinh viên. **(7.5.01 - Kế hoạch rà soát, cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm).**

Trên cơ sở kế hoạch đã ban hành, Nhà trường tổ chức các cuộc họp với sự tham gia của Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, khoa chuyên môn, Đoàn Thanh niên và giáo viên chủ nhiệm để đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Các ý kiến đánh giá được tổng hợp, phân tích, xác định nguyên nhân của những tồn tại và thống nhất các giải pháp khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người học trong những năm học tiếp theo. Kết quả rà soát là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh phương thức tổ chức, hoàn thiện quy trình phối hợp giữa các đơn vị, nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và quản lý người học. **(7.5.02 - Biên bản họp rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm).**

Kết quả rà soát, cải tiến được tổng hợp trong các báo cáo hằng năm, làm căn cứ để Nhà trường tiếp tục hoàn thiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Nhiều nội dung được điều chỉnh theo hướng tăng cường phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và các đơn vị chức năng; nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý thông tin qua các kênh trực tuyến; nâng cao chất lượng hoạt động đối thoại với học sinh, sinh viên; tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học và nâng cao hiệu quả công tác quản lý học sinh, sinh viên. Các giải pháp cải tiến được triển khai đã góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. **(7.5.03 - Báo cáo kết quả rà soát, cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm).**

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và công tác giám sát, quản lý người học. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cán bộ quản lý, nhà giáo và người học hài lòng với các hoạt động hỗ trợ và công tác quản lý của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ để tiếp tục hoàn thiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập được một vòng lặp cải tiến chất lượng hiệu quả: Thu thập ý kiến → Phân tích → Xây dựng kế hoạch → Thực hiện cải tiến. Cơ chế này đảm bảo rằng hệ thống phục vụ, hỗ trợ và quản lý người học luôn được rà soát và đổi mới một cách có hệ thống, bám sát nhu cầu thực tế của người học, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 7: 2 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8

Mở đầu:

Nhà trường xác định việc đo lường kết quả và cải tiến liên tục là hai mặt không thể tách rời của một hệ thống quản trị chất lượng hiệu quả. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một cơ chế toàn diện để giám sát các chỉ số hiệu suất chính, thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ tất cả các bên liên quan, và quan trọng nhất là sử dụng các kết quả đó làm cơ sở khoa học để hoạch định và triển khai các hoạt động cải tiến một cách bài bản. Toàn bộ hoạt động này được vận hành theo một chu trình chất lượng khép kín (PDCA), thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Nhà trường trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

- Nhà trường đã cụ thể hóa văn hóa chất lượng thông qua việc thực hiện nghiêm túc hoạt động tự đánh giá định kỳ. Kết quả tự đánh giá trở thành cơ sở cốt lõi để xây dựng các kế hoạch bảo đảm chất lượng và kế hoạch hành động cải tiến hằng năm, đảm bảo các điểm tồn tại được khắc phục và các điểm mạnh được phát huy một cách có hệ thống.

- Nhà trường đã xây dựng được một hệ thống thu thập thông tin phản hồi toàn diện, không bỏ sót bất kỳ bên liên quan quan trọng nào. Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động và cựu HSSV đều được thu thập một cách bài bản thông qua các quy trình và công cụ khảo sát đa dạng, chuyên nghiệp.

**** Những tồn tại: Không***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

- Phát triển một hệ thống phần mềm hoặc dashboard tập trung để tích hợp dữ liệu từ tất cả các nguồn (khảo sát các bên liên quan, tỷ lệ tốt nghiệp/bỏ học, tỷ lệ việc làm) nhằm cung cấp một bức tranh tổng thể, đa chiều về chất lượng, hỗ trợ Ban Giám hiệu ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

- Ngoài việc đối sánh nội bộ, chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đối sánh một số chỉ số quan trọng (chương trình đào tạo, tỷ lệ việc làm...) với các trường cao đẳng chất lượng cao trong cùng khối ngành và trên cả nước.

- Xây dựng và công bố báo cáo hằng năm trên website của trường, tổng hợp các góp ý chính từ các bên liên quan và các hành động cải tiến tương ứng mà Nhà trường đã thực hiện, qua đó thể hiện sự minh bạch và trân trọng đối với các ý kiến đóng góp.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	12 điểm
Tiêu chuẩn 8.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.6	2 điểm

Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học là những chỉ số quan trọng phản ánh trực tiếp chất lượng đào tạo, hiệu quả công tác quản lý và hỗ trợ người học. Vì vậy, hằng năm Nhà trường thực hiện việc xác lập, giám sát, phân tích, đối sánh các chỉ số này và sử dụng kết quả làm căn cứ xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

Công tác xác lập và giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học được thực hiện thường xuyên với sự phối hợp giữa Phòng Đào tạo&HTQT, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, các khoa chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm. Tỷ lệ tốt nghiệp được xác định trên cơ sở số lượng học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp của từng khóa đào tạo so với số lượng người học đủ điều kiện xét tốt nghiệp; tỷ lệ bỏ học được xác định thông qua số lượng học sinh, sinh viên thôi học hoặc bỏ học trong từng năm học theo hồ sơ quản lý đào tạo. Các số liệu được tổng hợp từ hồ sơ đào tạo, quyết định công nhận tốt nghiệp, quyết định xử lý học vụ và được thống kê đầy đủ trong các báo cáo chuyên môn của Nhà trường. **(8.1.01 - Hồ sơ thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học và các quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Việc giám sát được thực hiện thường xuyên ở nhiều cấp độ. Giáo viên chủ nhiệm theo dõi sĩ số, kết quả học tập và tình hình rèn luyện của học sinh, sinh viên; các khoa chuyên môn định kỳ rà soát kết quả học tập, tình trạng thôi học, lưu ban; Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Công tác học sinh, sinh viên tổng hợp số liệu theo từng học kỳ và năm học để báo cáo Ban Giám hiệu. Thông qua quá trình giám sát này, Nhà trường kịp thời phát hiện những trường hợp có nguy cơ bỏ học, học tập chưa đạt yêu cầu hoặc kéo dài thời gian đào tạo để có biện pháp tư vấn, hỗ trợ phù hợp. **(7.1.06 - Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm; 7.1.07 - Biên bản sinh hoạt lớp; 8.1.02 - Báo cáo**

tổng hợp tình hình học sinh, sinh viên các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).

Trên cơ sở số liệu thống kê, Nhà trường thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học giữa các năm học, giữa các khóa đào tạo và giữa các ngành, nghề nhằm nhận diện xu hướng biến động và đánh giá hiệu quả các giải pháp quản lý, hỗ trợ người học đã triển khai. Đồng thời, kết quả thực hiện được đối chiếu với các mục tiêu chất lượng hằng năm của Nhà trường để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra. Việc phân tích số liệu được thực hiện trong các báo cáo tổng kết năm học và các cuộc họp chuyên môn, là cơ sở để các đơn vị xác định nguyên nhân của những biến động về tỷ lệ tốt nghiệp hoặc tỷ lệ bỏ học theo từng ngành, nghề đào tạo, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo. **(1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học của Trường và các đơn vị).**

Kết quả giám sát và đối sánh được Nhà trường sử dụng làm căn cứ để xây dựng và triển khai các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ bỏ học. Trên cơ sở phân tích số liệu của từng khóa học, từng ngành, nghề đào tạo, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường công tác giáo viên chủ nhiệm; đẩy mạnh tư vấn học tập, tư vấn tâm lý; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học; hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời nâng cao chất lượng quản lý đào tạo, tổ chức giảng dạy và tăng cường phối hợp giữa các đơn vị trong việc quản lý, theo dõi người học. Đối với những ngành, nghề có tỷ lệ bỏ học cao hoặc tỷ lệ tốt nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra, Nhà trường tổ chức rà soát nguyên nhân, xây dựng kế hoạch khắc phục và triển khai các giải pháp cải tiến phù hợp. Việc thực hiện các giải pháp này đã góp phần duy trì tỷ lệ tốt nghiệp ổn định, hạn chế tỷ lệ bỏ học và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. **(8.1.03 - Kế hoạch và báo cáo cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về hiệu quả công tác quản lý, hỗ trợ người học, trong đó có các nội dung liên quan đến việc nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ bỏ học. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá hài lòng đối với các giải pháp quản lý, hỗ trợ của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở để tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý đào tạo, công tác học sinh, sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.3.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).**

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ việc xác lập, giám sát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học; đồng thời sử dụng kết quả phân tích để xây dựng và triển khai các giải pháp cải tiến phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giảm tỷ lệ bỏ học và duy trì tỷ lệ tốt nghiệp ổn định.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan là một trong những hoạt động quan trọng của hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp đối với yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát và tổ chức triển khai đối với doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu học sinh, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý và các bên liên quan nhằm thu thập đầy đủ thông tin phục vụ công tác đánh giá chất lượng đào tạo. (1.1.08 – Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Nội dung khảo sát tập trung đánh giá mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, khả năng thích ứng với môi trường làm việc và yêu cầu của vị trí việc làm. Đồng thời, Nhà trường thu thập ý kiến của doanh nghiệp về nhu cầu nhân lực, yêu cầu đối với người lao động và những đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các thông tin phản hồi được tổng hợp, phân tích và đối sánh qua các năm để đánh giá xu hướng thay đổi về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp đối với yêu cầu của thị trường lao động. (1.1.08 – Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Qua kết quả khảo sát, đa số doanh nghiệp đánh giá người học sau tốt nghiệp của Nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt về kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc, ý thức kỷ luật và khả năng tiếp cận công nghệ. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp cũng đề xuất Nhà trường tiếp tục tăng cường kỹ năng mềm, kỹ năng số, ngoại ngữ, khả năng giao tiếp và khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ sản xuất nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và nhu cầu của các bên liên quan, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy, đồng thời tăng cường thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, bổ sung các nội dung về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và chuyển đổi số. Các ý kiến góp ý của doanh nghiệp và cựu học sinh, sinh viên được chuyển đến các khoa chuyên môn để nghiên cứu, cập nhật chương trình đào tạo và cải tiến phương pháp giảng dạy phù hợp với yêu cầu thực tiễn. (4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo).

Bên cạnh việc cải tiến chương trình đào tạo, Nhà trường còn sử dụng kết quả khảo sát để rà soát, điều chỉnh các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác phục vụ và hỗ trợ người học, hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm. Các nội dung cải tiến được đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm của Nhà trường, được theo dõi, đánh giá trong hệ thống bảo đảm chất lượng và là căn cứ để các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm học tiếp theo. **(1.4.02 – Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm).**

Ngoài ra, Nhà trường kết hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp với kết quả khảo sát người học, cựu học sinh, sinh viên, nhà giáo và cán bộ quản lý để đánh giá toàn diện chất lượng đào tạo và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc tổng hợp nhiều nguồn thông tin phản hồi giúp Nhà trường có cơ sở khách quan trong việc xây dựng các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. **(1.1.08 – Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 2.2.07 – Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 1.4.02 – Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm).**

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả một hệ thống thu thập và sử dụng thông tin phản hồi từ ĐVSDLD và các bên liên quan. Quy trình khép kín từ Khảo sát → Phân tích → Cải tiến đã được thực hiện một cách bài bản, đảm bảo chất lượng đào tạo của trường luôn được đổi mới và ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành và áp dụng quy trình khảo sát, thu thập và xử lý ý kiến phản hồi của nhà giáo trong hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học, công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý và phát triển đội ngũ nhà giáo. Quy trình quy định rõ các bước xây dựng kế hoạch khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát, tổ chức thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích kết quả, báo cáo và triển khai các hoạt động cải tiến trên cơ sở ý kiến phản hồi của nhà giáo. Quy trình được áp dụng thống nhất trong toàn trường và thực hiện định kỳ hằng năm theo kế hoạch bảo đảm chất lượng. **(1.3.02 - Hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng; 8.3.01 - Quy trình khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý ; 1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Trên cơ sở quy trình đã ban hành, Nhà trường xây dựng bộ công cụ khảo sát và tổ chức lấy ý kiến đội ngũ nhà giáo hằng năm. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá các chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học, công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với nhà giáo, công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và các hoạt động bảo đảm chất lượng. Việc khảo sát được thực hiện công khai, khách quan, bảo đảm thu thập đầy đủ ý kiến của đội ngũ nhà giáo. **(1.1.10 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

*** Về việc sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chính sách:**

Nhà trường sử dụng kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý làm căn cứ để đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách liên quan đến hoạt động giảng dạy, công tác quản lý, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Trên cơ sở kết quả khảo sát hằng năm, các đơn vị chuyên môn tổng hợp, phân tích những nội dung được đánh giá tốt cũng như những vấn đề còn hạn chế để đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2025–2030, xác định rõ nhu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và vị trí việc làm phù hợp với quy mô đào tạo và định hướng phát triển của Nhà trường.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, cử nhà giáo tham gia thực tế tại doanh nghiệp, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp và đối tác quốc tế, đặc biệt là các đối tác có hợp tác với Trường, nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, cập nhật công nghệ mới và phương pháp giảng dạy tiên tiến.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích nhà giáo nghiên cứu khoa học, thực hiện sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và đổi mới phương pháp giảng dạy; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy thông qua việc sử dụng giáo án điện tử, học liệu số và các phần mềm quản lý đào tạo.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các chính sách liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; đồng thời duy trì việc khảo sát ý kiến nhà giáo hằng năm, phân tích kết quả khảo sát và xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả công tác quản lý, giảng dạy.

Cải tiến cơ chế quản lý, vận hành nhà trường: tăng cường cán bộ có năng lực cho công tác bảo đảm chất lượng; Xây dựng quy trình chuẩn hóa tất cả các hoạt động (đào tạo, nhân sự, tài chính, tuyển sinh...); đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị hệ thống để tăng hiệu quả giám sát và chất lượng thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận. **(8.3.02 – Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).**

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành hiệu quả một vòng lặp cải tiến chất lượng đối với các chính sách nội bộ. Việc kết hợp nhiều hình thức khảo sát và sử dụng kết quả một cách bài bản đã thể hiện rõ sự cầu thị và quyết tâm của Nhà trường trong việc xây dựng một môi trường làm việc ngày càng tốt hơn, qua đó trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy trình khảo sát ý kiến người học trong hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm thu thập thông tin phản hồi của học sinh, sinh viên về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và việc thực hiện các chính sách đối với người học. Quy trình khảo sát được thực hiện thống nhất trong toàn trường, quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị, trình tự tổ chức khảo sát, tổng hợp, phân tích kết quả và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng. **(8.4.01 - Quy trình khảo sát người học).**

Hàng năm, căn cứ kế hoạch bảo đảm chất lượng, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát học sinh, sinh viên đang học đối với các hoạt động đào tạo và dịch vụ của Nhà trường. Việc khảo sát được thực hiện theo đúng quy trình đã ban hành, bảo đảm tính khách quan, công khai và đại diện cho tất cả các ngành, nghề đào tạo. Nội dung khảo sát tập trung vào các nhóm vấn đề chính gồm: chất lượng và hiệu quả của các hình thức đào tạo; chất lượng giảng dạy của nhà giáo; chất lượng chương trình đào tạo, giáo trình và học liệu; chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, ký túc xá, dịch vụ hỗ trợ; việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học; công tác phục vụ của các phòng, khoa và các đơn vị chức năng. **(2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người học tham gia khảo sát luôn đạt mức cao, phản ánh đầy đủ ý kiến của học sinh, sinh viên về các hoạt động của Nhà trường. Trên 80% người học đánh giá hài lòng đối với chất lượng giảng dạy, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ người học, cơ sở vật chất và việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà trường. Đồng thời, các phiếu khảo sát cũng ghi nhận nhiều ý kiến góp ý cụ thể của người học về phương pháp giảng dạy, nội dung chương trình, học liệu, điều kiện học tập, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ, tạo nguồn thông tin quan trọng phục vụ công tác cải tiến chất lượng. **(2.2.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).**

Về việc sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng:

Nhà trường không chỉ dừng lại ở việc thu thập, tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát người học mà còn sử dụng kết quả khảo sát làm căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động đào tạo, chất lượng giảng dạy, chất lượng dịch vụ và việc thực hiện các chính sách đối với người học; từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các phòng, khoa và đơn vị liên quan tổng hợp, phân tích các nội dung người học đánh giá, xác định những nội dung còn tồn tại, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp cải tiến trình Ban Giám hiệu xem xét, chỉ đạo triển khai thực hiện. Các nội dung cải tiến đều được đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm và

được theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện trong chu trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường. **(1.4.02 – Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm).**

Trên cơ sở kết quả khảo sát người học trong các năm học 2023–2024, 2024–2025 và 2025–2026, Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp cải tiến cụ thể:

- Về chương trình đào tạo và học liệu:

+ Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tính thực tiễn, bổ sung các nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, khởi nghiệp và an toàn lao động.

+ Chỉnh sửa, cập nhật giáo trình, bài giảng điện tử, bổ sung học liệu số, video hướng dẫn thực hành và ngân hàng câu hỏi nhằm nâng cao hiệu quả học tập và tự học của người học.

+ Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức thực tập nghề nghiệp. **(4.1.02 - Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo).**

- Về hoạt động giảng dạy:

+ Khuyến khích nhà giáo đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp dạy học tích cực.

+ Nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; tăng cường hướng dẫn học tập, hỗ trợ học sinh, sinh viên trong quá trình học tập và thực hành nghề.

+ Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về phương pháp giảng dạy hiện đại và ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy.

- Về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học:

+ Hoàn thiện công tác giáo viên chủ nhiệm; tăng cường tư vấn học tập, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên.

+ Duy trì việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học; hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh của người học.

+ Tăng cường tổ chức các lớp kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, ngày hội việc làm và các chương trình kết nối doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người học.

- Về cơ sở vật chất và các dịch vụ phục vụ người học:

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng học, xưởng thực hành, thiết bị đào tạo, thư viện và không gian tự học theo hướng hiện đại.

+ Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị; nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, cung cấp các dịch vụ học vụ trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận thông tin và thực hiện các thủ tục học tập nhanh chóng, thuận tiện.

Các nội dung cải tiến được Nhà trường tổng hợp, theo dõi và đánh giá mức độ hoàn thành hằng năm. Kết quả khảo sát người học cùng với các giải pháp cải tiến đã được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng dịch vụ và việc thực hiện các chính sách đối với người học, góp phần xây dựng môi trường học tập ngày càng hiệu quả, thân thiện và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học. **(8.4.02 – Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý người học năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026; 1.4.02 – Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm).**

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả một hệ thống thu thập và sử dụng thông tin phản hồi từ người học. Quy trình khép kín từ Khảo sát → Phân tích → Cải tiến → Phản hồi đã được thực hiện một cách bài bản, đảm bảo các chính sách và hoạt động của trường luôn được đổi mới và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng là công cụ quản lý cốt lõi, là nền tảng của văn hóa chất lượng. Hoạt động này được triển khai một cách định kỳ, có hệ thống và thực chất, vận hành theo chu trình cải tiến liên tục (PDCA). Đây là cơ sở để Nhà trường tự rà soát, đối chiếu toàn bộ hoạt động của mình với bộ tiêu chuẩn chất lượng, từ đó hoạch định và triển khai các giải pháp cải tiến một cách khoa học và hiệu quả.

Về việc thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng: Hoạt động tự đánh giá được Nhà trường thực hiện một cách định kỳ, có hệ thống và toàn diện.

- Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập các Hội đồng Tự đánh giá (bao gồm tự đánh giá cơ sở GDNN và tự đánh giá các nghề trọng điểm) với sự tham gia của đại diện lãnh đạo và các đơn vị, đoàn thể trong toàn trường và đại diện doanh nghiệp. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị thường trực, chịu trách nhiệm xây

dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn các đơn vị thu thập minh chứng và viết báo cáo (8.5.01 - Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá hằng năm; 8.5.02 - Kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá hằng năm).

- Quá trình tự đánh giá được triển khai chuyên nghiệp, có sự tham gia của tất cả các đơn vị, được thể hiện qua các biên bản họp của Hội đồng và các ban công tác. Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh là sản phẩm cuối cùng, phản ánh một cách trung thực hiện trạng của Nhà trường so với bộ tiêu chuẩn. Định kỳ, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng gửi báo cáo về cơ quan quản lý GDNN cấp trên theo quy định (8.5.03 - Các báo cáo tự đánh giá chất lượng; 8.5.04 - Đường link đăng tải báo cáo tự đánh giá chất lượng trên website trường)

Về kế hoạch và biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên kết quả tự đánh giá: Nhà trường sử dụng kết quả tự đánh giá hằng năm làm cơ sở cốt lõi để xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng, theo định hướng duy trì và phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được nhận diện.

Dựa trên Báo cáo Tự đánh giá, Nhà trường xây dựng một Kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng. Kế hoạch xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm để cải tiến chất lượng, từ việc rà soát chiến lược, cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, đầu tư cơ sở vật chất, đến việc triển khai các hoạt động khảo sát và sử dụng kết quả để cải tiến. Kế hoạch phân công rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời gian hoàn thành cho từng nhiệm vụ (1.4.01 - Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm).

Các biện pháp cải tiến được triển khai một cách thực chất, được minh chứng qua các quyết định, kế hoạch chi tiết được ban hành sau đó để giải quyết các vấn đề đã chỉ ra. Một số nội dung cụ thể: phát huy điểm mạnh về quan hệ doanh nghiệp bằng việc ký kết thêm nhiều thỏa thuận hợp tác; Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết để rà soát chương trình đào tạo; khắc phục tồn tại về cơ sở vật chất bằng việc lên kế hoạch nâng cấp, sửa chữa... (8.5.05 – Kế hoạch, báo cáo khắc phục hạn chế sau kiểm định năm 2023, 2024, 2025).

Việc thực hiện kế hoạch cải tiến được Ban Giám hiệu và Hội đồng Tự đánh giá thường xuyên rà soát, đôn đốc thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, đảm bảo các hoạt động cải tiến được thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả (8.5.06 - Nghị quyết đảng uỷ, kết luận giao ban hằng tháng).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp là chỉ số hiệu suất cốt lõi (KPI) quan trọng nhất, phản ánh trực tiếp sứ mệnh, chất lượng và uy tín của hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai một quy trình khảo sát, thống kê bài bản để không chỉ xác lập con số một cách chính xác mà còn sử dụng dữ liệu đó làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến liên tục.

Về quy trình khảo sát và cách thức xác lập tỷ lệ: Nhà trường đã thể chế hóa hoạt động này thông qua việc ban hành Quy trình khảo sát HSSV sau tốt nghiệp (**8.6.01 - Quy trình lần vết HSSV sau tốt nghiệp**). Quy trình này quy định rõ về phương pháp luận, đơn vị chịu trách nhiệm và công cụ thực hiện.

Nhà trường sử dụng kết hợp nhiều hình thức để tối đa hóa tỷ lệ phản hồi, bao gồm: (1) Khảo sát nhanh nhu cầu việc làm hoặc học liên thông của HSSV trước khi thi tốt nghiệp; (2) Thực hiện khảo sát trực tiếp bằng phiếu khi HSSV đến nhận bằng tốt nghiệp; (3) Liên lạc, phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại; (4) Gặp gỡ, phỏng vấn cựu HSSV tại các doanh nghiệp đối tác (**8.6.02 - Các mẫu phiếu thu thập thông tin cựu HSSV**).

Thông qua quy trình khảo sát bài bản, Nhà trường luôn theo dõi và duy trì tỷ lệ người học có việc làm ở mức cao. Kết quả tổng hợp hằng năm cho thấy 100% HSSV tốt nghiệp được lần vết, tỷ lệ cựu HSSV có phản hồi về việc làm luôn đạt từ 80%-85%. Trong số đó, tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp luôn đạt trên 80%, vượt chỉ tiêu của tiêu chuẩn. Đặc biệt, đối với các nghề trọng điểm của Trường như Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp..., tỷ lệ này đạt trên 90%, khẳng định chất lượng và sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội (**4.4.01 - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 2.5.03- Các quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo**).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 8: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá chi tiết theo 8 tiêu chí, Nhà trường xác định các định hướng và giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại để không ngừng nâng cao chất lượng. Kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể của Nhà trường tập trung vào các nhóm nhiệm vụ sau:

1. Về Chiến lược và chính sách:

- Thường xuyên rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý nội bộ (quy chế, quy định, quy trình) để đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán và phù hợp với thực tiễn.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về chiến lược phát triển, chính sách chất lượng và các giá trị cốt lõi đến toàn thể các bên liên quan để tạo sự đồng thuận và chung tay hành động.

2. Về Tuyển sinh và đào tạo:

- Đa dạng hóa các hình thức tư vấn tuyển sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện để tiếp cận hiệu quả hơn với người học tiềm năng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý theo lộ trình, chú trọng bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, năng lực ngoại ngữ, tin học và kỹ năng số.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tính ứng dụng, tích hợp các kỹ năng mềm, kỹ năng số và đáp ứng tiêu chuẩn của các ngành nghề trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Về Cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu:

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung các trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đặc biệt là các thiết bị mô phỏng, tự động hóa.

- Nâng cấp và triển khai phần mềm quản lý tài sản tập trung; tăng cường số hóa học liệu, mở rộng và liên kết nguồn học liệu số với các thư viện khác.

- Cải tạo một phần không gian thư viện hoặc các khu vực chung thành không gian mở, linh hoạt, được trang bị công nghệ để khuyến khích HSSV học tập theo nhóm, nghiên cứu và sáng tạo.

4. Về Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

- Xây dựng quy chế và chính sách riêng để khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia thực hiện các đề tài NCKH, tạo sân chơi để sinh viên phát huy khả năng sáng tạo.

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các nhà giáo có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.

5. Về Quản lý người học:

- Phát triển một cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng di động tích hợp để HSSV thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính và nhận thông báo tập trung.

- Tổ chức thường xuyên hơn các buổi hội thảo hướng nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cựu HSSV thành đạt.

6. Về Kết quả và cải tiến chất lượng:

- Phát triển một hệ thống dashboard tập trung để tích hợp dữ liệu từ tất cả các nguồn (khảo sát, tỷ lệ tốt nghiệp/bỏ học, việc làm) nhằm cung cấp một bức tranh tổng thể về chất lượng.

- Chủ động triển khai hoạt động đối sánh một số chỉ số quan trọng với các trường cao đẳng chất lượng cao trong cùng khối ngành.

- Xây dựng và công bố báo cáo "Bạn góp ý - Chúng tôi hành động" hằng năm trên website của trường để thể hiện sự minh bạch và trân trọng đối với các ý kiến đóng góp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ xác định công tác tự đánh giá chất lượng là một nhiệm vụ thường xuyên và đóng vai trò quyết định trong chiến lược phát triển. Qua hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ tự đánh giá đạt 98/100 điểm, đồng thời có được những giải pháp cải thiện một số hoạt động nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế; gắn kết mọi hoạt động của Nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, hướng tới mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn chất lượng cao tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế.

Công tác tự đánh giá đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường và của toàn thể CBVC, GV và HSSV, tuy nhiên báo cáo cũng không thể tránh khỏi được những thiếu sót, hạn chế. Nhà trường rất mong nhận được những ý kiến góp ý của các chuyên gia trong lĩnh vực GDNN, các nhà quản lý và đồng nghiệp để giúp cho Nhà trường khắc phục được các tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả chất lượng các mặt hoạt động trong đào tạo.

Để công tác kiểm định chất lượng ngày càng có ý nghĩa và mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ có một số đề xuất, kiến nghị sau đây:

- Cơ quan quản lý Nhà nước cần có cơ chế chính sách khuyến khích các cơ sở GDNN tự đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo GDNN.
- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và đánh giá chất lượng CTĐT tạo điều kiện giao lưu, trao đổi kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn công tác tự đánh giá chất lượng.
- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phú Thọ, ngày 20 tháng 07 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Thị Thuý Lan

Phú Thọ, ngày 08 tháng 04 năm 2026

Số: 259/QĐ-CĐNLPT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ NÔNG LÂM PHÚ THỌ

Căn cứ Quyết định số 5964/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CĐNLPT ngày 25/02/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ gồm các Ông, Bà (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN theo quy định:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng và viết báo cáo kết quả tự đánh giá;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.
- Làm việc với đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, KT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Lan

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN
(Kèm theo Quyết định số 259/QĐ-CDNLPT ngày 08/ 04/2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Trần Thị Thúy Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Lê Đức Vũ	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3.	Lê Đức Minh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4.	Nguyễn Xuân Lối	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Phạm Quang Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6.	Mai Trường Sơn	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
7.	Bùi Trung Hiếu	Trưởng phòng KT&KĐCL	Thư ký
8.	Hoàng Văn Tiến	P.Trưởng phòng KT&KĐCL	Ủy viên
9.	Mai Vương Song	Phó Trưởng phòng KT&KĐCL	Ủy viên
10.	Ngô Lan Hương	Trưởng phòng TCHC và Quản trị	Ủy viên
11.	Nguyễn Thanh Tú	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Ủy viên
12.	Nguyễn Văn Hải	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Đào tạo và HTQT	Ủy viên
13.	Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng phòng Công tác HSSV	Ủy viên
14.	Nguyễn Thanh Hải	Trưởng phòng Truyền thông và CDS	Ủy viên
15.	Trương Đình Luân	Trưởng khoa Cơ khí Động lực	Ủy viên
16.	Nguyễn Văn Đào	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Điện	Ủy viên
17.	Nguyễn Đăng Thọ	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Điện tử, Điện Lạnh	Ủy viên
18.	Nguyễn Hữu Đông	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên
19.	Nguyễn Hải Duy	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm TS>VL	Ủy viên
20.	Nguyễn Chí Kiên	Phó trưởng phòng TCHC và Quản trị	Ủy viên
21.	Đỗ Văn Mão	Giám đốc Trung tâm TN Lâm sinh	Ủy viên
22.	Kiều Văn Hùng	Trưởng khoa NN, LN và Môi trường	Ủy viên
23.	Nguyễn Thị Hoa	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Kinh tế và Sư phạm	Ủy viên
24.	Nguyễn Huy Tiến	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
25.	Nguyễn Phi Tuyên	Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	Ủy viên

Phú Thọ, ngày 09 tháng 04 năm 2026

Số: 265/KH-CĐNLPT

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2026

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN;

Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2026 cụ thể như sau:

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị và cán bộ, giảng viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng tham gia thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được dựa vào tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được và đồng thời phát hiện, khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt hoặc cần cải thiện. Từ đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu.

2. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng ban hành kèm theo *Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN*

3. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở GDNN:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng và gửi các cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhiệm vụ của các đơn vị và Hội đồng tự đánh giá

4.1. Nhiệm vụ của đơn vị chủ trì (Phòng Khảo thí & KĐCL)

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Rà soát, cập nhật bảng mã minh chứng; phân chia theo từng tiêu chí và từng đơn vị thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ và phối hợp với các đơn vị trong trường thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

- Tổng hợp, chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Tập hợp và mã hóa minh chứng theo quy định.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu, minh chứng của các tiêu chí/tiêu chuẩn kiểm định và cung cấp cho Hội đồng tự đánh giá trường khi có yêu cầu.

4.2. Nhiệm vụ của các phòng/khoa/trung tâm

- Căn cứ vào kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường, Trưởng các đơn vị phân công cán bộ, giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ của minh chứng cung cấp.

- Phối hợp với thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chí và các đơn vị liên quan để thu thập thông tin, minh chứng về các hoạt động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

- Cung cấp đầy đủ thông tin minh chứng liên quan đến tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định được phân công theo yêu cầu.

- Đánh giá, xác định mức độ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

4.3. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá

- Các thành viên Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nhiệm vụ được phân công.

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ; báo cáo Hiệu trưởng khi có yêu cầu.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Thu thập, bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng những chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng.

- Hoàn chỉnh báo cáo, thông qua Hội đồng tự đánh giá chất lượng, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ trường và gửi cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn quy định.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường.

5. Nội dung - Kế hoạch thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung	Cá nhân, đơn vị phụ trách
Từ 01/04/2026 đến 15/04/2026	- Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ. - Trình ký kế hoạch, quyết định.	Phòng KT&KDCL
Từ 16/04/2026 đến 06/07/2026	- Thực hiện tự đánh giá: Thu thập thông tin minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn.	- Các đơn vị liên quan - Thành viên Hội đồng
Từ 07/07/2026 đến 01/08/2026	- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn - Thu thập, bổ sung minh chứng - Viết dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn	- Thành viên Hội đồng - Các đơn vị liên quan - Phụ trách tiêu chí dự thảo báo cáo
Từ 02/08/2026 đến 30/10/2026	- Tổng hợp, lập dự thảo báo cáo TĐG của trường. - Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, chuyên gia	- Thư ký Hội đồng - Phòng KT&KDCL - Các đơn vị liên quan
Từ 1/11/2026 đến 30/11/2026	- Thu thập, bổ sung minh chứng (nếu có) - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo - Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, chuyên gia	- Các đơn vị liên quan - Thư ký Hội đồng - Phòng KT&KDCL
Từ 01/12/2026 đến 11/12/2026	- Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo - Thông qua, phê duyệt báo cáo - Công bố kết quả, gửi báo cáo về các cơ quan có thẩm quyền, lưu trữ	- Thư ký Hội đồng - Hội đồng

6. Phân công nhiệm vụ

Tiêu chí	Nội dung	Phụ trách tiêu chí
Tiêu chí 1	Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	Đ/c Ngô Lan Hương
Tiêu chí 2	Hoạt động đào tạo	Đ/c Nguyễn Văn Hải, Đ/c Nguyễn Hải Duy
Tiêu chí 3	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	Đ/c Ngô Lan Hương
Tiêu chí 4	Chương trình, giáo trình	Đ/c Nguyễn Văn Hải
Tiêu chí 5	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	Đ/c Nguyễn Chí Kiên
Tiêu chí 6	Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	Đ/c Nguyễn Văn Hải
Tiêu chí 7	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Đ/c Nguyễn Ngọc Thành
Tiêu chí 8	Giám sát, đánh giá chất lượng	Đ/c Bùi Trung Hiếu, Đ/c Hoàng Văn Tiến.

- Đ/c Bùi Trung Hiếu: Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Các thành viên khác: Phối hợp với các đồng chí phụ trách tiêu chí để thực hiện thu thập, cung cấp tài liệu, minh chứng liên quan trong quá trình tự đánh giá.

7. Tổ chức thực hiện

Căn cứ kế hoạch tự đánh giá của trường các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong đơn vị.

Phòng Khảo thí và KĐCL: cung cấp các nội dung, văn bản hướng dẫn và các biểu mẫu (nếu có) để các đơn vị thực hiện; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ.

Các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, minh chứng theo yêu cầu; minh chứng phải tường minh, rõ ràng, phù hợp nội hàm tiêu chí/tiêu chuẩn.

Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm đôn đốc và theo dõi việc thực hiện tiến độ của các đơn vị; báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng kết quả thực hiện.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN hằng năm là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các phòng, khoa, trung tâm nghiêm túc thực hiện đảm bảo đúng kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Trường/phó các đơn vị;
- Lưu: VT, KT&KĐCL.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Lan

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1.1	1.1.01		Các quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
2.			1.1.02		Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
3.			1.1.03		Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050
4.			1.1.04		Đề án sáp nhập trường
5.			1.1.05		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực
6.			1.1.06		Thông báo tuyển dụng lao động của doanh nghiệp
7.			1.1.07		Giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN
8.			1.1.08		Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
9.			1.1.09		Thông kê các hình thức công bố mục tiêu, sứ mạng của trường - website
10.			1.1.10		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
11.		1.2		1.1.01	Các quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
12.				1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
13.				1.1.04	Đề án sáp nhập trường
14.			1.2.01		Quyết định chức năng, nhiệm vụ các Khoa
15.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
16.		1.3	1.3.01		Quyết định thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL
17.			1.3.02		Sổ tay/Chính sách/Mục tiêu chất lượng
18.			1.3.03		Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng
19.			1.3.04		Quyết định ban hành và các quy trình hệ thống ĐBCL
20.			1.3.05		Thông báo rà soát các quy chế, quy định hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
21.			1.3.06		Báo cáo hệ thống ĐBCL
22.			1.3.07		Báo cáo tổng kết hằng năm của trường
23.			1.3.08		Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm
24.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
25.		1.4	1.4.01		Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
26.			1.4.02		Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm
27.			1.4.03		Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm
28.			1.4.04		Danh sách các quy trình BDCL được cập nhật chỉnh sửa, bổ sung hằng năm
29.			1.4.05		Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025
30.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
31.		1.5	1.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng trường
32.			1.5.02		Quy chế hoạt động của Hội đồng trường
33.			1.5.03		Các biên bản họp/báo cáo/ng nghị quyết của Hội đồng trường
34.			1.5.04		Quyết định thành lập Đảng bộ Trường
35.			1.5.05		Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ Trường
36.			1.5.06		Quyết định thành lập các chi bộ trực thuộc kèm theo danh sách đảng viên
37.			1.5.07		Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2023, 2024, 2025
38.			1.5.08		Kết quả xếp loại chi bộ, Đảng bộ năm 2023, 2024, 2025
39.			1.5.09		Quyết định thành lập các tổ chức xã hội đoàn thể
40.			1.5.10		Điều lệ hoạt động của các tổ chức xã hội đoàn thể
41.			1.5.11		Các kế hoạch hoạt động của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
42.			1.5.12		Danh hiệu thi đua đạt được của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
43.			1.5.13		Báo cáo hàng năm về các hoạt động của các tổ chức xã hội, đoàn thể năm 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
44.			1.5.14		Các quyết định thành lập Hội đồng tư vấn năm 2024, 2025, 2026/ Các biên bản họp Hội đồng tư vấn năm 2024, 2025, 2026
45.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
46.	2	2.1	2.1.01		Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hằng năm
47.			2.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm
48.			2.1.03		Kế hoạch tuyển sinh hằng năm
49.			2.1.04		Các thông báo tuyển sinh hằng năm
50.			2.1.05		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm
51.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
52.		2.2		2.1.02	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm
53.			2.2.01		Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hằng năm
54.			2.2.02		Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm
55.			2.2.03		Quyết định phê duyệt danh sách HSSV trúng tuyển hằng năm
56.			2.2.04		Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
57.				2.1.03	Kế hoạch tuyển sinh hằng năm
58.			2.2.05		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm
59.			2.2.06		Báo cáo công tác tuyển sinh hằng năm;
60.			2.2.07		Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
61.		2.3	2.3.01		Quyết định ban hành Quy chế đào tạo
62.			2.3.02		Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp
63.			2.3.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
64.			2.3.04		Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
65.			2.3.05		Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
66.			2.3.06		Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
67.			2.3.07		Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
68.			2.3.08		Hồ sơ thi tốt nghiệp các đợt năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
69.			2.3.09		Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
70.			2.3.10		Thời khoá biểu
71.			2.3.11		Chương trình đào tạo năm 2023
72.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
73.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
74.		2.4		2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
75.				2.3.06	Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
76.				2.3.10	Thời khoá biểu
77.				2.3.04	Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
78.				2.3.05	Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
79.				2.3.06	Tiến độ đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
80.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
81.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
82.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
83.		2.5		2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
84.				2.3.10	Thời khoá biểu
85.				2.3.04	Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
86.				2.3.05	Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
87.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
88.			2.5.01		Hồ sơ hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp
89.			2.5.02		Kế hoạch và hồ sơ tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp của HSSV hằng năm
90.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
91.			2.5.03		Các quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo
92.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
93.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
94.		2.6	2.6.01		Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường
95.			2.6.02		Hệ thống thư viện số và học liệu điện tử của Nhà trường
96.			2.6.03		Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập
97.			2.6.04		Các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học
98.			2.6.05		Danh sách môn học, mô đun có ứng dụng phần mềm theo từng nghề đào tạo
99.			2.6.06		Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo
100.			2.6.07		Website chính thức của Trường
101.			2.6.08		Hệ thống các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo) phục vụ đào tạo và truyền thông
102.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
103.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
104.		2.7	2.7.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy hằng năm
105.			2.7.02		Các quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra nội bộ
106.				2.3.05	Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
107.			2.7.03		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hằng năm
108.			2.7.04		Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung về việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026;
109.				1.4.05	Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025
110.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
111.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
112.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
113.		2.8		2.3.01	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo
114.				2.3.02	Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp
115.			2.8.01		Các quy trình liên quan đến thi, kiểm tra của Trường
116.			2.8.02		Quy chế HSSV
117.			2.8.03		Hệ thống câu hỏi, đề thi các môn học, mô đun
118.				2.3.11	Chương trình đào tạo năm 2023
119.				2.3.07	Hồ sơ thi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
120.				2.3.08	Hồ sơ thi tốt nghiệp các đợt năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
121.				2.5.02	Kế hoạch và hồ sơ tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp của HSSV hằng năm).
122.			2.8.04		Hồ sơ họp xét kết quả học tập, rèn luyện của HSSV
123.			2.8.05		Hồ sơ rà soát, đánh giá và cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá hằng năm
124.				1.4.05	Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025
125.				2.7.04	Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
126.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
127.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
128.	3	3.1	3.1.01		Hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá đội ngũ
129.			3.1.02		Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm).
130.				1.4.02	Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL hằng năm
131.				1.4.03	Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm
132.				1.4.04	Danh sách các quy trình BĐCL được cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung hằng năm;
133.				1.4.05	Báo cáo cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025).
134.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
135.		3.2	3.2.01		Hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm
136.			3.2.02		Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm
137.			3.2.03		Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường
138.			3.2.04		Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025
139.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
140.		3.3	3.3.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo toàn trường
141.			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo nhà trường
142.				3.2.02	Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm
143.			3.3.03		Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo
144.			3.3.04		Thông kê khối lượng giảng dạy của nhà giáo hằng năm
145.				2.2.04	Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
146.			3.3.05		Bảng quy đổi tỷ lệ nhà giáo/người học
147.				3.1.02	Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
148.		3.4		2.3.01	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo
149.				2.3.02	Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp;
150.				2.3.04	Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
151.				2.3.05	Các biên bản thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
152.				2.7.01	Các quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra nội bộ
153.				2.7.02	Kế hoạch và báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học hằng năm;
154.				2.7.03	Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
155.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
156.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
157.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
158.		3.5		3.2.01	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm
159.			3.5.01		Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức
160.				3.2.02	Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm
161.				3.2.03	Hồ sơ cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia đào tạo, bồi dưỡng hằng năm;
162.			3.5.02		Các quyết định chi hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
163.			3.5.03		Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm
164.				3.2.04	Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025).
165.			3.5.04		Kế hoạch và báo cáo tổng kết tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hằng năm
166.			3.5.05		Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm
167.				2.6.03	Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
168.				2.6.04	Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học).
169.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
170.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
171.		3.6		3.5.01	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức
172.			3.6.01		Các kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
173.			3.6.02		Các quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
174.			3.6.03		Kế hoạch, quyết định cử nhà giáo học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ
175.			3.6.04		Chứng nhận, chứng chỉ, xác nhận bồi dưỡng; báo cáo kết quả bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo).
176.				3.5.02	Các quyết định chi hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
177.				3.5.03	Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm; 3.6.05 - Báo cáo đánh giá chuẩn nhà giáo hằng năm
178.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
179.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
180.		3.7		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
181.				1.2.01	Quyết định chức năng, nhiệm vụ các Khoa; 3.7.01 - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý
182.			3.7.01		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm
183.			3.7.02		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý
184.			3.7.03		Danh sách viên chức, người lao động theo vị trí việc làm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
185.			3.7.04		Hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hằng năm
186.				3.2.05	Báo cáo đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm
187.				3.5.01	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức;
188.				3.2.02	Các Kế hoạch và báo cáo về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm
189.			3.7.05		Kế hoạch, quyết định cử cán bộ quản lý, viên chức, người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng hằng năm
190.			3.7.06		Chứng nhận, chứng chỉ, xác nhận và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động
191.				3.5.03	Báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm
192.				2.3.09	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
193.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
194.	4	4.1	4.1.01		Quy trình về xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo
195.			4.1.02		Hồ sơ xây dựng và chỉnh sửa các chương trình đào tạo các năm
196.			4.1.03		Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo
197.			4.1.04		Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo
198.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
199.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
200.		4.2		1.1.07	Giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN
201.			4.2.01		Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo
202.				2.6.07	Website chính thức của Trường
203.				4.1.03	Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo
204.				4.1.04	Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
205.				4.1.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.03 - Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo
206.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
207.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
208.		4.3	4.3.01		Hồ sơ xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo
209.				4.2.01	Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo
210.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
211.				2.6.07	Website chính thức của Trường
212.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
213.		4.4		4.1.01	Quy trình về xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo
214.				4.1.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo
215.				1.1.07	Hồ sơ khảo sát người học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
216.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
217.			4.4.01		Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025
218.				4.1.03	Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo;
219.				4.1.04	Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo
220.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
221.		4.5	4.5.01		Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo
222.			4.5.02		Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa giáo trình đào tạo
223.			4.5.03		Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo
224.			4.5.04		Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo
225.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
226.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
227.		4.6	4.6.01		Danh mục giáo trình các ngành, nghề đào tạo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
228.				4.5.04	Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo
229.			4.6.02		Bộ giáo trình các môn học, mô-đun kèm theo quyết định ban hành
230.				4.2.02	Các quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo
231.				4.5.03	Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo
232.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
233.		4.7		4.5.01	Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo
234.				4.5.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa giáo trình đào tạo
235.				4.5.03	Hồ sơ thẩm định giáo trình đào tạo
236.				4.5.04	Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo
237.				4.1.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo;
238.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
239.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
240.	5	5.1	5.1.01		Các quy trình quản lý cơ sở vật chất, thiết bị kèm theo quyết định ban hành
241.			5.1.02		Hồ sơ, sổ sách theo dõi, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025
242.			5.1.03		Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
243.			5.1.04		Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025
244.			5.1.05		Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành, xưởng thực hành và các phòng công năng
245.			5.1.06		Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và quy định sử dụng máy móc, thiết bị).
246.			5.1.07		Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025
247.			5.1.08		Hồ sơ kiểm kê tài sản năm 2023, 2024, 2025
248.			5.1.09		Sổ kiểm kê, sổ theo dõi tài sản năm 2023, 2024, 2025
249.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
250.		5.2	5.2.01		Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
251.			5.2.02		Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
252.			5.2.03		Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường
253.			5.2.04		Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trườn
254.			5.2.05		Hình ảnh các khối công trình của Trường
255.			5.2.06		Bản mô tả vị trí của Trường đối với các tuyến giao thông huyết mạch
256.			5.2.07		Bảng thống kê khoảng cách đến các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường
257.			5.2.08		Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; hồ sơ máy phát điện; hợp đồng mua bán điện; hóa đơn thanh toán tiền điện;
258.			5.2.09		Báo cáo công tác sử dụng điện, nước
259.			5.2.10		Mặt bằng cấp nước tổng thể; Hợp đồng cung cấp nước sạch; Hóa đơn thanh toán tiền nước; Biên bản đánh giá chất lượng nước
260.			5.2.11		Hồ sơ phân công vệ sinh tự quản HSSV năm 2023, 2024, 2025
261.			5.2.12		Sơ đồ mặt bằng hệ thống thoát nước
262.			5.2.13		Hợp đồng lao động nhân viên vệ sinh môi trường
263.			5.2.14		Danh sách nhân viên vệ sinh; biên bản phân công công việc; kế hoạch thực hiện và kiểm tra
264.			5.2.15		Hồ sơ lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy các khối công trình
265.			5.2.16		Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ năm 2023, 2024, 2025
266.			5.2.17		Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ của Trường
267.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
268.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
269.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
270.		5.3		5.2.01	Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của trường
271.				5.2.04	Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
272.				5.2.05	Hình ảnh các khối công trình của Trường
273.				1.1.01	Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường;
274.			5.3.01		Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị
275.				5.1.05	Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành
276.				5.3.01	Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị;
277.			5.3.02		Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo
278.				5.2.17	Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường
279.				5.2.16	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025;
280.				5.1.04	Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025
281.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
282.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
283.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của Trường và các đơn vị
284.		5.4		1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
285.				2.1.01	Quy chế tuyển sinh
286.				2.3.01	Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
287.				2.3.02	Quy chế công tác học sinh, sinh viên
288.				2.8.01	Quy chế tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
289.				5.2.17	Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ của Trường).
290.			5.4.01		Hợp đồng thu gom rác thải
291.			5.4.02		Báo cáo công tác an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường
292.			5.4.03		Kế hoạch công tác học sinh, sinh viên các năm học
293.			5.4.04		Bảng phân công nhiệm vụ trực bảo vệ của Trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
294.			5.4.05		Các biên bản phối hợp với an ninh địa phương về đảm bảo trật tự an toàn trong trường học
295.			5.4.06		Báo cáo đánh giá công tác an ninh trường học hằng năm
296.				5.3.01	Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị
297.				5.1.05	Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành
298.				5.2.16	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025
299.			5.4.07		Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học
300.			5.4.08		Báo cáo công tác y tế Trường học hằng năm).
301.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
302.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
303.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của Trường và các đơn vị
304.				5.4.09	Các khen thưởng của Trường về công tác bảo đảm an ninh trật tự
305.		5.5		5.3.02	Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo
306.				5.2.04	Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường
307.				5.2.05	Hình ảnh các phòng học, phòng thực hành và hệ thống thiết bị đào tạo
308.			5.5.01		Danh mục thiết bị đào tạo theo từng ngành, nghề
309.			5.5.02		Sổ theo dõi sử dụng thiết bị đào tạo
310.				5.1.05	Văn bản giao nhiệm vụ quản lý phòng học, phòng thực hành
311.				5.3.01	Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị
312.				5.2.06	Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường).
313.			5.5.03		Hồ sơ kiểm kê thiết bị đào tạo hằng năm
314.			5.5.04		Báo cáo kết quả kiểm kê thiết bị đào tạo
315.				5.1.04	Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
316.			5.5.05		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo
317.			5.5.06		Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị
318.				5.1.02	Hồ sơ theo dõi, quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị năm 2023, 2024, 2025
319.				5.2.16	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy; kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy năm 2023, 2024, 2025
320.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
321.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
322.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
323.		5.6	5.6.01		Quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo
324.				5.3.01	Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc, thiết bị
325.				1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
326.			5.6.02		Kế hoạch mua sắm, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu hằng năm
327.				2.3.01	Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
328.			5.6.03		Phiếu đề nghị cấp vật tư, phiếu xuất kho, phiếu cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu
329.				5.1.04	Báo cáo công tác quản lý tài sản của Trường và các khoa năm 2023, 2024, 2025
330.			5.6.04		Sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu
331.				5.2.04	Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường
332.			5.6.05		Hình ảnh kho vật tư, phòng thực hành và khu vực bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu
333.			5.6.06		Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu; hồ sơ thu hồi, tái sử dụng vật tư sau thực hành
334.				5.2.06	Quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy của Trường;
335.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
336.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
337.		5.7		5.2.04	Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
338.			5.7.01		Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện
339.			5.7.02		Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thư viện
340.			5.7.03		Hình ảnh phòng đọc điện tử, phòng đọc cán bộ, nhà giáo, phòng đọc người học và kho sách
341.			5.7.04		Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu của thư viện
342.			5.7.05		Sổ theo dõi bạn đọc; sổ theo dõi mượn, trả tài liệu; thống kê lượt sử dụng thư viện
343.			5.7.06		Kế hoạch bổ sung sách, giáo trình, học liệu hằng năm
344.			5.7.07		Báo cáo hoạt động thư viện hằng năm
345.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
346.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
347.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị).
348.		5.8		5.7.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện
349.				5.7.04	Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu của thư viện;
350.				5.7.06	Kế hoạch bổ sung sách, giáo trình, học liệu hằng năm
351.			5.8.01		Hướng dẫn khai thác và sử dụng thư viện điện tử
352.			5.8.02		Chức năng của thư viện điện tử
353.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
354.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
355.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
356.	6	6.1	6.1.01		Quyết định thành lập Hội đồng khoa học
357.				1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
358.			6.1.02		Quy chế hoạt động khoa học của Trường
359.			6.1.03		Thông báo đăng ký và nộp đề cương đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm
360.				3.5.05	Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm
361.			6.1.04		Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
362.			6.1.05		Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn
363.			6.1.06		Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hằng năm
364.				3.5.04	Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025
365.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
366.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
367.		6.2		6.1.03	Thông báo đăng ký và nộp đề cương đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm
368.				6.1.04	Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học
369.				3.5.05	Các quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm
370.			6.2.01		Báo cáo ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong hoạt động đào tạo
371.			6.2.02		Hình ảnh, minh chứng về việc áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến trong giảng dạy, thực hành và quản lý
372.			6.2.03		Hồ sơ xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ khoa học cấp trên giao
373.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
374.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
375.		6.3		6.1.02	Quy chế hoạt động khoa học của Trường
376.				6.1.05	Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn
377.				3.3.03	Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo
378.				6.1.06	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hằng năm
379.			6.3.01		Danh mục bài báo khoa học của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hằng năm
380.			6.3.02		Minh chứng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành
381.			6.3.03		Danh mục bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học và các ấn phẩm tương đương hằng năm
382.			6.3.04		Minh chứng các bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học và các ấn phẩm tương đương

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
383.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
384.		6.4	6.4.01		Hồ sơ hợp tác giữa Trường với các trường, tổ chức, cá nhân nước ngoài; các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế
385.		6.4	6.4.02		Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm
386.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
387.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
388.	7	7.1		2.1.01	Quy chế tuyển sinh
389.				2.1.03	Kế hoạch tuyển sinh hằng năm
390.				2.1.04	Các thông báo tuyển sinh hằng năm
391.				1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
392.				2.3.01	Quy chế đào tạo
393.				2.3.02	Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp
394.				2.8.02	Quy chế học sinh, sinh viên
395.			7.1.01		Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa
396.			7.1.02		Hình ảnh các tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa
397.			7.1.03		Hồ sơ công khai thông tin trên website, cổng thông tin điện tử và bảng tin của Nhà trường các quy chế, quy định
398.			7.1.04		Tài liệu sinh hoạt đầu khoá
399.			7.1.05		Báo cáo sinh hoạt chính trị đầu khoá
400.			7.1.06		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm
401.			7.1.07		Biên bản sinh hoạt lớp
402.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
403.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
404.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
405.		7.2		2.8.02	Quy chế học sinh, sinh viên
406.			7.2.01		Quy chế học bổng khuyến khích học tập
407.			7.2.02		Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
408.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
409.			7.2.03		Quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên
410.				2.1.01	Quy chế tuyển sinh
411.				2.3.01	Quy chế đào tạo
412.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
413.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
414.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
415.		7.3		2.8.02	Quy chế học sinh, sinh viên
416.				7.2.01	Quy chế học bổng khuyến khích học tập
417.			7.3.01		Hồ sơ xét khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
418.			7.3.02		Quyết định khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
419.				2.3.01	Quy chế đào tạo
420.				7.2.02	Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
421.				7.1.06	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm
422.				7.1.07	Biên bản sinh hoạt lớp
423.			7.3.03		Thông tin các nhóm Zalo các lớp
424.			7.3.04		Hồ sơ hội nghị đối thoại giữa Nhà trường và học sinh, sinh viên hằng năm
425.			7.3.05		Lịch trực và phân công trực của Phòng Công tác học sinh, sinh viên
426.			7.3.06		Hồ sơ tổng hợp ý kiến, phản ánh của học sinh, sinh viên qua các kênh trực tuyến

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
427.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
428.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
429.		7.4		5.2.04	Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường
430.			7.4.01		Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường
431.			7.4.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào hằng năm
432.			7.4.03		Hình ảnh học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động xã hội, thiện nguyện
433.			7.4.04		Báo cáo hoạt động của Đoàn Thanh niên nhà trường
434.				1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
435.			7.4.05		Các giấy khen, bằng khen của Nhà trường và các cấp về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động xã hội và thiện nguyện
436.		7.5		1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông lâm Phú Thọ
437.				7.1.06	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm
438.				7.1.07	Biên bản sinh hoạt lớp
439.				7.3.03	Thông tin các nhóm Zalo các lớp
440.				7.2.02	Hồ sơ thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên
441.				7.3.04	Hồ sơ hội nghị đối thoại giữa Nhà trường và học sinh, sinh viên hằng năm
442.				7.3.05	Lịch trực và phân công trực của Phòng Công tác học sinh, sinh viên
443.				7.3.06	Hồ sơ tổng hợp ý kiến, phản ánh của học sinh, sinh viên qua các kênh trực tuyến
444.			7.5.01		Kế hoạch rà soát, cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm
445.			7.5.02		Biên bản họp rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm
446.			7.5.03		Báo cáo kết quả rà soát, cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
447.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
448.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
449.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
450.	8	8.1	8.1.01		Hồ sơ thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học và các quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
451.				7.1.06	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm hằng năm
452.				7.1.07	- Biên bản sinh hoạt lớp
453.			8.1.02		Báo cáo tổng hợp tình hình học sinh, sinh viên các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
454.				1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
455.				1.3.04	Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026 của Trường và các đơn vị
456.			8.1.03		Kế hoạch và báo cáo cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học các năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026).
457.		8.2		1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)
458.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
459.				1.1.08	Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
460.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
461.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
462.				4.4.01	Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025
463.				4.1.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo
464.				1.4.02	Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL hằng năm
465.				1.3.02	Hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng
466.		8.3	8.3.01		Quy trình khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý
467.				1.1.10	Hồ sơ khảo sát nhà giáo, CBQL năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
468.			8.3.02		Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
469.		8.4	8.4.01		Quy trình khảo sát người học
470.				2.2.07	Hồ sơ khảo sát HSSV năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
471.				1.4.02	Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL hằng năm
472.				4.1.02	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo
473.			8.4.02		Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý người học năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026
474.		8.5	8.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá hằng năm
475.			8.5.02		Kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá hằng năm
476.			8.5.03		Các báo cáo tự đánh giá chất lượng
477.			8.5.04		Đường link đăng tải báo cáo tự đánh giá chất lượng trên website trường)
478.				1.4.01	Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm).
479.			8.5.05		Kế hoạch, báo cáo khắc phục hạn chế sau kiểm định năm 2023, 2024, 2025
480.			8.5.06		Nghị quyết đảng uỷ, kết luận giao ban hằng tháng
481.		8.6	8.6.01		Quy trình lần vết HSSV sau tốt nghiệp
482.			8.6.02		Các mẫu phiếu thu thập thông tin cựu HSSV
483.				4.4.01	Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến và lần vết người học sau tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025
484.				2.5.03	Các quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo